

DocuPrint CP315 dw

Hướng dẫn Sử dụng



Adobe và PostScript là các thương hiệu đã đăng ký hoặc các thương hiệu của Adobe Systems Incorporated ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.


Microsoft, Windows Vista, Windows, Windows Server và Internet Explorer là các thương hiệu đã đăng ký hoặc các thương hiệu của Microsoft Corporation ở Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

AirPrint, biểu trưng AirPrint, Bonjour, iPhone, Mac OS và OS X là các nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Google, Google Chrome, Google Cloud Print, Google Drive, Google Play, Android và Gmail là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Google Inc.

Tất cả tên sản phẩm/nhãn hiệu là các thương hiệu hoặc thương hiệu được đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

Các ảnh chụp màn hình sản phẩm của Microsoft được in lại với sự cho phép của Microsoft Corporation.

Trong sách hướng dẫn sử dụng này, ký hiệu  đứng trước các hướng dẫn an toàn. Hãy luôn đọc và làm theo các hướng dẫn này trước khi thực hiện các quy trình bắt buộc.

Bạn có thể vi phạm pháp luật khi in tiền, chứng chỉ chứng khoán và cổ phiếu hoặc bất kỳ tài liệu nào khác có bản chất tương tự, bất kể chúng có được sử dụng không.

Fuji Xerox không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hỏng hóc nào đối với máy móc do bị nhiễm vi-rút máy tính hoặc xâm nhập vào máy tính.

#### Quan trọng

- 1 Hướng dẫn này đã được đăng ký bản quyền với mọi quyền được bảo hộ. Theo luật bản quyền, không được sao chép hoặc sửa đổi toàn bộ hoặc một phần hướng dẫn này khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của bên xuất bản.
- 2 Các phần trong hướng dẫn này có thể thay đổi mà không có thông báo trước.
- 3 Chúng tôi hoan nghênh mọi góp ý về các phần chưa rõ ràng, lỗi, các phần còn bỏ sót, hoặc các trang thiếu.
- 4 Không bao giờ cố thực hiện những quy trình không được mô tả cụ thể trong hướng dẫn này trên máy. Thao tác không được phép có thể gây ra sự cố hoặc tai nạn. Fuji Xerox không chịu trách nhiệm pháp lý về mọi vấn đề phát sinh từ việc vận hành thiết bị bằng thao tác không được phép.
- 5 Việc xuất khẩu sản phẩm này được kiểm soát nghiêm ngặt theo Luật về Ngoại hối và Ngoại thương của Nhật Bản và/hoặc các quy định về kiểm soát xuất khẩu của Mỹ.

Xerox, Xerox and Design, Fuji Xerox and Design, cũng như CentreWare là các thương hiệu đã đăng ký hoặc các thương hiệu của Tập đoàn Xerox tại Nhật Bản và/hoặc các quốc gia khác.

DocuPrint là thương hiệu đã đăng ký của Fuji Xerox Co., Ltd.

# Lời tựa

Cảm ơn bạn đã mua DocuPrint CP315 dw.

Sách hướng dẫn sử dụng này được soạn cho những người mới sử dụng máy in và cung cấp tất cả thông tin vận hành cần thiết về chức năng in.

Vui lòng đọc sách hướng dẫn này để đạt hiệu suất cao nhất từ máy in này.

Sách hướng dẫn này giả định rằng bạn đã quen dùng máy tính và biết những kiến thức cơ bản về hoạt động và cấu hình mạng.

Sau khi đọc sách hướng dẫn sử dụng này, hãy cất giữ sách ở nơi an toàn và thuận tiện để tham khảo sau.

**Fuji Xerox Co., Ltd.**

# Mục lục

Lời tựa .....	3
<b>1 Trước khi bắt đầu .....</b>	<b>7</b>
1.1 Loại sách hướng dẫn sử dụng .....	8
1.1.1 Sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với máy in .....	8
1.1.2 Sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với phụ kiện tùy chọn .....	8
1.2 Giới thiệu về sách hướng dẫn sử dụng này .....	9
1.2.1 Sắp xếp .....	9
1.2.2 Quy ước .....	9
1.3 Tổng quan về máy in .....	11
1.3.1 Mặt trước, trong và sau .....	11
1.3.2 Bảng vận hành .....	13
<b>2 Thiết lập máy in .....</b>	<b>15</b>
2.1 Lắp bộ điều hợp Wi-Fi .....	16
2.2 Bật/tắt máy in .....	17
2.2.1 Bật máy in .....	17
2.2.2 Tắt máy in .....	18
2.2.3 Đặt cài đặt ban đầu trên bảng vận hành .....	18
2.3 Kết nối máy in với máy tính hoặc mạng .....	19
2.3.1 Tổng quan .....	19
2.3.2 Kết nối với mạng không dây .....	20
2.3.3 Kết nối với mạng có dây (Ethernet) .....	23
2.3.4 Kết nối với máy tính bằng USB .....	23
2.3.5 Cài đặt phần mềm cho Windows® .....	23
2.3.6 Cài đặt phần mềm cho Mac OS X .....	27
2.3.7 Cài đặt trình điều khiển in trên máy tính Linux (CUPS) .....	28
2.4 Kết nối máy in với thiết bị di động .....	29
2.4.1 Wi-Fi Direct .....	29
2.4.2 Print Utility .....	32
2.4.3 AirPrint .....	32
2.4.4 Google Cloud Print .....	33
2.4.5 Dịch vụ in Mopria .....	35
2.5 Đặt địa chỉ IP .....	37
2.5.1 Chỉ định cài đặt IP cho máy in .....	37
2.5.2 Xác minh cài đặt IP .....	38
<b>3 Sử dụng máy in .....</b>	<b>40</b>
3.1 Sử dụng bảng vận hành .....	41
3.1.1 Thay đổi ngôn ngữ .....	41
3.1.2 Khóa bảng .....	41
3.2 Tìm hiểu các trình đơn của máy in .....	43
3.2.1 [Thiết bị đã ghép nối] .....	43
3.2.2 [Báo cáo / Danh sách] .....	43
3.2.3 [Số liệu bộ đếm] .....	44
3.2.4 [Menu người quản trị] .....	44
3.2.5 [Thiết đặt khay] .....	60
3.2.6 [Ngôn ngữ bảng đ.khiển] .....	61
3.3 CentreWare Internet Services .....	62
3.3.1 Chuẩn bị sử dụng CentreWare Internet Services .....	62
3.3.2 Khởi động CentreWare Internet Services .....	63
3.3.3 Quản lý truy cập vào các trình đơn của máy in .....	63

3.4	Giảm mức tiêu thụ điện năng .....	65
3.4.1	Chuyển sang chế độ tiết kiệm điện .....	65
3.4.2	Thay đổi thời gian đã trôi qua trước khi máy in chuyển sang chế độ tiết kiệm điện.....	65
3.5	Nguyên tắc về giấy in .....	66
3.5.1	Giấy in được hỗ trợ .....	66
3.5.2	Trọng lượng giấy được hỗ trợ .....	69
3.5.3	Giấy in được đề xuất .....	69
3.5.4	Giấy in không được chấp nhận .....	69
3.5.5	Nguyên tắc cất giữ giấy in .....	70
3.6	Nạp giấy in .....	71
3.6.1	Trước khi nạp .....	71
3.6.2	Nạp giấy in trong khay 1 và Khay nạp 550 tờ tùy chọn .....	71
3.6.3	Nạp giấy in vào khay nạp tay .....	74
3.6.4	Nạp phong bì .....	77
3.6.5	Nạp giấy có sẵn tiêu đề, giấy được in sẵn và được đục lỗ .....	79
3.6.6	Liên kết các khay .....	79
<b>4</b>	<b>In .....</b>	<b>80</b>
4.1	In cơ bản .....	81
4.1.1	In từ máy tính .....	81
4.1.2	Hủy lệnh in .....	81
4.1.3	In đen trắng cho các lệnh in màu .....	81
4.1.4	In lưu trữ .....	82
4.1.5	Thay đổi cài đặt in .....	84
<b>5</b>	<b>Tìm hiểu về máy in .....</b>	<b>85</b>
5.1	Tìm hiểu phần mềm máy in của bạn .....	86
5.1.1	Tổng quan .....	86
5.1.2	Cập nhật phần mềm .....	86
5.2	Quản lý in Auditron .....	87
5.2.1	Tổng quan .....	87
5.2.2	Chỉ cho phép người dùng đã đăng ký in .....	88
5.2.3	Đặt hạn chế in đối với mỗi người dùng đã đăng ký .....	91
5.2.4	Cho phép các lệnh in không có thông tin tài khoản .....	96
5.2.5	Kiểm tra mức sử dụng in .....	97
5.3	Sử dụng chứng chỉ kỹ thuật số .....	98
5.3.1	Quản lý chứng chỉ .....	98
5.3.2	Đặt tính năng .....	101
5.4	Tìm hiểu thông báo của máy in .....	105
<b>6</b>	<b>Bảo dưỡng máy in.....</b>	<b>109</b>
6.1	Quản lý máy in .....	110
6.1.1	Quản lý máy in bằng CentreWare Internet Services .....	110
6.1.2	Kiểm tra trạng thái máy in bằng email .....	110
6.2	Giới thiệu về Vật tư .....	113
6.2.1	Vật tư .....	113
6.2.2	Kiểm tra trạng thái vật tư .....	113
6.2.3	Đặt mua vật tư .....	114
6.2.4	Cất giữ giấy in .....	114
6.2.5	Cất giữ ống mực .....	114
6.3	Thay ống mực .....	115
6.3.1	Thay hộp mực in .....	115
6.3.2	Thay hộp trống .....	117
6.3.3	Thay hộp đựng mực thải .....	122

6.4	Vệ sinh máy in .....	125
6.4.1	Vệ sinh bên trong máy in .....	125
6.5	Di chuyển máy in .....	134
6.6	Tháo bộ điều hợp Wi-Fi và các phụ kiện tùy chọn .....	135
6.6.1	Tháo khay nạp 550 tờ tùy chọn .....	135
6.6.2	Tháo Thùng máy .....	136
6.6.3	Tháo khay nạp 550 tờ tùy chọn và Thùng máy .....	138
6.6.4	Tháo bộ điều hợp Wi-Fi .....	142
6.7	Đếm số trang đã in .....	145
6.7.1	Kiểm tra theo đồng hồ .....	145
6.7.2	Kiểm tra theo người dùng .....	145
<b>7</b>	<b>Khắc phục sự cố .....</b>	<b>146</b>
7.1	Xử lý hiện tượng kẹt giấy .....	147
7.1.1	Xác định vị trí bị kẹt giấy .....	147
7.1.2	Xử lý chỗ kẹt giấy ở khay nạp tay và khay 1 .....	147
7.1.3	Xử lý chỗ kẹt giấy ở bên trong nắp sau .....	149
7.1.4	Xử lý chỗ kẹt giấy ở khay nạp 550 tờ tùy chọn .....	153
7.2	Sự cố có thể xảy ra và giải pháp .....	155
7.2.1	Sự cố cơ bản của máy in .....	155
7.2.2	Sự cố hiển thị .....	155
7.2.3	Sự cố in .....	155
7.2.4	Sự cố về chất lượng in .....	157
7.2.5	Sự cố kẹt giấy/căn chỉnh .....	170
7.2.6	Nhiều .....	174
7.2.7	Sự cố với chứng chỉ kỹ thuật số .....	175
7.2.8	Sự cố với kết nối không dây .....	176
7.2.9	Sự cố với Wi-Fi Direct .....	176
7.2.10	Sự cố với khay nạp 550 tờ tùy chọn đã lắp đặt .....	177
7.2.11	Sự cố khác .....	178
7.3	Liên hệ với dịch vụ .....	179
7.4	Nhận trợ giúp .....	180
7.4.1	Thông báo trên bảng vận hành .....	180
7.4.2	Lấy thông tin sản phẩm .....	180
	<b>Phụ lục .....</b>	<b>181</b>
	Các thông số kỹ thuật .....	182
	Khay nạp 550 tờ tùy chọn .....	185
	Chế độ không chính hãng .....	186
	Liên hệ với Fuji Xerox .....	187
	Chính sách hỗ trợ kỹ thuật .....	187
	Dịch vụ trực tuyến .....	187

# 1 Trước khi bắt đầu

1.1	Loại sách hướng dẫn sử dụng .....	8
1.2	Giới thiệu về sách hướng dẫn sử dụng này .....	9
1.3	Tổng quan về máy in .....	11

# 1.1 Loại sách hướng dẫn sử dụng

## 1.1.1 Sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với máy in

### Safety Guide

Mô tả thông tin mà bạn cần biết trước khi sử dụng máy in và cách vận hành máy in an toàn.

### Hướng dẫn thiết lập

Mô tả hướng dẫn từng bước về cách thiết lập máy in của bạn.

### Hướng dẫn Sử dụng (sách hướng dẫn sử dụng này)(đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm")

Mô tả cách chuẩn bị in cũng như cách đặt nhiều tính năng khác nhau. Sách này còn đề cập đến các trình đơn trên bảng vận hành, mẹo khắc phục sự cố và thông tin bảo dưỡng.

## 1.1.2 Sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với phụ kiện tùy chọn

Có sẵn các phụ kiện tùy chọn cho sản phẩm này. Các phụ kiện tùy chọn đi kèm với hướng dẫn lắp đặt cung cấp quy trình thiết lập sản phẩm.

# 1.2 Giới thiệu về sách hướng dẫn sử dụng này

Sách hướng dẫn sử dụng này dành cho người mới sử dụng máy in. Phần này mô tả các thao tác cơ bản cho tính năng in.



**Lưu ý**

- Trong sách này, quy trình cho máy tính được giải thích bằng Microsoft® Windows® 7 và OS X 10.11, trừ khi được nêu khác.

## 1.2.1 Sắp xếp

Sách hướng dẫn sử dụng này được sắp xếp thành các chương sau.

### 1 Trước khi bắt đầu (Tr.7)

Mô tả thông tin cơ bản về máy in trước khi vận hành các tính năng.

### 2 Thiết lập máy in (Tr.15)

Mô tả cách kết nối máy in với máy tính và mạng, cũng như cách cài đặt phần mềm vào máy tính của bạn.

### 3 Sử dụng máy in (Tr.40)

Mô tả thông tin về các màn hình trên máy in hoặc máy tính của bạn, loại giấy được hỗ trợ, cùng với cách nạp giấy và tài liệu.

### 4 In (Tr.80)

Mô tả cách in tài liệu bằng nhiều tính năng khác nhau.

### 5 Tìm hiểu về máy in (Tr.85)

Mô tả thông tin về phần mềm và các tính năng nâng cao.

### 6 Bảo dưỡng máy in (Tr.109)

Mô tả cách bảo dưỡng máy in, như vệ sinh máy in.

### 7 Khắc phục sự cố (Tr.146)

Mô tả mẹo khắc phục sự cố máy in.

### Phụ lục (Tr.181)

Mô tả các thông số kỹ thuật của máy in và thông tin hỗ trợ.

## 1.2.2 Quy ước

- Trong sách hướng dẫn sử dụng này, "máy tính" được dùng để chỉ máy trạm hoặc máy tính cá nhân.
- Xin lưu ý rằng các ảnh chụp màn hình trong sách hướng dẫn sử dụng này sẽ áp dụng cho máy in được cấu hình đầy đủ, và do đó, chúng có thể không minh họa chính xác cấu hình bạn đang sử dụng.
- Sách hướng dẫn này sử dụng các ký hiệu sau đây:



**Quan trọng**

Cho biết thông tin quan trọng bạn phải biết hoặc sẽ được nhắc trước khi thực hiện các thao tác.



**Lưu ý**

Cho biết thông tin bổ sung hữu ích cho các thao tác.



**Tham khảo**

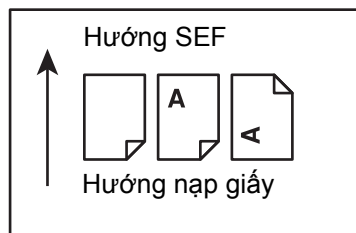
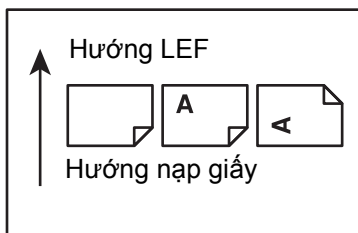
Biểu thị các phần hoặc tài liệu tham khảo.

" "	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tham chiếu chéo có trong sách hướng dẫn sử dụng này.</li> <li>• Tên của DVD-ROM, thông báo trên bảng vận hành và văn bản nhập.</li> </ul>
Sách hướng dẫn sử dụng XXX	Cho biết tên của sách hướng dẫn sử dụng tham khảo.
[ ]	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các tên màn hình, nút hoặc trình đơn được hiển thị trên màn hình bảng vận hành.</li> <li>• Các nút, trình đơn, thư mục, cửa sổ hoặc hộp thoại được hiển thị trên màn hình máy tính.</li> </ul>
< >	Biểu thị các nút thực trên bảng vận hành.
>	Cho biết dòng quy trình.

– Hướng của tài liệu hoặc giấy được mô tả trong sách hướng dẫn sử dụng này như sau:

Nạp theo mép dài (LEF): Nạp tài liệu hoặc giấy theo hướng ngang.

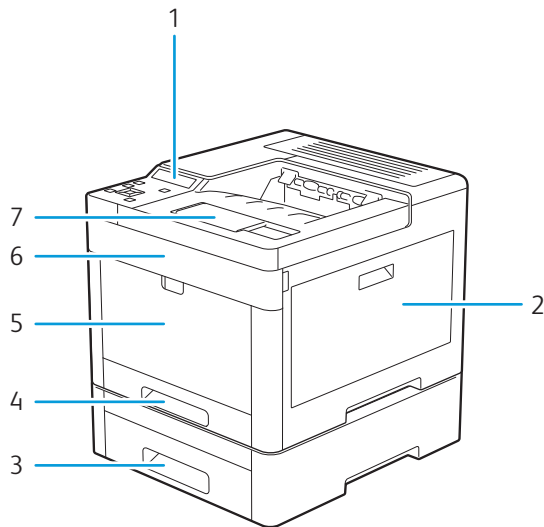
Nạp theo mép ngắn (SEF): Nạp tài liệu hoặc giấy theo hướng dọc.



# 1.3 Tổng quan về máy in

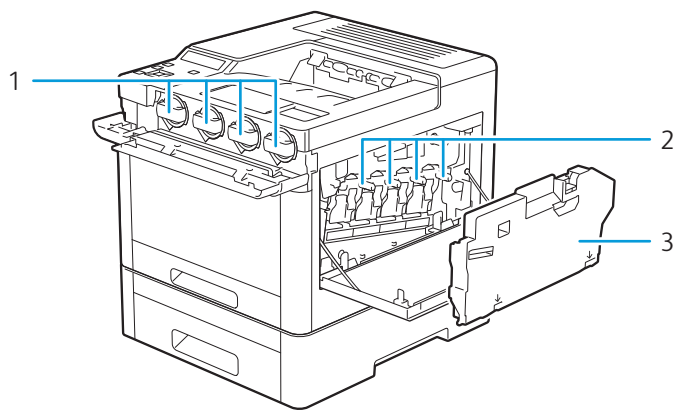
## 1.3.1 Mặt trước, trong và sau

### Mặt trước



1	Bảng vận hành	5	Khay nạp tay
2	Nắp bên phải	6	Nắp trước
3	Khay nạp 550 tờ tùy chọn (Khay 2)	7	Phần mở rộng khay giấy ra
4	Khay 1		

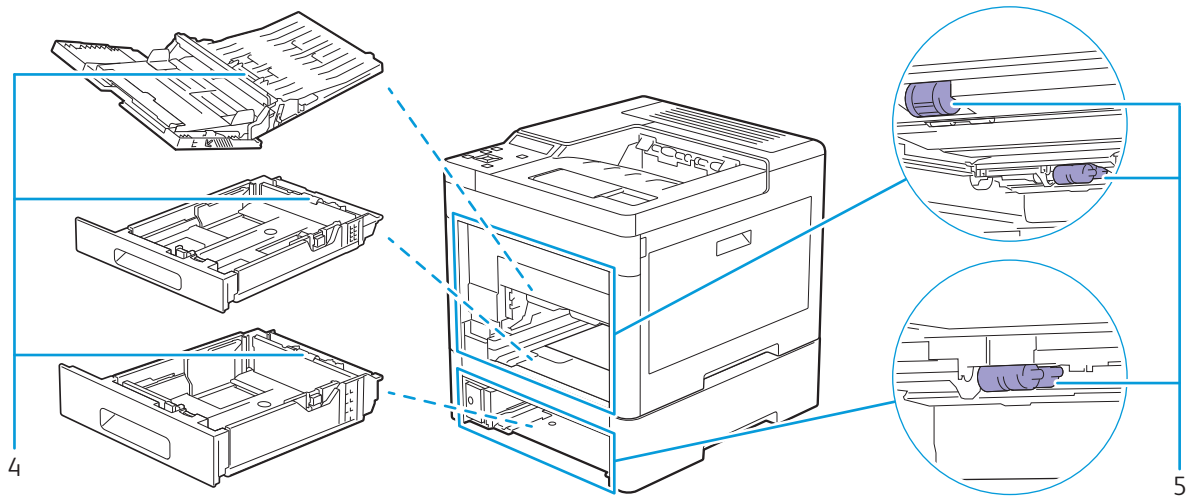
### Mặt trong



1	Hộp mực in
2	Hộp trống
3	Hộp đựng mực thải

 **Lưu ý**

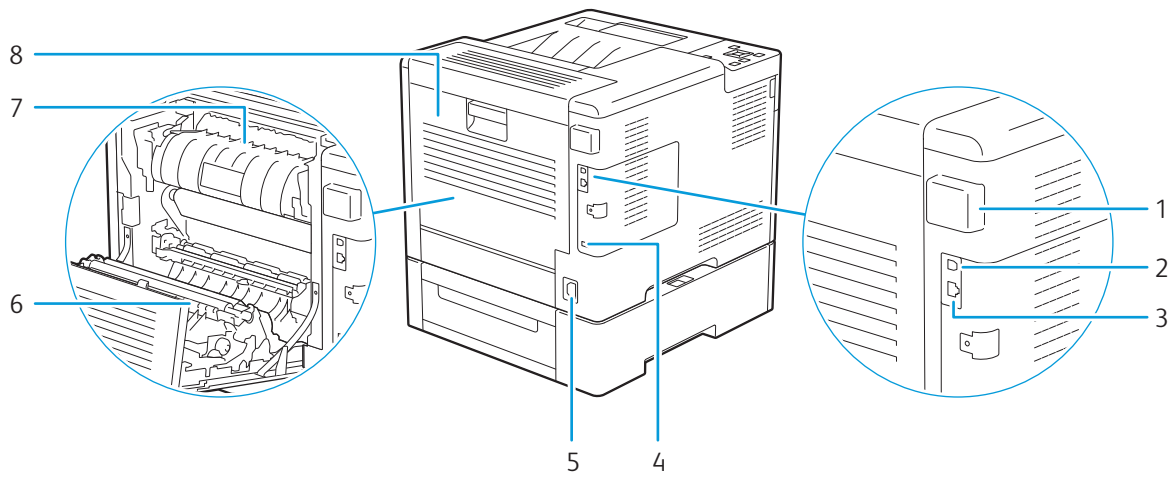
- Không tháo hoặc lắp hộp mực in khi máy in đang hoạt động.



4 Con lăn hãm

5 Con lăn nạp giấy

## Mặt sau



1 Bộ điều hợp Wi-Fi

2 Cổng USB

3 Cổng Ethernet

4 Khe khóa Kensington

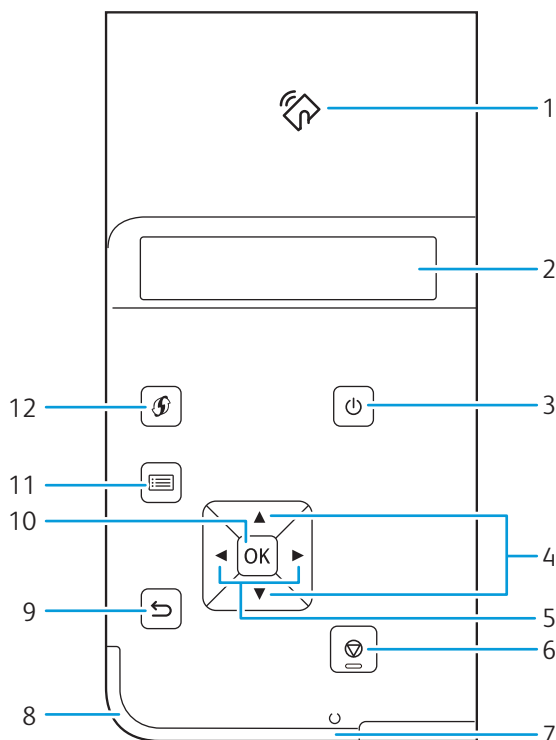
5 Đầu nối nguồn điện

6 Bộ phận lật mặt

7 Cầu chì


8 Nắp sau

## 1.3.2 Bảng vận hành




1	<NFC>	Bắt đầu kết nối giữa máy in và thiết bị di động có chức năng NFC khi bạn chạm hoặc vẫy thiết bị bên trên đầu đọc.
		<p> <b>Lưu ý</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chức năng phát hiện NFC có thể thay đổi tùy theo loại thiết bị.</li> </ul>
2	Màn hình LCD	Hiển thị các cài đặt, chỉ dẫn và thông báo lỗi khác nhau.
3	Nút  <Power> (Nguồn)	Bật/tắt máy in hoặc chuyển đổi máy in giữa 2 chế độ: chờ và tiết kiệm điện.
		<p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Để biết chi tiết về cách bật/tắt máy in, hãy xem "Bật/tắt máy in (Tr.17)."</li> <li>Để biết chi tiết về chế độ tiết kiệm điện, hãy xem "Giảm mức tiêu thụ điện năng (Tr.65)".</li> </ul>
4	▲ ▼ Nút	Cuộn qua các menu hoặc các mục trong chế độ Menu. Để nhập số hoặc mật khẩu, hãy bấm các nút này.
5	◀ ▶ Nút	Chọn menu con hoặc giá trị cài đặt trong chế độ Menu.
6	Nút  <Cancel Job> (Hủy lệnh)	Hủy lệnh in hiện tại hoặc xóa giá trị bạn đã nhập.
7	Đèn LED Ready (Sẵn sàng)	Hiển thị đèn màu trắng khi máy in sẵn sàng và đèn trắng nhấp nháy khi dữ liệu đang được xử lý.
8	Đèn LED trạng thái	Nhấp nháy màu xanh lam khi máy in nhận được tín hiệu nhận dạng từ thiết bị di động. Nhấp nháy màu cam khi xảy ra lỗi.
9	Nút  <Back> (Quay lại)	Chuyển sang chế độ In từ menu trên cùng ở chế độ Menu. Quay lại phân cấp cao hơn của menu từ menu con ở chế độ Menu.
10	nút	Hiển thị menu hoặc mục được chọn và xác định giá trị được chọn ở chế độ Menu.

---


11 Nút  <Menu> (Trình đơn) Chuyển đến menu trên cùng.

---

12  Nút <WPS> Khởi động Wi-Fi Protected Setup (Cấu hình nút đẩy).

---

 **Lưu ý**

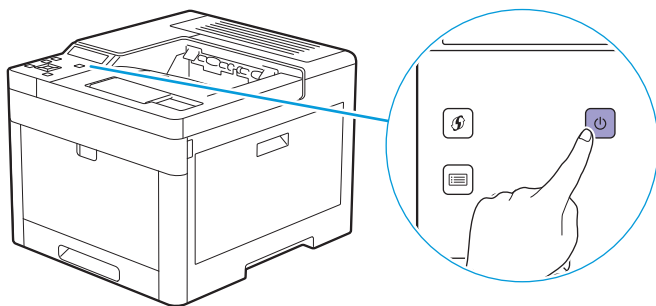
- Thao tác chuyển đến trình đơn khác hoặc quay lại màn hình trước đó sẽ hủy mục nhập hoặc cài đặt hiện tại. Đảm bảo rằng bạn bấm nút  để lưu mục nhập hoặc cài đặt hiện tại.

# 2 Thiết lập máy in

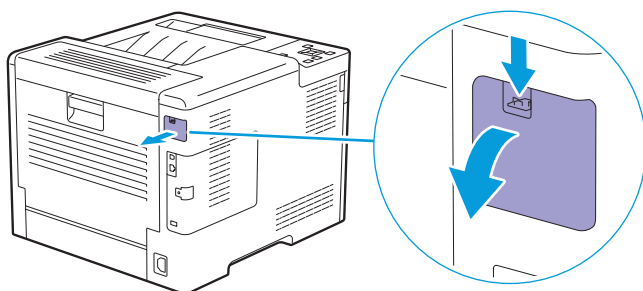
2.1	Lắp bộ điều hợp Wi-Fi .....	16
2.2	Bật/tắt máy in.....	17
2.3	Kết nối máy in với máy tính hoặc mạng .....	19
2.4	Kết nối máy in với thiết bị di động.....	29
2.5	Đặt địa chỉ IP .....	37

## 2.1 Lắp bộ điều hợp Wi-Fi

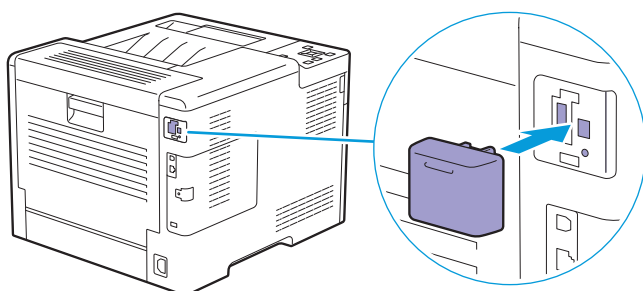
### 1. Tắt máy in.



### 2. Đẩy chốt của nắp ổ cắm bộ điều hợp Wi-Fi xuống, rồi tháo nắp ra.



### 3. Cắm đầu nối của bộ điều hợp Wi-Fi vào ổ cắm của bộ điều hợp Wi-Fi.



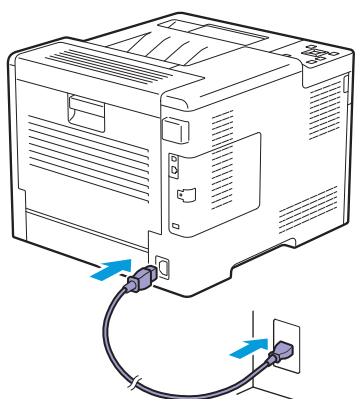
## 2.2 Bật/tắt máy in

### 2.2.1 Bật máy in

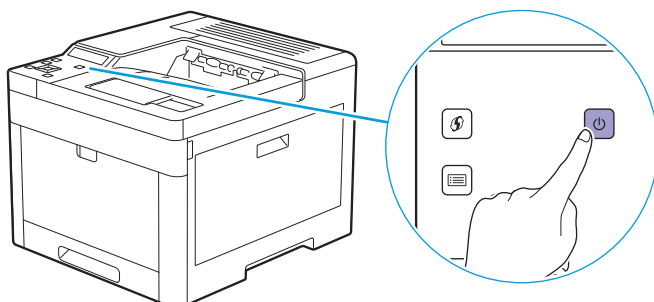
#### ! Quan trọng

- Không sử dụng dây kéo dài hoặc ổ cắm dài.
- Không nên kết nối máy in với hệ thống cấp điện liên tục (UPS).
- Sau khi bật máy in lần đầu tiên, hãy đặt các cài đặt ngôn ngữ hiển thị, ngày và giờ. Để biết chi tiết, hãy xem "Đặt cài đặt ban đầu trên bảng vận hành (Tr.18)".

1. Cắm dây nguồn vào đầu nối nguồn ở mặt sau của máy in, rồi cắm phích nguồn vào ổ cắm điện.



2. Bấm nút  <Power> (Nguồn) trên bảng vận hành.

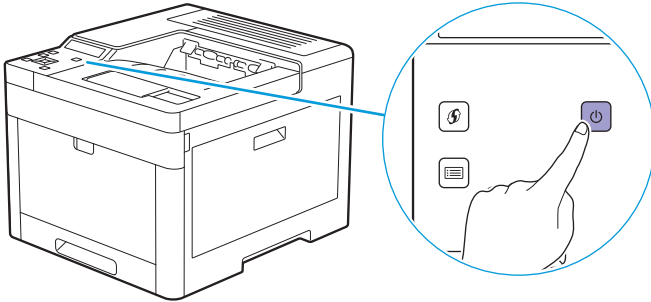


## 2.2.2 Tắt máy in

### ! Quan trọng


- Dữ liệu trong bộ nhớ sẽ bị xóa khi máy in bị tắt.

#### 1. Bấm nút <Power> (Nguồn).



#### 2. Đảm bảo rằng [Tắt nguồn] được hiển thị trên màn hình LCD rồi nhấn nút .

### 💡 Lưu ý

- Nhấn và giữ nút  <Power> (Nguồn) trong ba giây trở lên có thể sẽ tắt máy in ngay lập tức.

## 2.2.3 Đặt cài đặt ban đầu trên bảng vận hành

Bạn cần đặt ngôn ngữ hiển thị, cài đặt ngày và giờ trước khi sử dụng máy in.

#### 1. Bấm nút <Menu> (Trình đơn).

#### 2. Bấm nút hoặc để chọn [Ngôn ngữ bảng đ.khiển], rồi bấm nút .

#### 3. Bấm nút hoặc để chọn ngôn ngữ mong muốn, rồi bấm nút .

#### 4. Bấm nút <Back> (Quay lại).

#### 5. Bấm nút hoặc để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .

### 💡 Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

#### 6. Bấm nút hoặc để chọn [Thiết đặt hệ thống], rồi bấm nút .

#### 7. Bấm nút hoặc để chọn [Thiết đặt đồng hồ], rồi bấm nút .

#### 8. Bấm nút hoặc để chọn [Định dạng ngày tháng], rồi bấm nút .

#### 9. Bấm nút hoặc để chọn định dạng ngày mong muốn, rồi bấm nút .

#### 10. Bấm nút <Back> (Quay lại).

#### 11. Bấm nút hoặc để chọn [Định dạng thời gian], rồi bấm nút .

#### 12. Bấm nút hoặc để chọn định dạng thời gian mong muốn, rồi bấm nút .

#### 13. Bấm nút <Back> (Quay lại).

#### 14. Bấm nút hoặc để chọn [Đặt ngày tháng & thời gian], rồi bấm nút .

#### 15. Bấm nút hoặc để chọn múi giờ của bạn, rồi bấm nút .

#### 16. Nhập ngày hiện tại, rồi bấm nút .

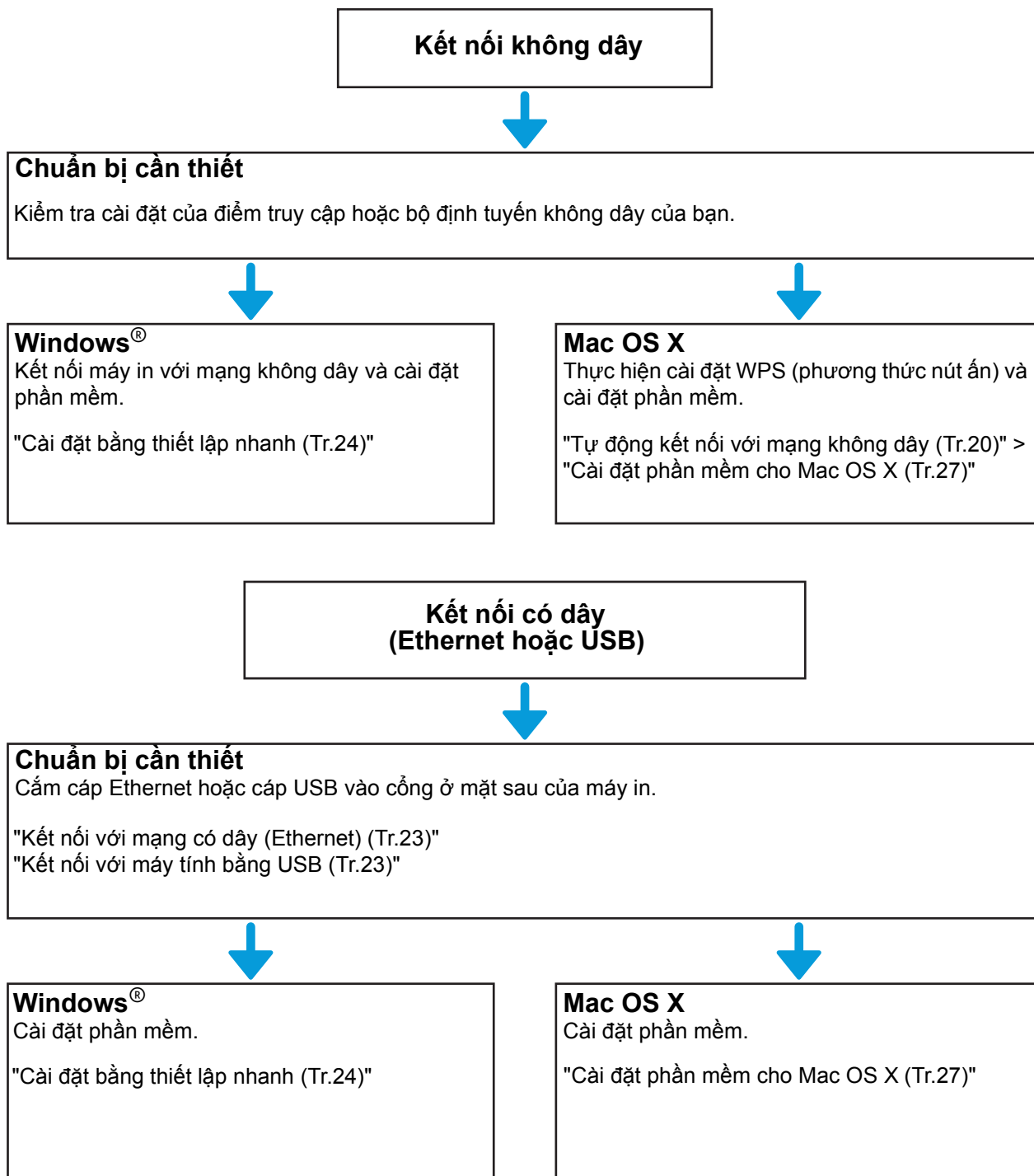
#### 17. Nhập thời gian hiện tại, rồi bấm nút .

Bạn đã hoàn tất các cài đặt ban đầu.

## 2.3 Kết nối máy in với máy tính hoặc mạng

### 2.3.1 Tổng quan

Máy in hỗ trợ kết nối có dây và không dây. Dưới đây là các quy trình đơn giản được đề xuất để kết nối máy in với máy tính hoặc mạng.



## 2.3.2 Kết nối với mạng không dây

### Chuẩn bị sử dụng mạng không dây

Thực hiện quy trình sau trước khi định cấu hình cài đặt không dây.

#### 1. Đảm bảo bộ điều hợp Wi-Fi được gắn vào máy in.



##### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Lắp bộ điều hợp Wi-Fi (Tr.16)".

#### 2. Đảm bảo ngắt kết nối cáp Ethernet khỏi máy in.

### Tự động kết nối với mạng không dây

WPS (phương thức nút ấn) và WPS (phương thức mã PIN) là các phương thức đơn giản để thiết lập kết nối không dây.

Đối với WPS (phương thức nút ấn), định cấu hình cài đặt trên bảng vận hành, rồi nhấn nút trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây của bạn.

Đối với WPS (phương thức mã PIN), nhập mã PIN được máy in gán tự động cho điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.

Các phương pháp này chỉ khả dụng khi điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây hỗ trợ WPS.



##### Lưu ý

- Trước khi khởi động WPS (phương thức nút ấn), hãy tìm vị trí của nút WPS (tên nút có thể thay đổi) trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.
- Để biết chi tiết về hoạt động của WPS trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây, hãy xem sách hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.

#### ● Khi kết nối bằng WPS (Phương thức nút ấn) với nút trên bảng vận hành

##### 1. Bấm và giữ nút <WPS> cho đến khi màn hình LCD hiển thị "Bấm nút WPS trên bộ định tuyến".



##### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

##### 2. Bắt đầu vận hành WPS (phương thức nút ấn) trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây trong 2 phút.

Máy in sẽ tự động khởi động lại để hoàn tất quá trình thiết lập kết nối không dây.

#### ● Khi kết nối bằng WPS (Phương thức nút ấn) với menu máy in

##### 1. Bấm nút <Menu> (Trình đơn).

##### 2. Bấm nút hoặc để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .



##### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

##### 3. Bấm nút hoặc để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .

##### 4. Bấm nút hoặc để chọn [Wi-Fi], rồi bấm nút .

##### 5. Bấm nút hoặc để chọn [Thiết lập WPS], rồi bấm nút .



##### 6. Bấm nút hoặc để chọn [Nút nhấn], rồi bấm nút .

##### 7. Bấm nút hoặc để chọn [Bắt đầu], rồi bấm nút .

8. Khi thông báo "Bấm nút WPS trên bộ định tuyến" hiển thị, hãy khởi động hoạt động của WPS (phương thức nút ấn) trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây trong 2 phút.

Máy in sẽ tự động khởi động lại để hoàn tất quá trình thiết lập kết nối không dây.







### ● Khi kết nối bằng WPS (Phương thức mã PIN)

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .



#### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".



3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Wi-Fi], rồi bấm nút .
5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết lập WPS], rồi bấm nút .
6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Mã PIN], rồi bấm nút .
7. Ghi lại mã PIN có 8 chữ số được hiển thị, hoặc bấm nút ▲ hay ▼ để chọn [In mã PIN], rồi bấm nút  để in mã PIN.
8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bắt đầu cấu hình], rồi bấm nút .
9. Bảo đảm rằng thông báo "Vận hành bộ định tuyến không dây" được hiển thị, rồi nhập mã PIN vào điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.

Máy in sẽ tự động khởi động lại để hoàn tất quá trình thiết lập kết nối không dây.

## Kết nối với Mạng không dây theo cách thủ công

Kết nối với mạng không dây bằng cách chọn điểm truy cập của bạn từ danh sách hoặc bằng cách chỉ định SSID.




### ● Khi kết nối bằng cách chọn điểm truy cập

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .



#### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Wi-Fi], rồi bấm nút .
5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết lập Wi-Fi], rồi bấm nút .

Máy in sẽ tìm kiếm các điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây trên mạng không dây.


6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây mong muốn, rồi bấm nút .



#### Lưu ý

- Nếu điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây mong muốn không xuất hiện, hãy chuyển sang "Khi kết nối bằng cách nhập thủ công SSID (Tr.22)".
- Một số SSID bị ẩn và có thể không được hiển thị. Nếu không phát hiện thấy SSID, hãy bật tính năng truyền SSID từ bộ định tuyến.

7. Nhập khóa WEP hoặc cụm mật khẩu.

- Nếu kiểu mã hóa của điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây đã chọn là WEP:
  - a Nhập mã WEP, rồi bấm nút .

- Nếu kiểu mã hóa của điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây đã chọn là WPA, WPA2 hoặc Hỗn hợp:  
**a** Nhập cụm mật khẩu, rồi bấm .

#### Lưu ý

- Cụm mật khẩu là một khóa mã hóa và có thể được mô tả trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây. Để biết chi tiết, hãy xem sách hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.

Máy in sẽ tự động khởi động lại để hoàn tất quá trình thiết lập kết nối không dây.

## ● Khi kết nối bằng cách nhập thủ công SSID

**1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).**

**2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .**

#### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

**3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .**

**4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Wi-Fi], rồi bấm nút .**

**5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết lập Wi-Fi], rồi bấm nút .**

**6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết lập thủ công], rồi bấm nút .**

**7. Nhập SSID, rồi bấm nút .**

**8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn chế độ mạng từ [Cơ sở hạ tầng] và [Phi thẻ thức], rồi bấm nút .**

#### Lưu ý

- Khi [Wi-Fi Direct] được bật, bạn không thể chọn [Phi thẻ thức].

**9. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn loại mã hóa [Không bảo mật], [Chế độ hỗn hợp PSK], [WPA2-PSK-AES] hoặc [WEP].**

- Nếu bạn không thiết lập bảo mật cho mạng không dây của mình:  
**a** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Không bảo mật], rồi bấm nút .
- Nếu bạn sử dụng loại mã hóa [Chế độ hỗn hợp PSK] hoặc [WPA2-PSK-AES]:  
**a** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ hỗn hợp PSK] hoặc [WPA2-PSK-AES], rồi bấm nút   
**b** Nhập cụm mật khẩu, rồi bấm nút .
- Nếu bạn sử dụng loại mã hóa [WEP]:  
**a** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [WEP], rồi bấm nút   
**b** Nhập mã WEP, rồi bấm nút   
**c** Chọn mã truyền mong muốn, rồi bấm nút .

#### Lưu ý

- Cụm mật khẩu là một khóa mã hóa và có thể được mô tả trên điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây. Để biết chi tiết, hãy xem sách hướng dẫn sử dụng được cung cấp kèm điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.
- Nếu bạn chọn [Phi thẻ thức], thì [Chế độ hỗn hợp PSK] và [WPA2-PSK-AES] không khả dụng.

Máy in sẽ tự động khởi động lại để hoàn tất quá trình thiết lập kết nối không dây.

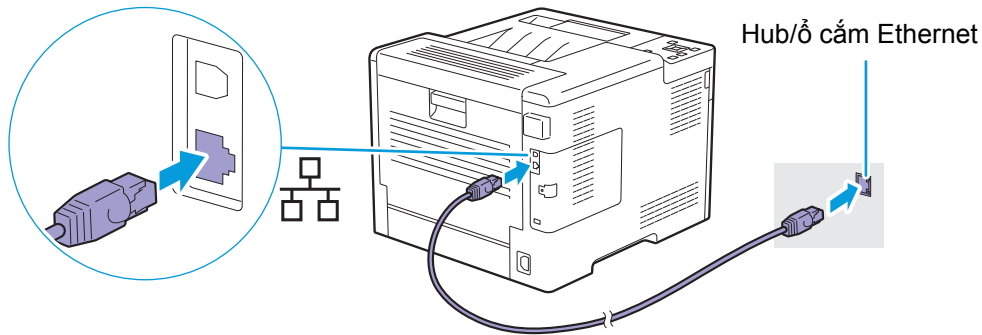
## Thay đổi cài đặt không dây

Để thay đổi cài đặt không dây của máy in từ máy tính của bạn, hãy khởi động CentreWare Internet Services. Xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

Bạn cũng có thể đặt cài đặt tương tự bằng đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm".

## 2.3.3 Kết nối với mạng có dây (Ethernet)

Để kết nối máy in với mạng Ethernet, hãy cắm cáp Ethernet vào cổng Ethernet ở mặt sau của máy in, rồi cắm đầu kia của cáp vào hub hoặc ổ cắm Ethernet.



## 2.3.4 Kết nối với máy tính bằng USB

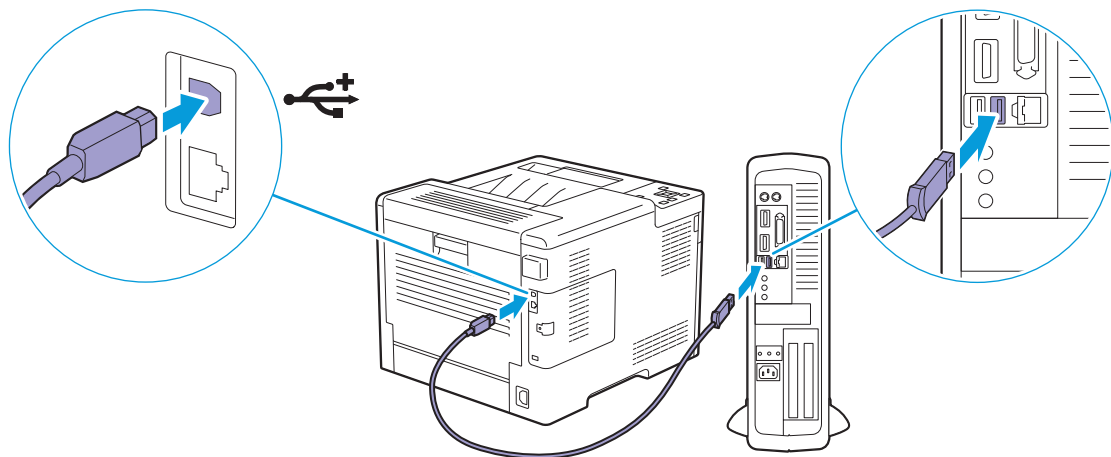
Để kết nối trực tiếp máy in với máy tính, hãy cắm đầu nối USB nhỏ hơn vào cổng USB ở mặt sau của máy in, rồi cắm đầu kia của cáp vào cổng USB của máy tính.

### ! Quan trọng

- Không kết nối máy in với bộ chia cổng USB.

### 💡 Lưu ý

- Đảm bảo khớp biểu tượng USB trên đầu cắm cáp với biểu tượng USB trên máy in.



## 2.3.5 Cài đặt phần mềm cho Windows®

### 💡 Lưu ý

- Đảm bảo máy in được kết nối với máy tính hoặc mạng trước khi cài đặt. Để biết chi tiết, hãy xem các phần sau:
  - "Kết nối với mạng không dây (Tr.20)"
  - "Kết nối với mạng có dây (Ethernet) (Tr.23)"
  - "Kết nối với máy tính bằng USB (Tr.23)"
- Khi cài đặt trong một máy tính có kết nối mạng, hãy đảm bảo rằng bạn bật tính năng [Bật phát hiện mạng] trong cài đặt máy tính. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem phần trợ giúp của máy tính.

# Cài đặt Trình điều khiển Printer Control Language (PCL), Trình điều khiển PostScript 3 Compatible và Fuji Xerox Common Print Driver

## ● Cài đặt bằng thiết lập nhanh

Bạn có thể sử dụng trình cài đặt của máy in để tự động cài đặt các phần mềm sau:

- Trình điều khiển PCL
- Print & Scan Hub

Bạn cũng có thể thiết lập kết nối không dây bằng một quy trình đơn giản.

### 💡 Lưu ý

- Không thể sử dụng [Thiết lập nhanh] khi kết nối máy in với mạng không dây bằng mã hóa WEP. Khi sử dụng mã hóa WEP, thiết lập kết nối mạng không dây từ bảng vận hành của máy in, rồi cài đặt phần mềm bằng [Tùy chỉnh cài đặt]. Để biết chi tiết về cách kết nối mạng không dây, hãy xem "Kết nối với Mạng không dây theo cách thủ công (Tr.21)". Để biết chi tiết về cách cài đặt phần mềm, hãy xem "Cài đặt bằng Tùy chỉnh cài đặt (Tr.24)".

### 📖 Tham khảo

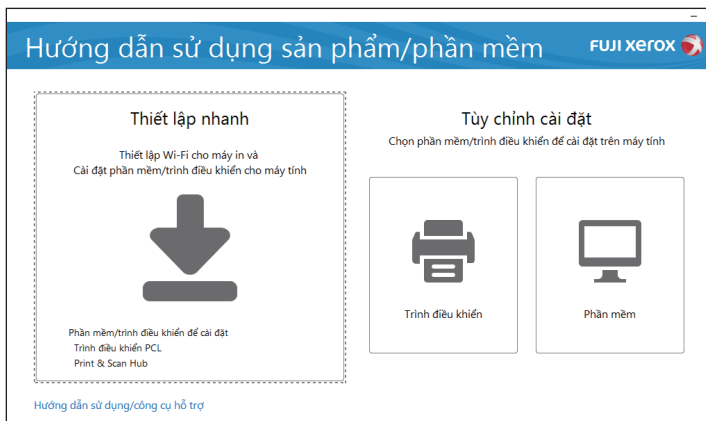
- Để cài đặt trình điều khiển PostScript 3 Compatible và Fuji Xerox Common Print Driver, hãy xem "Cài đặt bằng Tùy chỉnh cài đặt (Tr.24)".
- Để cài đặt trình điều khiển XML Paper Specification (XPS), hãy xem "Cài đặt trình điều khiển in XML Paper Specification (XPS) (Tr.25)".

## 1. Lắp đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" vào máy tính của bạn.

### 💡 Lưu ý

- Bạn cũng có thể truy cập <http://www.fujixeroxprinters.com/> để tải xuống phần mềm mới nhất.
- Nếu đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" không khởi động, hãy thực hiện các thao tác sau.
  - 1 Bấm vào [Start] > [All Programs] > [Accessories] > [Run].  
Đối với Windows® 10, bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Run].
  - 2 Nhập "D:\Launcher.exe" ("D" là tên ổ đĩa của ổ đĩa quang), rồi bấm vào [OK].

## 2. Bấm vào [Thiết lập nhanh].



## 3. Nếu bạn đồng ý với các điều khoản của [Thỏa thuận cấp phép], hãy chọn [Tôi chấp nhận với các điều khoản của thỏa thuận này], rồi bấm vào [Tiếp theo].

Trình cài đặt máy in sẽ bắt đầu tìm kiếm máy in của bạn.

## 4. Sau khi tìm thấy máy in, hãy bấm vào [Cài đặt], rồi làm theo chỉ dẫn trên màn hình để hoàn tất quá trình thiết lập.

## ● Cài đặt bằng Tùy chỉnh cài đặt

Bạn có thể sử dụng trình cài đặt của máy in để chọn các phần mềm muốn cài đặt.

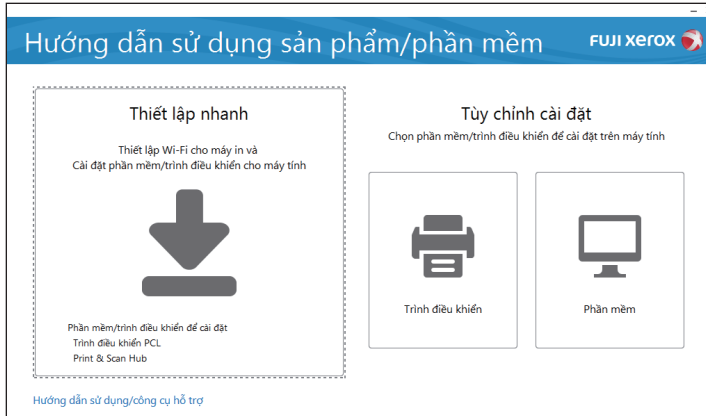
## 1. Lắp đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" vào máy tính của bạn.

### Lưu ý

- Bạn cũng có thể truy cập <http://www.fujixeroxprinters.com/> để tải xuống phần mềm mới nhất.
- Nếu đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" không khởi động, hãy thực hiện các thao tác sau.
  - Bấm vào [Start] > [All Programs] > [Accessories] > [Run].  
Đối với Windows® 10, bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Run].
  - Nhập "D:Launcher.exee"("D" là tên ổ đĩa của ổ đĩa quang), rồi bấm vào [OK].

## 2. Bấm [Trình điều khiển] hoặc [Phần mềm].

Nếu bạn chọn [Phần mềm], hãy chuyển sang bước 5.



## 3. Nếu bạn đồng ý với các điều khoản của [Thỏa thuận cấp phép], hãy chọn [Tôi chấp nhận với các điều khoản của thỏa thuận này], rồi bấm vào [Tiếp theo].

## 4. Chọn phương thức kết nối bạn đang sử dụng, rồi bấm vào [Tiếp theo].

## 5. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất quá trình thiết lập.

Fuji Xerox Common Print Driver được hỗ trợ và tối ưu hóa trên Windows® 8.1 trở lên.

## Cài đặt trình điều khiển in XML Paper Specification (XPS)

### Lưu ý

- Trình điều khiển XML Paper Specification (XPS) được hỗ trợ trên Windows Vista® trở lên.
- Nếu đang sử dụng Windows Vista® hoặc Windows Server® 2008, bạn cần cài đặt Gói dịch vụ 2 trở lên, rồi đến Windows® Platform Update (KB971644). Bản cập nhật (KB971644) có sẵn để tải xuống từ Windows® Update.

Quy trình sau đây sử dụng Windows® 7 và Windows® 10 làm ví dụ.

### ● Đối với Windows® 7:

## 1. Lắp đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" vào máy tính của bạn.

## 2. Mở các thư mục sau trong đĩa: [Software] > [XPS] > [i386\_amd64].

## 3. Mở thư mục ngôn ngữ mong muốn, sau đó giải nén tệp zip trong thư mục ra vị trí mong muốn.

## 4. Bấm vào [Start] > [Devices and Printers] > [Add a printer].

Nếu hộp thoại [User Account Control] xuất hiện, hãy bấm vào [Yes].

### Lưu ý

- Nếu bạn đăng nhập với tư cách quản trị viên trên máy tính, hãy bấm vào [Yes]; nếu không, hãy liên hệ với quản trị viên để tiếp tục hành động mong muốn.

## 5. Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho đến khi màn hình [Install the printer driver] hiện ra.

## 6. Bấm vào [Have Disk] > [Browse].


7. Chọn tệp inf trong thư mục được trích xuất ở bước 3, rồi bấm vào [Open] > [OK].
8. Chọn kiểu máy in từ danh sách, rồi bấm vào [Next].
9. Nhập tên máy in, rồi bấm vào [Next].
10. Chọn [Do not share this printer] hoặc [Share this printer so that others on your network can find and use it], rồi bấm vào [Next].
11. Khi quá trình cài đặt trình điều khiển hoàn tất, hãy bấm vào [Print a test page] để xác minh cài đặt.
12. Bấm vào [Finish].

#### ● Đối với Windows® 10:

1. Lắp đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" vào máy tính của bạn.
2. Mở các thư mục sau trong đĩa: [Software] > [XPS] > [i386\_amd64].
3. Mở thư mục ngôn ngữ mong muốn, sau đó giải nén tệp zip trong thư mục ra vị trí mong muốn.
4. Bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Control Panel].
5. Bấm vào [Hardware and Sound] > [Devices and Printers] > [Add a printer].
6. Bấm vào [The printer that I want isn't listed].
7. Chọn [Add a local printer or network printer with manual settings], rồi bấm vào [Next].
8. Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho đến khi màn hình [Install the printer driver] hiện ra.
9. Bấm vào [Have Disk] > [Browse].
10. Chọn tệp inf trong thư mục được trích xuất ở bước 3, rồi bấm vào [Open] > [OK].
11. Chọn kiểu máy in từ danh sách, rồi bấm vào [Next].
12. Nhập tên máy in, rồi bấm vào [Next].
13. Khi quá trình cài đặt trình điều khiển hoàn tất, hãy bấm vào [Print a test page] để xác minh cài đặt.
14. Bấm vào [Finish].

## Sử dụng công cụ hỗ trợ cho cài đặt mạng và đĩa thiết lập

Bạn có thể sử dụng trình cài đặt của máy in để tạo đĩa thiết lập cho trình điều khiển cũng như chỉ định cài đặt mạng. Bạn có thể truy cập các trình đơn cài đặt sau bằng cách bấm vào [Hướng dẫn sử dụng/công cụ hỗ trợ] ở trình đơn trên cùng của trình cài đặt máy in:

- [Tạo đĩa thiết lập trình điều khiển]
  - Cho phép bạn tạo cài đặt gói cài đặt trình điều khiển một cách thuận tiện. Nếu bạn muốn cài đặt trình điều khiển có cài đặt giống nhau trên nhiều máy tính, hãy tạo một đĩa thiết lập trong một phương tiện hoặc trong một máy chủ trên mạng. Sử dụng đĩa thiết lập sẽ giúp giảm khối lượng công việc cần thực hiện khi cài đặt trình điều khiển.
-  **Lưu ý**
  - Đảm bảo đĩa thiết lập phải được tạo trên máy tính chạy cùng hệ điều hành với máy tính đích mà bạn muốn cài đặt trình điều khiển. Tạo một đĩa thiết lập riêng cho từng hệ điều hành.
- [Thiết đặt địa chỉ IP]

Cho phép bạn chỉ định cài đặt địa chỉ IP.

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Sử dụng trình cài đặt máy in (Chỉ dành cho Windows®) (Tr.37)".

- [Thiết đặt Wi-Fi]

Cho phép bạn chỉ định cài đặt không dây.

## 2.3.6 Cài đặt phần mềm cho Mac OS X

### Cài đặt phần mềm

1. Lắp đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" vào máy tính của bạn.
2. Mở các thư mục sau trong đĩa: [Software] > [MacPS] > [MacOSX] > [Common].
3. Bấm đúp vào tệp pkg trong thư mục.
4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất quá trình thiết lập.

### Thêm máy in bằng kết nối USB

Quy trình sau đây sử dụng OS X 10.11 làm ví dụ.

1. Bật máy in.
2. Kết nối cáp USB với máy in và máy tính.
3. Mở cửa sổ [Tùy chọn Hệ thống], rồi bấm vào [Máy in & Máy quét].
4. Bấm vào ký hiệu + (dấu cộng) rồi bấm vào [Mặc định].
5. Từ danh sách [Tên], chọn tên máy in của bạn mà [USB] được hiển thị trong cột [Loại].
6. Từ hộp danh sách thả xuống [Sử dụng], chọn trình điều khiển được hỗ trợ cho máy in.
7. Bấm vào [Thêm].
8. Đảm bảo rằng máy in được hiển thị trong hộp thoại [Máy in & Máy quét].

### Thêm máy in bằng tính năng in IP

Quy trình sau đây sử dụng OS X 10.11 làm ví dụ.

1. Bật máy in.
2. Đảm bảo rằng máy tính và máy in được kết nối.  
Nếu bạn sử dụng kết nối có dây, hãy kết nối máy in với mạng qua cáp Ethernet.  
Nếu bạn sử dụng kết nối không dây, hãy đảm bảo rằng kết nối không dây đó được định cấu hình đúng cách trên máy tính và máy in.
3. Mở cửa sổ [Tùy chọn Hệ thống], rồi bấm vào [Máy in & Máy quét].
4. Bấm vào ký hiệu + (dấu cộng) rồi bấm vào [IP].
5. Chọn [Line Printer Daemon - LPD] cho [Giao thức].
6. Nhập địa chỉ IP cho máy in trong khu vực [Địa chỉ].
7. Từ hộp danh sách thả xuống [Sử dụng], hãy chọn trình điều khiển được hỗ trợ cho máy in.
8. Bấm vào [Thêm].
9. Chỉ định các phụ kiện tùy chọn đã được cài đặt trên máy in, rồi bấm vào [OK].

**10. Đảm bảo rằng máy in được hiển thị trong hộp thoại [Máy in & Máy quét].**

## Thêm máy in bằng Bonjour

Quy trình sau đây sử dụng OS X 10.11 làm ví dụ.

- 1. Bật máy in.**
- 2. Đảm bảo rằng máy tính và máy in được kết nối.**  
Nếu bạn sử dụng kết nối có dây, hãy kết nối máy in với mạng qua cáp Ethernet.  
Nếu bạn sử dụng kết nối không dây, hãy đảm bảo rằng kết nối không dây đó được định cấu hình đúng cách trên máy tính và máy in.
- 3. Mở cửa sổ [Tùy chọn Hệ thống], rồi bấm vào [Máy in & Máy quét].**
- 4. Bấm vào ký hiệu + (dấu cộng) rồi bấm vào [Mặc định].**
- 5. Từ danh sách [Tên], hãy chọn tên máy in sẽ hiển thị [Bonjour] trong cột [Loại].**
- 6. Từ hộp danh sách thả xuống [Sử dụng], hãy chọn trình điều khiển được hỗ trợ cho máy in.**
- 7. Bấm vào [Thêm].**
- 8. Chỉ định các phụ kiện tùy chọn đã được cài đặt trên máy in, rồi bấm vào [OK].**
- 9. Đảm bảo rằng máy in được hiển thị trong hộp thoại [Máy in & Máy quét].**

## Định cấu hình với phụ kiện tùy chọn

Trên trình điều khiển, chỉ định các phụ kiện tùy chọn đã được lắp trên máy in để kích hoạt tính năng được liên kết với chúng.

- 1. Mở cửa sổ [Tùy chọn Hệ thống], rồi bấm vào [Máy in & Máy quét].**
- 2. Chọn máy in trong danh sách [Máy in], rồi bấm vào [Tùy chọn & Thiết bị...].**
- 3. Bấm [Tùy chọn], rồi chọn các phụ kiện tùy chọn đã được cài đặt trên máy in.**
- 4. Bấm vào [OK].**

## 2.3.7 Cài đặt trình điều khiển in trên máy tính Linux (CUPS)

Truy cập <http://www.fujixeroxprinters.com/> để tải xuống và cài đặt các trình điều khiển in cho máy tính Linux.

## 2.4 Kết nối máy in với thiết bị di động

Bạn có thể trực tiếp kết nối máy in với các thiết bị di động của mình, chẳng hạn như máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, sau đó, bạn có thể in tài liệu, ảnh, trang web hoặc email một cách nhanh chóng và dễ dàng.

### 2.4.1 Wi-Fi Direct

Wi-Fi Direct cho phép các thiết bị di động của bạn kết nối trực tiếp với máy in qua mạng Wi-Fi. Với Wi-Fi Direct, bạn có thể trực tiếp in tài liệu, ảnh hoặc email trên các thiết bị di động mà không cần điểm truy cập hay bộ định tuyến không dây.



#### Lưu ý

- Số lượng thiết bị di động tối đa có thể kết nối qua mạng Wi-Fi Direct là 3.
- Bạn không thể kết nối thiết bị di động của mình với Internet qua mạng Wi-Fi Direct của máy in.
- Tùy theo thiết bị di động, kênh dùng để kết nối thiết bị di động với máy in qua Wi-Fi Direct có thể khác với kênh mà máy in sử dụng để kết nối với mạng qua chế độ cơ sở hạ tầng Wi-Fi. Trong trường hợp như vậy, kết nối đồng thời với Wi-Fi Direct và chế độ cơ sở hạ tầng Wi-Fi có thể không hoạt động bình thường.
- Máy in được kết nối với Wi-Fi Direct sẽ hỗ trợ các giao thức sau đây: LPD, Port9100, Web Services on Devices (WSD), Bonjour (mDNS), SNMPv1/v2c và CentreWare Internet Services.

### Thiết lập Wi-Fi Direct

Để sử dụng Wi-Fi Direct, trước tiên, bạn cần thiết lập cài đặt Wi-Fi Direct từ bảng vận hành của máy in. Để kết nối thiết bị di động với máy in qua Wi-Fi Direct, hãy chọn SSID của máy in từ danh sách mạng không dây trên thiết bị di động và nhập cụm mật khẩu cần thiết để kết nối.

#### ● Thiết lập máy in



#### Lưu ý

- Bạn có thể đặt cài đặt tương tự bằng CentreWare Internet Services. Xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.
- Bạn không thể sử dụng Wi-Fi Direct trong môi trường IPv6 hoặc phi thể thức.

**1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).**

**2. Bấm nút  hoặc  để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .**



#### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

**3. Bấm nút  hoặc  để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .**

**4. Bấm nút  hoặc  để chọn [Wi-Fi Direct], rồi bấm nút .**

**5. Bấm nút  hoặc  để chọn [Wi-Fi Direct], rồi bấm nút .**

**6. Bấm nút  hoặc  để chọn [Bật], rồi bấm nút .**

**7. Tắt máy in, rồi bật lại.**

**8. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 sau khi khởi động lại máy in.**

**9. Bấm nút  hoặc  để chọn [Vai trò trong nhóm], rồi bấm nút .**

**10. Bấm nút  hoặc  để chọn [Chủ nhóm], rồi bấm nút .**

**11. Bấm nút  <Back> (Quay lại).**


**12. Bấm nút  hoặc  để chọn [Thiết bị đã ghép nối], rồi bấm nút .**

**13. Hãy đảm bảo rằng số lượng thiết bị di động được hiển thị trên màn hình là hai trở xuống rồi bấm nút .**



**Lưu ý**

- Khi số lượng các thiết bị được kết nối lên đến ba, bạn không thể kết nối thiết bị khác với mạng Wi-Fi Direct. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị khỏi mạng. Để biết chi tiết, hãy xem "Ngắt kết nối các thiết bị di động khỏi mạng Wi-Fi Direct (Tr.31)".

**14. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [SSID], rồi bấm nút .**

**15. Nhập tên mạng không dây của bạn, rồi bấm nút .**


**16. Bấm nút  <Back> (Quay lại).**

**17. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Mật mã], rồi bấm nút .**

**18. Kiểm tra cụm mật khẩu, rồi bấm nút .**



**Lưu ý**

- Để kiểm tra SSID của máy in và cụm mật khẩu, bạn có thể in danh sách bằng cách bấm nút ► để chọn [In mật mã] trong menu [Mật mã], rồi bấm nút .

## ● Kết nối thiết bị di động với mạng Wi-Fi Direct

Quy trình sau đây sử dụng Windows<sup>®</sup> 7, Windows<sup>®</sup> 10, OS X 10.11, iOS và Android làm ví dụ.

### Đối với Windows<sup>®</sup> 7:

1. Bấm vào biểu tượng mạng trên thanh tác vụ.
2. Bấm vào SSID của máy in > [Connect].
3. Nhập cụm mật khẩu, rồi bấm vào [OK].
4. Bấm vào [Cancel] rồi thoát khỏi cửa sổ [Set Network Location].

### Đối với Windows<sup>®</sup> 10:

1. Bấm vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Settings].
2. Bấm vào biểu tượng Wi-Fi.
3. Bấm vào SSID của máy in > [Connect].
4. Nhập cụm mật khẩu, rồi bấm vào [Next].

### Đối với OS X 10.11:

1. Bấm vào biểu tượng mạng trên Thanh trình đơn.
2. Bấm vào SSID của máy in.
3. Nhập cụm mật khẩu, rồi bấm vào [Tham gia].

### Đối với iOS:

1. Nhấn vào [Cài đặt] > [Wi-Fi].
2. Nhấn vào SSID của máy in.
3. Nhập cụm mật khẩu, rồi nhấn vào [Tham gia].

### Đối với Android:

Quy trình sẽ khác nhau tùy vào thiết bị di động của bạn. Xem sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị di động của bạn.

## In qua Wi-Fi Direct

### ● Cài đặt phần mềm

Trước khi in, bạn cần cài đặt trình điều khiển in hoặc chương trình in tương ứng.

## Đối với Windows® 7/Windows® 10:

Bạn cần cài đặt trình điều khiển in trên thiết bị di động.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách cài đặt trình điều khiển in, hãy xem "Cài đặt phần mềm cho Windows® (Tr.23)".

## Đối với OS X 10.11:

Bạn cần cài đặt trình điều khiển in trên thiết bị di động.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách cài đặt trình điều khiển in, hãy xem "Cài đặt phần mềm cho Mac OS X (Tr.27)".

## Đối với iOS:

Bạn cần cài đặt chương trình in từ App Store, sau đó, máy in sẽ sẵn sàng sử dụng.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về chương trình in, hãy xem "Print Utility (Tr.32)".

## Đối với Android:

Bạn cần cài đặt chương trình in từ cửa hàng Google Play, sau đó, máy in sẽ sẵn sàng sử dụng.





### Tham khảo

- Để biết chi tiết về chương trình in, hãy xem "Print Utility (Tr.32)".

Quy trình in sẽ khác nhau tùy vào thiết bị di động của bạn. Xem sách hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị di động của bạn.

## Ngắt kết nối các thiết bị di động khỏi mạng Wi-Fi Direct

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết bị đã ghép nối], rồi bấm nút .



### Lưu ý

- [Thiết bị đã ghép nối] chỉ khả dụng khi có bất kỳ thiết bị di động nào được kết nối với máy in qua Wi-Fi Direct.



3. Bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Ngắt kết nối tất cả], rồi bấm nút .
5. Bấm nút .

## Đặt lại cụm mật khẩu



### Lưu ý




- Đặt lại cụm mật khẩu sẽ ngắt kết nối thiết bị di động khỏi máy in.

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết bị đã ghép nối], rồi bấm nút .



### Lưu ý

- [Thiết bị đã ghép nối] chỉ khả dụng khi có bất kỳ thiết bị di động nào được kết nối với máy in qua Wi-Fi Direct.

3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn thiết bị di động cần đặt lại cụm mật khẩu, rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Đặt lại mật mã], rồi bấm nút .
5. Bấm nút .

## Đặt lại PIN

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).

**2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .**



#### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

**3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .**

**4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Wi-Fi Direct], rồi bấm nút .**

**5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Mã PIN], rồi bấm nút .**

**6. Bấm nút .**

**7. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Đặt lại mã PIN], rồi bấm nút .**

## 2.4.2 Print Utility

Chương trình Print Utility cho phép bạn in từ thiết bị di động chạy Android hoặc iOS. Đối với thiết bị di động chạy Android có chức năng NFC, bạn có thể chạm thiết bị đó vào đầu đọc NFC của máy in để bắt đầu in và kết nối với máy in.

Để biết thông tin chi tiết, hãy truy cập các trang web sau:

- Đối với iOS: <http://www.fxap.com.sg/product/productDescription.jsp?id=166>
- Đối với Android: <http://www.fxap.com.sg/product/productDescription.jsp?id=174>

## 2.4.3 AirPrint



AirPrint cho phép bạn in qua mạng bằng thiết bị di động chạy iOS hoặc OS X. Hãy bảo đảm bạn cài đặt phiên bản mới nhất của iOS cho thiết bị iOS. Đối với OS X, hãy đảm bảo cập nhật OS X và ứng dụng bạn đã mua từ Mac App Store bằng tính năng Cập nhật phần mềm.



#### Lưu ý

- Khi [Chế độ Auditron] được bật, bạn cần bật [In không cần tài khoản] để sử dụng tính năng này. Để biết chi tiết, hãy xem "[In không cần tài khoản] (Tr.56)".

## Thiết lập AirPrint trên máy in



#### Lưu ý

- Cài đặt AirPrint được kích hoạt theo mặc định.

**1. Đảm bảo rằng máy in đã được kết nối với mạng.**

**2. Khởi động CentreWare Internet Services.**



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

**3. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [AirPrint] ở ngăn bên trái của màn hình.**


**4. Chọn hộp kiểm [Bật AirPrint].**

**5. Bấm vào [Áp dụng], rồi khởi động lại máy in.**

## In qua AirPrint

Quy trình sau đây sẽ sử dụng iPhone chạy iOS 8.1 làm ví dụ.

**1. Mở email, ảnh, trang web hoặc tài liệu bạn muốn in.**

2. Nhấn vào biểu tượng hành động .
3. Nhấn vào [In].
4. Chọn máy in và đặt các tùy chọn máy in.
5. Nhấn vào [In].

## 2.4.4 Google Cloud Print

Google Cloud Print là dịch vụ in do Google Inc. cung cấp. Khi đăng ký máy in với Google Cloud Print, bạn có thể in từ nhiều chương trình khác nhau mà Google Cloud Print hỗ trợ.



### Lưu ý

- Google Cloud Print chỉ hỗ trợ kết nối IPv4.
- Nếu máy in được kết nối với mạng qua máy chủ proxy, bạn cần chỉ định cài đặt trong [Máy chủ proxy] từ CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.
- Khi [Chế độ Auditron] được bật, bạn cần bật [In không cần tài khoản] để sử dụng tính năng này. Để biết chi tiết, hãy xem "[In không cần tài khoản] (Tr.56)".









### Tham khảo

- Hãy truy cập <https://www.google.com/cloudprint/learn/> để biết thông tin chi tiết về Google Cloud Print.

## Chuẩn bị sử dụng máy in với Google Cloud Print

Để sử dụng Google Cloud Print, bạn cần chuẩn bị trước như sau:

- Lấy tài khoản Google.
- Bật Google Cloud Print trên bảng vận hành.
  - 1 Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
  - 2 Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
  - 3 Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .
  - 4 Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Giao thức], rồi bấm nút .
  - 5 Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Google Cloud Print], rồi bấm nút .
  - 6 Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật], rồi bấm nút .
  - 7 Tắt máy in, rồi bật lại.

## Đăng ký máy in với Google Cloud Print

Sử dụng CentreWare Internet Services hoặc Google Chrome để đăng ký máy in với Google Cloud Print.

### ● Đăng ký bằng CentreWare Internet Services

#### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.

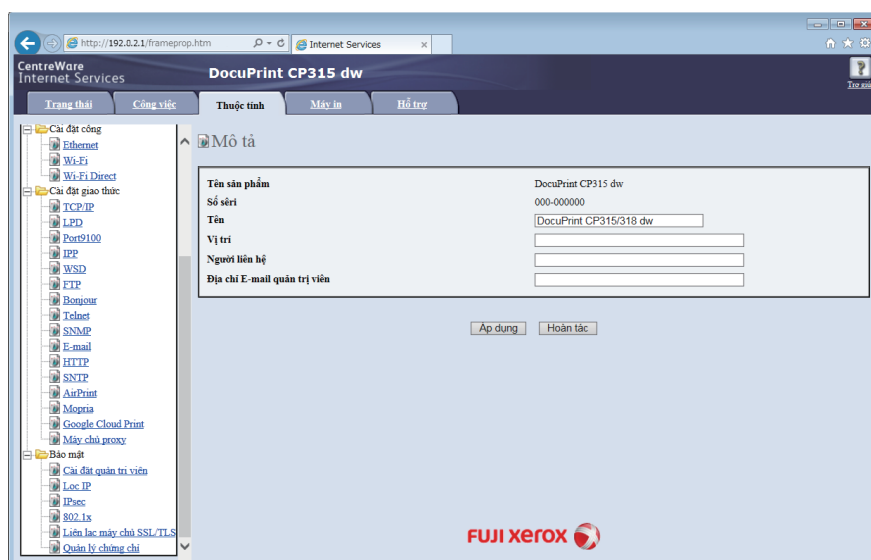


### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

#### 2. Bấm vào tab [Thuộc tính].

### 3. Bấm vào [Google Cloud Print] ở ngăn bên trái của màn hình.



### 4. Bấm vào [Đăng ký thiết bị này với Google Cloud Print].

Trang tính có URL của trang web đăng ký với Google Cloud Print sẽ được in.

### 5. Nhập URL được ghi trên trang tính để truy cập trang web đăng ký với Google Cloud Print.



#### Lưu ý

- Bạn có thể quét mã QR được in trên trang tính đó để truy cập trang đăng ký.

### 6. Nhập tài khoản Google của bạn trên màn hình đăng nhập.

### 7. Bấm vào [Hoàn tất đăng ký máy in] > [Quản lý máy in của bạn].

Máy in được liệt kê trong danh sách [Máy in] và sẵn sàng sử dụng với dịch vụ Google Cloud Print.

## ● Đăng ký bằng Google Chrome



#### Lưu ý

- Bảo đảm rằng [Bonjour (mDNS)] được kích hoạt. Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem "[Giao thức] (Tr.52)".

### 1. Mở trình duyệt Google Chrome.

### 2. Bấm vào ☰ ở góc trên cùng bên phải, rồi bấm vào [Cài đặt].

### 3. Bấm vào [Hiện thị cài đặt nâng cao] ở cuối trang.

### 4. Bấm vào [Google Cloud Print] > [Quản lý].



#### Lưu ý

- Nếu thông báo được hiển thị trong [Thiết bị mới] để đăng nhập vào Chrome, hãy bấm vào [đăng nhập] và đăng nhập vào Chrome.

### 5. Bấm vào [Đăng ký] cho máy in bạn muốn đăng ký.

### 6. Khi cửa sổ xác nhận đăng ký xuất hiện, hãy bấm vào [Đăng ký].

### 7. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình.

### 8. Bảo đảm rằng tên máy in xuất hiện trong [Thiết bị của tôi].



#### Lưu ý

- Bạn có thể phải đợi khoảng 5 phút trở lên trước khi tên máy in xuất hiện trong [Thiết bị của tôi].

## Hủy đăng ký Google Cloud Print

### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

### 2. Bấm vào tab [Thuộc tính].

### 3. Bấm vào [Google Cloud Print] ở ngăn bên trái của màn hình.

### 4. Bấm vào [Hủy đăng ký].

## In qua Google Cloud Print



#### Tham khảo

- Hãy truy cập <https://www.google.com/cloudprint/learn/> để biết chi tiết về các chương trình có thể in bằng Google Cloud Print hoặc quy trình in.

## 2.4.5 Dịch vụ in Mopria

Dịch vụ in Mopria cho phép mọi điện thoại hoặc máy tính bằng Android (Android phiên bản 4.4 trở lên) kết nối và in với máy in được Mopria chứng nhận mà không cần thiết lập thêm.

Trước tiên, hãy tải xuống và cài đặt ứng dụng Dịch vụ in Mopria từ cửa hàng Google Play vào thiết bị di động Android của bạn:

<https://play.google.com/store/apps/>

Để in, hãy kết nối thiết bị di động với cùng mạng như máy in hoặc sử dụng tính năng Wi-Fi Direct để kết nối thiết bị di động của bạn với máy in.



#### Lưu ý

- Dịch vụ in Mopria có thể được tải sẵn trong thiết bị di động của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn không có Dịch vụ in Mopria, thì bạn có thể dễ dàng tải xuống ứng dụng đó từ cửa hàng Google Play. Để tìm hiểu thêm về Dịch vụ in Mopria, hãy truy cập <http://www.mopria.org/>.
- Đảm bảo rằng [Mopria] được bật trước bằng CentreWare Internet Services. Xem "Thiết lập Dịch vụ in Mopria trên máy in của bạn (Tr.35)".
- Khi [Chế độ Auditron] được bật, bạn cần bật [In không cần tài khoản] để sử dụng tính năng này. Để biết chi tiết, hãy xem "[In không cần tài khoản] (Tr.56)".

## Thiết lập Dịch vụ in Mopria trên máy in của bạn

### 1. Đảm bảo rằng máy in đã được kết nối với mạng.

### 2. Khởi động CentreWare Internet Services.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

### 3. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Mopria] ở ngăn bên trái của màn hình.

### 4. Bấm vào [Bật].

## In qua Dịch vụ in Mopria

### 1. Mở email, ảnh, trang web hoặc tài liệu bạn muốn in.

### 2. Nhấn vào trình đơn, rồi chọn [In].

### 3. Nhấn vào [Tất cả máy in] trong trình đơn.

**4. Chọn máy in, rồi đặt các tùy chọn máy in.**

**5. Nhấn vào [In].**

# 2.5 Đặt địa chỉ IP

## 2.5.1 Chỉ định cài đặt IP cho máy in

Bạn cần chỉ định địa chỉ IP, mặt nạ mạng con (chỉ đối với IPv4) và địa chỉ cổng cho máy in trước khi sử dụng máy in trong môi trường mạng.

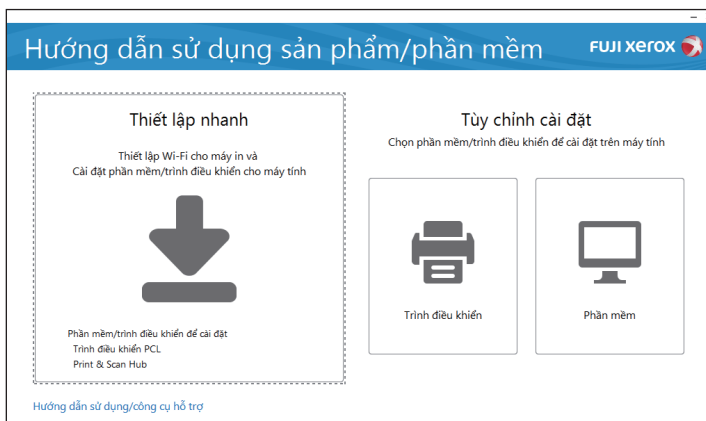
Máy in cung cấp khả năng kết nối chồng kép, IPv4 và IPv6. Nếu mạng của bạn hỗ trợ cả IPv4 và IPv6, hãy chọn chế độ chồng kép.

### Lưu ý

- Việc chỉ định địa chỉ IP đã được sử dụng có thể gây ra sự cố về hiệu suất mạng.
- Địa chỉ IP phải được người dùng nâng cao hoặc quản trị viên hệ thống chỉ định.
- Khi bạn chỉ định địa chỉ IP theo cách thủ công ở chế độ IPv6, hãy sử dụng trình cài đặt máy in hoặc CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".





## Sử dụng trình cài đặt máy in (Chỉ dành cho Windows®)

1. Lắp đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" vào máy tính của bạn.
2. Bấm vào [Hướng dẫn sử dụng/công cụ hỗ trợ].









3. Bấm vào [Thiết đặt địa chỉ IP].
4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho đến khi màn hình [Định cấu hình máy in] hiện ra.
5. Bấm vào [Nâng cao].
6. Chỉ định cài đặt địa chỉ IP, rồi bấm vào [Tiếp theo].
7. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để hoàn tất quá trình thiết lập.
















## Sử dụng bảng vận hành

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút  hoặc  để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .

### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".



3. Bấm nút  hoặc  để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .
4. Bấm nút  hoặc  để chọn [TCP/IP], rồi bấm nút .

5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ IP], rồi bấm nút .
6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [IPv4], rồi bấm nút .
7. Bấm nút  <Back> (Quay lại) hai lần.
8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [IPv4], rồi bấm nút .
9. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Nhập địa chỉ IP], rồi bấm nút .
10. Chọn cách chỉ định địa chỉ IP.
  - Để đặt địa chỉ IP theo cách tự động
    - a Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [DHCP / Autonet], [BOOTP], [RARP] hoặc [DHCP], rồi chuyển đến bước 11.
  - Để đặt địa chỉ IP theo cách thủ công
    - a Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bảng điều khiển], rồi bấm nút .
    - b Bấm nút  <Back> (Quay lại) hai lần.
    - c Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Địa chỉ IP], rồi bấm nút .
    - d Nhập địa chỉ IP, rồi bấm nút .
    - e Bấm nút  <Back> (Quay lại) hai lần.
    - f Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Mặt nạ mạng con], rồi bấm nút .
    - g Nhập địa chỉ mặt nạ mạng con, rồi bấm nút .
    - h Bấm nút  <Back> (Quay lại) hai lần.
    - i Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Địa chỉ cổng nối], rồi bấm nút .
    - j Nhập địa chỉ cổng, rồi bấm nút .
11. Tắt máy in, rồi bật lại.

## 2.5.2 Xác minh cài đặt IP

Bạn có thể kiểm tra cài đặt bằng bảng vận hành hoặc bằng cách in báo cáo cài đặt máy in.





### Sử dụng bảng vận hành

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .



#### Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt mạng], rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [TCP/IP], rồi bấm nút .
5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [IPv4], rồi bấm nút .
6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Địa chỉ IP], rồi bấm nút .
7. Xác minh địa chỉ IP được hiển thị trên màn hình LCD.

### Sử dụng báo cáo cài đặt máy in

1. In báo cáo cài đặt máy in.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách in báo cáo, hãy xem "[Báo cáo / Danh sách] (Tr.43)".




2. Xác minh rằng địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và địa chỉ cổng chính xác đã được liệt kê trong phần [Thiết lập Mạng] hoặc [Mạng (không dây)] trong báo cáo.

Nếu địa chỉ IP là "0.0.0.0", thì địa chỉ IP chưa được chỉ định. Xem "Chỉ định cài đặt IP cho máy in (Tr.37)".

# 3 Sử dụng máy in

3.1	Sử dụng bảng vận hành .....	41
3.2	Tìm hiểu các trình đơn của máy in .....	43
3.3	CentreWare Internet Services .....	62
3.4	Giảm mức tiêu thụ điện năng .....	65
3.5	Nguyên tắc về giấy in .....	66
3.6	Nạp giấy in.....	71

# 3.1 Sử dụng bảng vận hành

Bảng vận hành bao gồm màn hình LCD, đèn LED trạng thái, nút  <Power> (Nguồn), nút  <WPS>, nút  <Menu> (Trình đơn) và các nút điều khiển.




## Tham khảo

- Để biết chi tiết về tên của các bộ phận, hãy xem "Bảng vận hành (Tr.13)".

## Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

## 3.1.1 Thay đổi ngôn ngữ

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Ngôn ngữ bảng đ.khiển], rồi bấm nút .
3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn ngôn ngữ mong muốn, rồi bấm nút .









## 3.1.2 Khóa bảng

Tính năng khóa bảng cho phép bạn giữ một số cài đặt máy in ở trạng thái bị khóa bằng mật khẩu, để người không được phép sẽ không thể truy cập vào trình đơn nhằm thay đổi cài đặt.

## Lưu ý

- Việc tắt một số trình đơn máy in sẽ không ngăn quyền truy cập vào các trình đơn cài đặt khay và in được lưu trữ.






## Bật Khóa bảng

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt bảo mật], rồi bấm nút .
4. Chọn [Khóa bảng điều khiển], rồi bấm nút .
5. Chọn [Bộ khóa bảng điều khiển], rồi bấm nút .
6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật], rồi bấm nút .
7. Nhập mật khẩu có 4 chữ số, rồi bấm nút .
8. Nhập lại mật khẩu, rồi bấm nút .

## Thay đổi mật khẩu khóa bảng


## Lưu ý

- Bạn chỉ có thể thay đổi mật khẩu khi [Bộ khóa bảng điều khiển] được bật.


1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
3. Nhập mật khẩu, rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt bảo mật], rồi bấm nút .
5. Chọn [Khóa bảng điều khiển], rồi bấm nút .

6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thay đổi mật khẩu], rồi bấm nút .
7. Nhập mật khẩu hiện tại, rồi bấm nút .
8. Nhập mật khẩu mới, rồi bấm nút .
9. Nhập lại mật khẩu, rồi bấm nút .

## Tắt khóa bảng

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
3. Nhập mật khẩu, rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt bảo mật], rồi bấm nút .
5. Chọn [Khóa bảng điều khiển], rồi bấm nút .
6. Chọn [Bộ khóa bảng điều khiển], rồi bấm nút .
7. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Tắt], rồi bấm nút .
8. Nhập mật khẩu hiện tại, rồi bấm nút .

## 3.2 Tìm hiểu các trình đơn của máy in

Phần này mô tả menu cài đặt máy in mà bạn có thể truy cập bằng cách bấm nút  <Menu> (Trình đơn) trên bảng vận hành.

### Lưu ý

- Bạn có thể giới hạn quyền truy cập ở một số trình đơn bằng cách đặt mật khẩu. Việc này sẽ ngăn những người dùng khác vô ý thay đổi cài đặt. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

### 3.2.1 [Thiết bị đã ghép nối]

#### Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi máy in được kết nối với mạng không dây và khi có bất kỳ thiết bị di động nào được kết nối với máy in qua Wi-Fi Direct.

Sử dụng menu này để xác nhận các thiết bị được kết nối với máy in qua Wi-Fi Direct. Bạn cũng có thể ngắt kết nối thiết bị từ menu này. Để biết chi tiết, hãy xem "Ngắt kết nối các thiết bị di động khỏi mạng Wi-Fi Direct (Tr.31)".

### 3.2.2 [Báo cáo / Danh sách]

Sử dụng trình đơn này để in các loại báo cáo và danh sách khác nhau.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

#### [Thiết đặt máy in]

In danh sách thông tin trên cài đặt máy in và cấu hình, chẳng hạn như cài đặt mạng và phụ kiện tùy chọn được lắp đặt.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

#### [Thiết đặt bảng điều khiển]

In danh sách chi tiết về tất cả cài đặt của các trình đơn máy in.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

#### [Danh sách phong PCL]

In mẫu các phong chữ hiện có của Printer Control Language (PCL).

■ [Báo cáo / Danh sách] >

#### [Danh sách Macro PCL]

In thông tin về macro PCL Settings đã tải xuống.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

#### [Danh sách phong PS]

In mẫu các phong chữ hiện có của PostScript 3 Compatible.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

#### [Danh sách phong PDF]

In mẫu các phong chữ PDF hiện có.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

### [Lịch sử công việc]

In danh sách chi tiết các lệnh in đã được xử lý. Danh sách này chứa 20 lệnh gần đây nhất.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

### [Lịch sử lỗi]

In danh sách chi tiết về các lần kẹt giấy và các lỗi nghiêm trọng.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

### [Bộ tính hóa đơn]

In báo cáo về tổng số trang đã in.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

### [Trang kiểm thử]

In một trang để kiểm tra màu.

■ [Báo cáo / Danh sách] >

### [Tài liệu đã lưu]

In danh sách lệnh in được lưu bằng tính năng Bộ mẫu.



Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi [Ổ đĩa RAM] được bật.

## In báo cáo/danh sách

1. Bấm nút <Menu> (Trình đơn).

2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Báo cáo / Danh sách], rồi bấm nút .



Lưu ý

- Nếu [Khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn báo cáo hoặc danh sách mong muốn, rồi bấm nút .

## 3.2.3 [Số liệu bộ đếm]

Sử dụng trình đơn này để kiểm tra tổng số trang đã in.

[Đồng hồ đếm 1]	Hiển thị tổng số bản in màu.
[Đồng hồ đếm 2]	Hiển thị tổng số bản in đơn sắc.
[Đồng hồ đếm 3]	Luôn hiển thị "0" trên máy in.
[Đồng hồ đếm 4]	Hiển thị tổng số bản in màu và đơn sắc ([Bộ đếm 1] + [Bộ đếm 2]).

## 3.2.4 [Menu người quản trị]

Sử dụng trình đơn này để tùy chỉnh các cài đặt theo môi trường cài đặt hoặc sở thích của bạn.

■ [Menu người quản trị] >

### [Thiết đặt PCL]

Sử dụng trình đơn này để thay đổi những cài đặt máy in chỉ ảnh hưởng đến các lệnh sử dụng ngôn ngữ máy in mô phỏng Printer Control Language (PCL).

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Khay giấy]**

Chỉ định khay giấy mặc định.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Khổ giấy ra]**

Chỉ định khổ giấy mặc định.



#### **Lưu ý**

- Khi chọn khổ tùy chỉnh cho khổ giấy, bạn sẽ được nhắc nhập chiều dài và chiều rộng tùy chỉnh.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Hướng giấy]**

Chỉ định cách định hướng văn bản và hình ảnh trên trang.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[2 mặt]**

Chỉ định có hay không in trên cả hai mặt của một tờ giấy. Đối với in 2 mặt, bạn có thể chỉ định bản in được đóng nẹp theo mép dài hay mép ngắn.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Phông chữ]**

Chỉ định phông chữ mặc định từ các phông chữ được đăng ký trong máy in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Bộ ký hiệu]**

Chỉ định bộ ký hiệu được đặt cho phông chữ được chỉ định.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Kích cỡ phông chữ]**

Chỉ định cỡ chữ cho phông chữ in có thể đổi cỡ. Cỡ chữ cho biết chiều cao của ký tự trong phông chữ. Một điểm tương đương khoảng 1/72 inch (xấp xỉ 0,35 mm).



#### **Lưu ý**

- Cài đặt này chỉ khả dụng cho phông chữ in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Khoảng cách phông chữ]**

Chỉ định độ cao thấp của phông chữ cho phông chữ giãn cách đơn có thể đổi cỡ. Độ cao thấp của phông chữ chỉ số ký tự có khoảng cách cố định trong một inch ngang. Đối với phông chữ giãn cách đơn không thể đổi cỡ, độ cao thấp được hiển thị nhưng không thể thay đổi được.



#### **Lưu ý**

- Cài đặt này chỉ được hiển thị cho các phông chữ giãn cách đơn hoặc cố định.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Số dòng trong trang]**

Đặt số dòng trong một trang. Máy in đặt mức giãn cách giữa hai dòng dọc dựa trên [Khổ giấy ra] và các mục của trình đơn [Hướng giấy]. Chọn khổ giấy và hướng giấy chính xác trước khi thay đổi cài đặt này.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### **[Số lượng]**

Đặt số lượng in mặc định. Đặt số lượng bản sao cần cho một lệnh cụ thể từ trình điều khiển in. Các giá trị được chọn từ trình điều khiển in sẽ luôn thay thế các giá trị được chọn từ bảng vận hành.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### [Nâng cao hình ảnh]

Chỉ định có hay không làm cho đường ranh giới giữa đen và trắng trở nên mịn hơn để giảm các cạnh có hình răng cưa và cải thiện hình thức trực quan.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### [Hex Dump]

Chỉ định có hay không giúp cách ly nguồn gây ra sự cố với lệnh in. Khi cài đặt này được bật, tất cả dữ liệu đã gửi tới máy in sẽ được in ở dạng thập lục phân và ký tự. Các mã kiểm soát không được thực thi.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### [Chế độ bản thảo]

Chỉ định có tiết kiệm mực khi in hay không. Chất lượng in sẽ bị giảm khi in ở chế độ này.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### [Ngắt dòng]

Thêm lệnh kết thúc dòng.

[Tắt]	Lệnh kết thúc dòng không được thêm. CR=CR, LF=LF, FF=FF
[Thêm LF]	Lệnh LF được thêm. CR=CR-LF, LF=LF, FF=FF
[Thêm CR]	Lệnh CR được thêm. CR=CR, LF=CR-LF, FF=CR-FF
[CR-XX]	Lệnh CR và LF được thêm. CR=CR-LF, LF=CR-LF, FF=CR-FF

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### [Màu giấy ra]

Chỉ định chế độ màu.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PCL] >

### [Bỏ qua nạp giấy]

Chỉ định có hay không bỏ qua các trang trống chỉ chứa mã kiểm soát nạp mẫu.

■ [Menu người quản trị] >

### [Thiết đặt PDF]

Sử dụng trình đơn này để thay đổi những cài đặt máy in chỉ ảnh hưởng đến tệp PDF.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### [Số lượng]

Chỉ định số lượng bản sao cần in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### [In 2 mặt]

Chỉ định có hay không in trên cả hai mặt của một tờ giấy. Đối với in 2 mặt, bạn có thể chỉ định bản in được đóng nẹp theo mép dài hay mép ngắn.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### [Chế độ in]

Chỉ định chế độ in.

[Bình thường]	Dành cho tài liệu có ký tự cỡ thường.
---------------	---------------------------------------

<b>[Chất lượng cao]</b>	Dành cho tài liệu có ký tự nhỏ hoặc đường mảnh hoặc tài liệu được in bằng máy in kim.
<b>[Tốc độ cao]</b>	In ở tốc độ cao hơn chế độ [Bình thường], nhưng chất lượng kém hơn.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### **[Mật khẩu]**

Chỉ định mật khẩu được sử dụng để ngăn in tệp PDF.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### **[Chia bộ]**

Chỉ định sắp xếp tệp PDF hay không.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### **[Khở giấy ra]**

Chỉ định khổ giấy in cho tệp PDF.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### **[Bố cục]**

Chỉ định bố cục bản in.

<b>[% tự động]</b>	In tài liệu theo bố cục do máy in chỉ định.
<b>[100% (ko thu phóng)]</b>	In ở cùng kích cỡ như tài liệu.
<b>[Sách]</b>	In trên cả hai mặt của một tờ giấy được đóng nẹp ở cạnh giấy.
<b>[Dồn 2 trang]</b>	In 2 trang trên một mặt giấy.
<b>[Dồn 4 trang]</b>	In 4 trang trên một mặt giấy.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### **[Màu mặc định tệp PDF]**

Chỉ định màu mặc định của bản in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PDF] >

### **[Ph.hiện ph.tách công việc]**

Chỉ định xem có phát hiện điểm kết thúc lệnh khi in liên tiếp các tệp PDF hay không.

■ [Menu người quản trị] >

### **[Thiết đặt PS]**

Sử dụng trình đơn này để thay đổi những cài đặt máy in chỉ ảnh hưởng đến các lệnh sử dụng ngôn ngữ máy in mô phỏng PostScript 3 Compatible.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PS] >

### **[Báo cáo lỗi PS]**

Chỉ định có hay không in nội dung của các lỗi về ngôn ngữ mô tả trang PostScript 3 Compatible. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.



#### **Lưu ý**

- Hướng dẫn từ trình điều khiển PostScript 3 Compatible sẽ thay thế các cài đặt được chỉ định trên bảng vận hành.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PS] >

### **[Hết th.gian chờ c.việc PS]**

Chỉ định có hay không chỉ định thời gian thực thi cho một lệnh PostScript 3 Compatible. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PS] >

## [Chế độ chọn giấy]

Chỉ định cách chọn khay cho chế độ PostScript 3 Compatible. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

[Tự động]	Khay được chọn theo chế độ PCL.
[Chọn từ khay]	Khay được chọn theo các máy in PostScript 3 Compatible thông thường.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt PS] >

## [Màu mặc định PS]

Chỉ định chế độ màu.

■ [Menu người quản trị] >

## [Thiết đặt mạng]

Sử dụng trình đơn này để định cấu hình cài đặt mạng không dây hoặc có dây.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## [Wi-Fi]



Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi cáp Ethernet được rút ra và bộ điều hợp Wi-Fi được kết nối với máy in.

Kiểm tra hoặc chỉ định các cài đặt mạng không dây.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] >

## [Tình trạng Wi-Fi]

Hiển thị trạng thái giao tiếp không dây.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] >

## [Thiết lập Wi-Fi]

Định cấu hình giao diện mạng không dây.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] > [Thiết lập Wi-Fi] >

## [Chọn truy cập]

Chọn điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây từ danh sách.

[Khóa WEP]	Khi bạn chọn một điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây sử dụng loại mã hóa [WEP], hãy nhập khóa WEP.
[Mục nhập mật mã]	Khi bạn chọn một điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây sử dụng loại mã hóa WPA, WPA2 hoặc Hỗn hợp, hãy nhập cụm mật khẩu.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] > [Thiết lập Wi-Fi] > [Chọn truy cập] >

## [Thiết lập thủ công]

Định cấu hình thủ công các cài đặt không dây bằng bảng vận hành.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] > [Thiết lập Wi-Fi] > [Chọn truy cập] > [Thiết lập thủ công] >

## [Nhập (SSID)]

Chỉ định tên nhận dạng mạng không dây. Bạn có thể nhập tối đa 32 ký tự chữ và số.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] > [Thiết lập Wi-Fi] > [Chọn truy cập] > [Thiết lập thủ công] > [Nhập (SSID)] >

## [Cơ sở hạ tầng]

Định cấu hình cài đặt không dây trong mạng cơ sở hạ tầng.

<b>[Không bảo mật]</b>	Định cấu hình cài đặt không dây mà không chỉ định loại mã hóa.
<b>[Chế độ hỗn hợp PSK]</b>	Chọn để định cấu hình cài đặt không dây với loại mã hóa [Chế độ hỗn hợp PSK]. [Chế độ hỗn hợp PSK] tự động chọn loại mã hóa từ WPA-PSK-AES hoặc WPA2-PSK-AES.
<b>[Mục nhập mật mã]</b>	Chỉ định cụm mật khẩu bao gồm các ký tự chữ và số từ 8 đến 63 byte và các ký tự thập lục phân 64 byte.
<b>[WPA2-PSK-AES]</b>	Chọn để định cấu hình cài đặt không dây với loại mã hóa [WPA2-PSK-AES].
<b>[Mục nhập mật mã]</b>	Chỉ định cụm mật khẩu bao gồm các ký tự chữ và số từ 8 đến 63 byte và các ký tự thập lục phân 64 byte. (thập lục phân: 0-9, a-f, A-F, 16 tới 64 ký tự)
<b>[WEP]</b>	Chỉ định khóa WEP để sử dụng thông qua mạng không dây. Đối với khóa 64 bit, bạn có thể nhập tối đa 10 ký tự thập lục phân. Đối với khóa 128 bit, bạn có thể nhập tối đa 26 ký tự thập lục phân.
<b>[Khóa WEP]</b>	Chỉ định mã truyền.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] > [Thiết lập Wi-Fi] > [Chọn truy cập] > [Thiết lập thủ công] > [Nhập (SSID)] >

### [Phi thể thức]

Định cấu hình cài đặt không dây trong mạng Phi thể thức.

<b>[Không bảo mật]</b>	Định cấu hình cài đặt không dây mà không chỉ định loại mã hóa.
<b>[WEP]</b>	Chỉ định khóa WEP để sử dụng thông qua mạng không dây. Đối với khóa 64 bit, bạn có thể nhập tối đa 10 ký tự thập lục phân. Đối với khóa 128 bit, bạn có thể nhập tối đa 26 ký tự thập lục phân.
<b>[Khóa WEP]</b>	Chỉ định mã truyền.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] >

### [Thiết lập WPS]

Định cấu hình mạng không dây bằng WPS.

<b>[Nút nhấn]</b>	Định cấu hình cài đặt không dây bằng WPS (phương thức nút ấn).
<b>[Mã PIN]</b>	Định cấu hình cài đặt không dây bằng mã PIN do máy in gán. Bạn cũng có thể in mã PIN. Hãy kiểm tra mã này khi nhập PIN được gán cho máy in vào máy tính của bạn.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [Wi-Fi] >

### [Đặt lại Wi-Fi]

Khởi tạo các cài đặt mạng không dây. Sau khi bạn thực thi cài đặt này và khởi động lại máy in, tất cả các cài đặt mạng không dây sẽ đều được đặt lại về giá trị mặc định.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

### [Wi-Fi Direct]



- Cài đặt này chỉ khả dụng khi cáp Ethernet được rút ra và bộ điều hợp Wi-Fi được kết nối với máy in.

Định cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct.

<b>[Wi-Fi Direct]</b>		Bật hoặc tắt mạng Wi-Fi Direct.
<b>[Vai trò trong nhóm]</b>	<b>[Tự động]</b>	Tự động đặt vai trò nhóm cho máy in.
	<b>[Chủ nhóm]</b>	Đặt máy in làm chủ sở hữu nhóm qua mạng Wi-Fi Direct. Việc đặt máy in trở thành chủ sở hữu nhóm sẽ giúp các thiết bị di động có thể phát hiện ra máy in. SSID của máy in sẽ được hiển thị trong danh sách mạng không dây trên thiết bị di động của bạn.
<b>[Tên thiết bị]</b>		Chỉ định tên máy in nhận dạng mạng Wi-Fi Direct, có tối đa 32 ký tự chữ và số. Hãy kiểm tra tên này khi chọn tên máy in trên thiết bị di động của bạn.
<b>[Thiết bị đã ghép nối]</b>		Hiển thị trạng thái của kết nối Wi-Fi Direct giữa máy in và tối đa 3 thiết bị di động Wi-Fi.
	<b>[Ngắt kết nối tất cả]</b>	Ngắt tất cả các kết nối Wi-Fi Direct ngay bây giờ.
	<b>[Đặt lại mật mã]</b>	Đặt lại cụm mật khẩu.
<b>[SSID]</b>		Hiển thị tên nhận dạng mạng Wi-Fi Direct. Bạn cũng có thể chỉ định tên có tối đa 32 ký tự chữ và số ngoại trừ "DIRECT-XX". Hãy kiểm tra thông tin này khi chọn tên mạng Wi-Fi Direct trên thiết bị di động của bạn.
<b>[Mật mã]</b>		Hiển thị cụm mật khẩu. Hãy kiểm tra thông tin này khi nhập cụm mật khẩu vào thiết bị di động của bạn.
	<b>[In mật mã]</b>	In cụm mật khẩu. Hãy kiểm tra thông tin này khi nhập cụm mật khẩu vào thiết bị di động của bạn.
	<b>[Đặt lại mật mã]</b>	Đặt lại cụm mật khẩu.
<b>[Thiết lập WPS]</b>		Định cấu hình mạng Wi-Fi Direct sử dụng WPS.
	<b>[Nút nhấn]</b>	Định cấu hình mạng Wi-Fi Direct bằng WPS (phương thức nút ấn).
	<b>[Mã PIN]</b>	Định cấu hình mạng Wi-Fi Direct bằng mã PIN do máy in gán.
<b>[Mã PIN]</b>	<b>[In mã PIN]</b>	In mã PIN. Hãy kiểm tra thông tin này khi nhập PIN được gán cho máy in vào thiết bị di động của bạn.
	<b>[Đặt lại mã PIN]</b>	Đặt lại mã PIN.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## **[Ethernet]**



### **Lưu ý**

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi máy in được kết nối với mạng có dây.

Chỉ định tốc độ giao tiếp và cài đặt đôi của Ethernet. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

**[Tự động]**

**[10BASE-T bán phần]**

**[10BASE-T toàn phần]**

---

[100BASE-TX bán phần]

---

[100BASE-TX toàn phần]

---

[1000BASE-T toàn phần]

---

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

### [TCP/IP]

Định cấu hình cài đặt TCP/IP.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [TCP/IP] >

### [Chế độ IP]

Định cấu hình chế độ IP.

---

**[Chồng hai giao thức]**      Sử dụng cả IPv4 và IPv6 để đặt địa chỉ IP.

---

**[IPv4]**      Sử dụng IPv4 để đặt địa chỉ IP.

---

**[IPv6]**      Sử dụng IPv6 để đặt địa chỉ IP.

---

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [TCP/IP] >

### [IPv4]

Định cấu hình cài đặt IPv4.

---

**[Nhập địa chỉ IP]**      **[DHCP / Autonet]**      Đặt địa chỉ IP theo cách tự động. Một giá trị ngẫu nhiên trong khoảng từ 169.254.1.0 tới 169.254.254.255, hiện không được sử dụng trên mạng sẽ được đặt làm địa chỉ IP. Mặt nạ mạng con được đặt là 255.255.0.0.

---

**[BOOTP]**      Đặt địa chỉ IP bằng BOOTP.

---

**[RARP]**      Đặt địa chỉ IP bằng RARP.

---

**[DHCP]**      Đặt địa chỉ IP bằng DHCP.

---

**[Bảng điều khiển]**      Đặt địa chỉ IP theo cách thủ công.

---

**[Địa chỉ IP]**      Khi địa chỉ IP được đặt theo cách thủ công, IP sẽ được phân bổ tới máy in ở dạng nnn.nnn.nnn.nnn. Mỗi octet tạo nên nnn.nnn.nnn.nnn là một giá trị nằm trong khoảng từ 0 tới 254. Bạn không thể chỉ định 127 và bất kỳ giá trị nào trong khoảng từ 224 tới 254 cho octet đầu tiên của địa chỉ cổng.

---

**[Mặt nạ mạng con]**      Khi địa chỉ IP được đặt theo cách thủ công, mặt nạ mạng con được chỉ định ở dạng nnn.nnn.nnn.nnn. Mỗi octet tạo nên nnn.nnn.nnn.nnn là một giá trị nằm trong khoảng từ 0 tới 255. Bạn không thể chỉ định 255.255.255.255 làm mặt nạ mạng con.

---

**[Địa chỉ cổng nối]**      Khi địa chỉ IP được đặt theo cách thủ công, địa chỉ cổng được chỉ định bằng định dạng nnn.nnn.nnn.nnn. Mỗi octet tạo nên nnn.nnn.nnn.nnn là một giá trị nằm trong khoảng từ 0 tới 254. Bạn không thể chỉ định 127 và bất kỳ giá trị nào trong khoảng từ 224 tới 254 cho octet đầu tiên của địa chỉ cổng.

---

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] > [TCP/IP] >

### [IPsec]



#### Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi [IPsec] được bật trên CentreWare Internet Services. Xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

Tắt kết nối IPsec.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## [Giao thức]

Bật hoặc tắt từng giao thức. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

---

[LPD]

---

[Port9100]

---

[FTP]

---

[IPP]

---

[WSD]<sup>\*1</sup>

---

[SNMP (UDP/IP)]<sup>\*2</sup>

---

[StatusMessenger]

---

[Dịch vụ Internet]

---

[Bonjour (mDNS)]

---

[Telnet]

---

[HTTP-SSL/TLS]

---

[Google Cloud Print]

---

\*1 WSD là chữ viết tắt của Web Services on Devices (Các dịch vụ web trên thiết bị).

\*2 SNMP là chữ viết tắt của Simple Network Management Protocol (Giao thức quản lý mạng đơn giản).

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## [Bộ lọc IP]

Chỉ định có hay không giới hạn các thiết bị có thể giao tiếp với máy in. Đăng ký địa chỉ IP mà bạn muốn cho phép giao tiếp với máy in trên CentreWare Internet Services.



### Lưu ý

- Tính năng này không được áp dụng cho giao tiếp qua Wi-Fi Direct.

---

[IPv4 - Bộ lọc]

Chỉ định có hay không bật tính năng này cho các thiết bị có địa chỉ IP là IPv4.

---

[IPv6 - Bộ lọc]

Chỉ định có hay không bật tính năng này cho các thiết bị có địa chỉ IP là IPv6.

---

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## [IEEE 802.1x]



### Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi máy in được kết nối bằng cáp Ethernet và tính năng xác thực IEEE 802.1x được bật trên CentreWare Internet Services. Xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

Tắt xác thực IEEE 802.1x. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## [Khởi chạy NVM]

Khởi tạo dữ liệu mạng có dây được lưu trữ trong bộ nhớ không mất dữ liệu (NVM). Sau khi bạn thực thi cài đặt này và khởi động lại máy in, tất cả các cài đặt của mạng có dây sẽ đều được đặt lại về giá trị mặc định.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

## [Xóa tất cả chứng chỉ]

Xóa tất cả các chứng chỉ của máy in. Sau khi bạn thực thi cài đặt này và khởi động lại máy in, tất cả các chứng chỉ sẽ bị xóa.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt mạng] >

### [Định dạng dữ liệu PS]

Chỉ định giao thức giao tiếp PostScript 3 Compatible. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

[Tự động]	Được sử dụng khi tự động phát hiện giao thức giao tiếp PostScript 3 Compatible.
[Tiêu chuẩn]	Được sử dụng khi giao thức giao tiếp có giao diện ASCII.
[BCP]	Được sử dụng khi giao thức giao tiếp có định dạng nhị phân.
[TBCP]	Được sử dụng khi giao thức giao tiếp hỗ trợ cả ASCII và dữ liệu nhị phân để chuyển đổi giữa chúng theo mã điều khiển được chỉ định.
[Nhị phân]	Được sử dụng khi không cần xử lý đặc biệt cho dữ liệu.

■ [Menu người quản trị] >

### [Thiết đặt USB]

Sử dụng trình đơn này để thay đổi các cài đặt máy in ảnh hưởng đến cổng USB.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt USB] >

### [Tình trạng cổng]

Chỉ định có hay không bật cổng USB của máy in. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt USB] >

### [Định dạng dữ liệu PS]

Chỉ định giao thức giao tiếp PostScript 3 Compatible. Thay đổi có hiệu lực sau khi bạn tắt máy in rồi bật lại.

[Tự động]	Được sử dụng khi tự động phát hiện giao thức giao tiếp PostScript 3 Compatible.
[Tiêu chuẩn]	Được sử dụng khi giao thức giao tiếp có giao diện ASCII.
[BCP]	Được sử dụng khi giao thức giao tiếp có định dạng nhị phân.
[TBCP]	Được sử dụng khi giao thức giao tiếp hỗ trợ cả ASCII và dữ liệu nhị phân để chuyển đổi giữa chúng theo mã điều khiển được chỉ định.
[Nhị phân]	Được sử dụng khi không cần xử lý đặc biệt cho dữ liệu.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt USB] >

### [Hết th.gian chờ công việc]

Chỉ định có hay không chỉ định khoảng thời gian máy in đợi dữ liệu đến từ máy tính. Lệnh in sẽ bị hủy nếu máy đợi quá thời gian chờ.

■ [Menu người quản trị] >

### [Thiết đặt hệ thống]

Sử dụng menu này để định cấu hình chế độ tiết kiệm điện, âm cảnh báo, lượng thời gian chờ và cài đặt tự động in nhật ký lệnh.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Thời gian tiết kiệm điện]

Chỉ định thời gian để chuyển tiếp sang chế độ tiết kiệm điện.


[Hẹn giờ nguồn thấp]	Chỉ định thời gian để máy in chuyển sang chế độ điện năng thấp. Máy in chuyển sang chế độ này khi bạn không sử dụng máy in trong thời gian đã chỉ định.
----------------------	---

<b>[Hẹn giờ nghỉ]</b>	Chỉ định thời gian để máy in chuyển sang chế độ ngủ kể từ lúc chuyển sang chế độ điện năng thấp.
-----------------------	--

Khi bạn chỉ định 1 phút cho [Hẹn giờ nguồn thấp], máy in sẽ chuyển sang chế độ điện năng thấp sau 1 phút kể từ lúc không hoạt động trong khoảng thời gian đã chỉ định. Tùy chọn này sử dụng ít năng lượng hơn, nhưng máy in cần nhiều thời gian khởi động hơn. Chỉ định 1 phút nếu máy in dùng chung một mạch điện với đèn phòng và bạn nhận thấy các bóng đèn nhấp nháy.

Chọn một giá trị cao nếu máy in được sử dụng liên tục. Trong hầu hết các trường hợp, điều này giữ cho máy in luôn sẵn sàng hoạt động với thời gian khởi động tối thiểu.

Chọn một giá trị trung bình nếu bạn muốn cân bằng giữa mức tiêu thụ điện năng và thời gian khởi động ngắn hơn.

Máy in chuyển từ chế độ tiết kiệm điện về chế độ chờ khi nhận dữ liệu từ máy tính. Bạn cũng có thể chuyển trạng thái của máy in sang chế độ chờ bằng cách bấm nút  <Power> (Nguồn) trên bảng vận hành.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Tự động đặt lại]**

Tự động đặt lại các cài đặt in về cài đặt mặc định và quay về chế độ chờ sau khi bạn không chỉ định cài đặt nào trong khoảng thời gian được chỉ định.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Hết thời gian chờ lỗi]**

Chỉ định khoảng thời gian máy in phải chờ trước khi xóa một thông báo lỗi và quay lại menu trên cùng. Cài đặt này được dùng cho lỗi có thể xóa mà không cần người dùng thao tác.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Thiết đặt đồng hồ]**

Chỉ định định dạng ngày và giờ.

<b>[Đặt ngày tháng &amp; thời gian]</b>	<b>[Múi giờ]</b>	Đặt múi giờ.
	<b>[Đặt ngày tháng]</b>	Đặt ngày tùy theo cài đặt [Định dạng ngày tháng].
	<b>[Đặt thời gian]</b>	Đặt giờ.
<b>[Định dạng ngày tháng]</b>	<b>[yy/mm/dd]</b>	Đặt định dạng ngày.
	<b>[mm/dd/yy]</b>	
	<b>[dd/mm/yy]</b>	
<b>[Định dạng thời gian]</b>	<b>[12H]</b>	Đặt thời gian ở định dạng 12 giờ.
	<b>[24H]</b>	Đặt thời gian ở định dạng 24 giờ.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Âm thanh]**

Chỉ định có hay không phát ra âm báo trong quá trình thao tác hoặc khi cảnh báo xuất hiện.

<b>[Bảng điều khiển]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi dữ liệu nhập vào bảng vận hành là đúng.
<b>[Khóa không hợp lệ]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi dữ liệu nhập vào bảng vận hành không đúng.
<b>[Máy đã sẵn sàng]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi máy in sẵn sàng xử lý một lệnh.
<b>[Công việc đã hoàn tất]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi lệnh hoàn tất.
<b>[Âm lỗi]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi một lệnh kết thúc bất thường.
<b>[Âm cảnh báo]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi xảy ra sự cố.

<b>[Hết giấy]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi máy in hết giấy.
<b>[Cảnh báo sắp hết mực]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo khi lượng mực in còn ít.
<b>[Cảnh báo tự động xóa]</b>	Chọn âm lượng cho âm báo 5 giây trước khi máy in tiến hành xóa tự động.
<b>[Tất cả âm báo]</b>	Chọn âm lượng cho tất cả các âm cảnh báo.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[mm / inch]**

Chỉ định đơn vị đo mặc định được hiển thị sau giá trị số trên màn hình LCD.



#### **Lưu ý**

- Cài đặt mặc định thay đổi tùy theo các cài đặt khác, chẳng hạn như kích thước của tài liệu.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Khổ giấy mặc định]**

Chọn A4 hoặc letter làm khổ giấy cho lệnh in dữ liệu không chỉ định khổ, như báo cáo.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Lịch sử công việc tự động]**

Chỉ định có hay không tự động in báo cáo lịch sử lệnh sau mỗi 20 lệnh. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

Bạn cũng có thể in báo cáo này bằng trình đơn [Báo cáo / Danh sách].

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Báo cáo 2 mặt]**

Chỉ định có hay không in báo cáo trên cả hai mặt của một tờ giấy.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[In ID]**

Chỉ định có hay không in ID người dùng khi in, cũng như chỉ định vị trí in ID đó.



#### **Lưu ý**

- Khi in trên khổ giấy DL, một phần ID của người dùng có thể không được in đúng cách.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[In văn bản]**

Chỉ định có hay không in dữ liệu Ngôn ngữ mô tả trang (PDL) (mà máy in không hỗ trợ) ở dạng văn bản. Dữ liệu văn bản được in trên khổ giấy A4 hoặc Letter.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Giấy chèn giữa văn bản]**

Chỉ định vị trí sẽ chèn tờ biểu ngữ và khay sẽ nạp tờ này.

<b>[Vị trí chèn]</b>	<b>[Tất]</b>	Không in tờ biểu ngữ.
	<b>[Tờ in đầu]</b>	Chèn tờ biểu ngữ vào trước trang đầu tiên của mọi bản sao.
	<b>[Tờ in cuối]</b>	Chèn tờ biểu ngữ vào sau trang cuối cùng của mọi bản sao.
	<b>[Tờ in đầu &amp; cuối]</b>	Chèn tờ biểu ngữ vào trước trang đầu tiên của mọi bản sao và sau trang cuối cùng của mọi bản sao.

<b>[Chọn khay]</b>	<b>[Khay tay]</b>	Chỉ định khay nạp tay để nạp tờ biểu ngữ.
	<b>[Khay 1]</b>	Chỉ định khay 1 để nạp tờ biểu ngữ.
	<b>[Khay 2]*</b>	Chỉ định Khay nạp 550 tờ tùy chọn để nạp tờ biểu ngữ.

\* Cài đặt này chỉ khả dụng khi Khay nạp 550 tờ tùy chọn được lắp đặt.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Ổ đĩa RAM]**

Chỉ định có hay không phân bổ bộ nhớ vào hệ thống tệp trên đĩa RAM đối với tính năng in lưu trữ. Khi bật tính năng này, bạn có thể chỉ định dung lượng ổ đĩa RAM. Thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi khởi động lại máy in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Khay thay thế]**

Chỉ định xem có sử dụng giấy khác khổ hay không khi giấy nạp vào khay được chỉ định không khớp với cài đặt khổ giấy dành cho lệnh hiện tại.

<b>[Tắt]</b>	Không chấp nhận thay khổ giấy.
<b>[Kích cỡ lớn hơn]</b>	Thay giấy có khổ lớn nhất tiếp theo. Khi không có khổ giấy lớn hơn, máy in thay giấy có khổ gần nhất.
<b>[Kích cỡ gần khớp]</b>	Thay giấy có khổ gần nhất.
<b>[Khay tay]</b>	Thay giấy từ khay nạp tay.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Chuyển đổi A4/Letter]**

Chỉ định có hay không in các lệnh với khổ A4 trên giấy khổ Letter nếu không có giấy khổ A4, hoặc in các lệnh với khổ Letter trên giấy khổ A4 nếu không có giấy khổ Letter.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[Chế độ Auditron]**

Hạn chế chức năng in và đếm số trang in đối với mỗi người dùng.

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách đăng ký người dùng với máy in và đặt hạn chế in, hãy xem "Chỉ cho phép người dùng đã đăng ký in (Tr.88)" hoặc "Đặt hạn chế in đối với mỗi người dùng đã đăng ký (Tr.91)".

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### **[In không cần tài khoản]**

Khi [Chế độ Auditron] được bật, bạn không thể in các lệnh không có thông tin tài khoản (tên người dùng và mật khẩu). Để cho phép in các lệnh này, hãy bật tính năng này.

Các lệnh không có thông tin tài khoản là các lệnh sau:

- Các lệnh được tạo bằng tiện ích hoặc trình điều khiển in của công ty khác
- Lệnh được gửi bằng các tính năng sau:
  - AirPrint
  - Google Cloud Print
  - Dịch vụ in Mopria

#### Lưu ý

- Ngay cả khi trình điều khiển hoặc ứng dụng của chúng tôi được sử dụng, các lệnh được tạo khi cài đặt xác thực người dùng của ứng dụng hoặc trình điều khiển in bị tắt cũng được coi là các lệnh không có thông tin tài khoản.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Tự động in thành đen trắng]

- Khi [Chế độ Auditron] được bật

Cưỡng bức in đen trắng cho các lệnh in màu đối với người dùng bị hạn chế in màu.

Ngoài ra, cưỡng bức in đen trắng cho các lệnh in màu không có thông tin tài khoản và khi [In không cần tài khoản] được bật.



#### Lưu ý

- Người dùng bị hạn chế in màu là người dùng có cài đặt [Truy cập in màu] được đặt thành [Chỉ mực đen] trên CentreWare Internet Services. Khi [Tự động in thành đen trắng] bị tắt, các lệnh in màu bị hủy đối với người dùng bị hạn chế in màu. Để biết chi tiết, hãy xem "Chỉ cho phép in đen trắng (Tr.91)".
- Khi [Chế độ Auditron] bị tắt  
Cưỡng bức in đen trắng cho các lệnh in màu đối với tất cả người dùng.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Chế độ in 2 mặt LetterH]

Chỉ định có hay không in trên cả hai mặt khi sử dụng tiêu đề thư.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Thông báo sắp hết mực]

Chỉ định có hay không hiển thị cảnh báo khi sắp hết mực in.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Trống mực hết tuổi thọ]

Chỉ định có hay không dừng in khi hộp trống hết hạn sử dụng.



#### Lưu ý

- Bảo đảm rằng trình đơn này phải được chỉ định trước khi thông báo xuất hiện để nhắc bạn thay hộp trống. Bạn không thể thay đổi cài đặt này sau khi thông báo thay hộp trống hiển thị.

---

[Hủy in]

Dừng in khi hộp trống hết hạn sử dụng.

---

[Tiếp tục in]

Không dừng in ngay cả khi hộp trống hết hạn sử dụng.



#### Lưu ý

- Vì chất lượng in không được bảo đảm nếu bạn tiếp tục sử dụng máy in sau khi hộp trống hết hạn sử dụng, chúng tôi khuyên bạn nên thay hộp trống bằng hộp mới khi thông báo "Thay trống mực đen"\* xuất hiện.
- Khi thông báo "Thay cụm trống mực đen"\* xuất hiện, máy in sẽ không thể bắt đầu in cho đến khi bạn thay hộp trống bằng hộp mới.

\* Thông báo về hộp trống màu đen được sử dụng làm mẫu.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách thay hộp trống, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Chế độ tải xuống FW]

Chỉ định có hay không cho phép tải xuống các bản cập nhật chương trình cơ sở.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt hệ thống] >

### [Hex Dump]

Chỉ định có hay không giúp cách ly nguồn gây ra sự cố với lệnh in. Khi cài đặt này được bật, tất cả dữ liệu đã gửi tới máy in sẽ được in ở dạng thập lục phân và ký tự. Các mã kiểm soát không được thực thi.

■ [Menu người quản trị] >

## [NFC]

Chỉ định có hay không cho phép một thiết bị di động, như máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh, kết nối với máy in qua giao tiếp NFC.

■ [Menu người quản trị] >

## [Chế độ bảo trì]

Sử dụng trình đơn này để định cấu hình cài đặt bảo dưỡng, chẳng hạn như điều chỉnh cầu chì và vệ sinh thiết bị truyền.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

## [Phiên bản F/W]

Hiển thị phiên bản của bộ điều khiển.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

## [Điều chỉnh loại giấy]

Điều chỉnh loại giấy.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

## [Điều chỉnh bộ băng tải]

Điều chỉnh độ chênh khi truyền khi xuất hiện hình ảnh lặp lại (bóng mờ) trên bản in ra.

---

[In offset K]	Nếu bóng có màu đen mờ xuất hiện, giảm giá trị.
[In offset YMC]	Nếu xuất hiện bóng mờ có màu (vàng, đỏ tươi hoặc lục lam), giảm giá trị.

---

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

## [Điều chỉnh BTR thứ 2]



### Lưu ý

- Chất lượng in thay đổi tùy theo các giá trị cài đặt mà bạn chọn cho mục này.

Chỉ định điều chỉnh điện áp cho con lăn truyền đối với từng loại giấy. Nếu bạn nhìn thấy các vết vằn trên bản in ra, tăng điện áp. Nếu bạn nhìn thấy các đốm trắng trên bản in ra, giảm điện áp. Để biết chi tiết về giá trị cài đặt, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

## [Điều chỉnh cụm sấy]



### Lưu ý

- Chất lượng in thay đổi tùy theo các giá trị cài đặt mà bạn chọn cho mục này.

Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ của cầu chì đối với từng loại giấy. Khi bản in bị quăn, giảm nhiệt độ. Khi mực in không chảy bình thường trên giấy, tăng nhiệt độ. Để biết chi tiết về các giá trị cài đặt, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

## [Điều chỉnh đăng ký màu]

Khởi động thủ công quá trình điều chỉnh định màu khi bạn cần.

Bạn phải điều chỉnh định màu khi máy in được lắp lần đầu và sau khi máy in được di chuyển.

---

[Sửa tự động]	Tự động thực hiện sửa định màu.
---------------	---------------------------------

---



### Lưu ý

- Bảo đảm rằng bạn lấy giấy ra khỏi khay nạp tay trước khi thực hiện [Sửa tự động].

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Vệ sinh bộ đánh dấu]

Lau sạch thuốc hiện và thiết bị truyền. Cài đặt này giúp khắc phục sự cố mờ trên bản in ra.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Thay mới mực]

Đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa mực in và bột thuốc hiện. Cài đặt này giúp khắc phục sự cố mờ trên bản in ra.



**Lưu ý**

- Tính năng này sử dụng mực in và làm giảm tuổi thọ của hộp mực in và hộp trống.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Khởi chạy NVM]

Khởi chạy bộ nhớ không mất dữ liệu (NV). Sau khi thực thi cài đặt này và khởi động lại máy in, tất cả các tham số của trình đơn đều được đặt lại về giá trị mặc định.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Khởi chạy bộ tính bản in]

Khởi tạo đồng hồ in của máy in. Khi đồng hồ in được khởi tạo, số đếm trên đồng hồ được đặt lại thành 0.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Xóa lịch sử công việc]

Xóa lịch sử lệnh của tất cả các lệnh đã kết thúc.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Xóa công việc đã lưu]



**Lưu ý**

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi [Ổ đĩa RAM] được bật.

Xóa các lệnh in đã lưu bằng tính năng in lưu trữ.

[Tất cả tài liệu]	Xóa tất cả các lệnh in đã lưu bằng tính năng in lưu trữ.
[Tài liệu bảo mật]	Xóa các lệnh in đã lưu bằng tính năng In an toàn.
[Tài liệu đã lưu]	Xóa các lệnh in đã lưu bằng tính năng In thử.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Không chính hãng]

Chỉ định có hay không sử dụng hộp mực in của nhà sản xuất khác.



**Quan trọng**

- Việc sử dụng hộp mực in không phải của Fuji Xerox có thể gây ra hư hỏng nghiêm trọng cho máy in. Phạm vi bảo hành không bao gồm các hỏng hóc do sử dụng hộp mực in không phải của Fuji Xerox.

■ [Menu người quản trị] > [Chế độ bảo trì] >

### [Điều chỉnh độ cao]

Chỉ định độ cao của vị trí lắp đặt máy in.

Hiện tượng phóng điện khi nạp chất quang dẫn sẽ thay đổi theo khí áp. Các điều chỉnh được thực hiện bằng cách chỉ định độ cao của vị trí nơi máy in đang được sử dụng.



**Lưu ý**

- Cài đặt điều chỉnh độ cao không đúng sẽ dẫn tới chất lượng in kém, chỉ báo sai lượng mực in còn lại, v.v..

■ [Menu người quản trị] >

## [Thiết đặt bảo mật]

Sử dụng trình đơn này để định cấu hình cài đặt bảo mật, chẳng hạn như giới hạn quyền truy cập vào các trình đơn. Việc này hạn chế các cài đặt của máy in vô tình bị thay đổi.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt bảo mật] >

## [Khóa bảng điều khiển]

Chỉ định có giới hạn quyền truy cập vào các trình đơn bằng mật khẩu cũng như có đổi mật khẩu hay không.

<b>[Bộ khóa bảng điều khiển]</b>	Đặt chức năng bảo vệ bằng mật khẩu cho các trình đơn sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• [Menu người quản trị]</li><li>• [Báo cáo / Danh sách]</li></ul>
----------------------------------	---

<b>[Thay đổi mật khẩu]*</b>	Đổi mật khẩu bắt buộc có 4 chữ số để truy cập các trình đơn.
-----------------------------	--

\* Cài đặt này chỉ khả dụng khi [Bộ khóa bảng điều khiển] được bật.

■ [Menu người quản trị] > [Thiết đặt bảo mật] >

## [Lỗi đăng nhập]



Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi [Bộ khóa bảng điều khiển] được bật. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "[Khóa bảng điều khiển] (Tr.60)".

Chỉ định có hay không xác định số lần thử đăng nhập lỗi được phép khi bạn đăng nhập vào các menu được bảo vệ bằng [Khóa bảng điều khiển].

## 3.2.5 [Thiết đặt khay]

Sử dụng trình đơn này để xác định giấy in được nạp vào khay 1, khay nạp tay và Khay nạp 550 tờ tùy chọn.



Tham khảo

- Để biết chi tiết về khổ giấy và loại giấy được hỗ trợ, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".

■ [Thiết đặt khay] >

## [Khay tay]

Chỉ định giấy được nạp vào khay nạp tay.

<b>[Khổ giấy]*</b>	Chỉ định khổ giấy.	
<b>[Loại giấy]*</b>	Chỉ định loại giấy.	
<b>[Chế độ khay tay]</b>	<b>[Đã chọn bảng đ.khiển]</b>	Sử dụng khổ giấy và loại giấy được chỉ định trên bảng vận hành.
	<b>[Đã chọn trình điều khiển]</b>	Sử dụng khổ giấy và loại giấy được chỉ định trên trình điều khiển in.
<b>[Màn hình hiển thị]*</b>	Chỉ định có hay không hiển thị thông báo bật lên nhắc bạn đặt loại giấy và khổ giấy khi nạp giấy vào khay nạp tay.	

\* Cài đặt này chỉ khả dụng khi [Đã chọn bảng đ.khiển] được bật.

■ [Thiết đặt khay] >

## [Khay 1]

Chỉ định giấy được nạp vào khay 1.

<b>[Khổ giấy]</b>	Chỉ định khổ giấy.
<b>[Loại giấy]</b>	Chỉ định loại giấy.
<b>[Màn hình hiển thị]</b>	Chỉ định có hay không hiển thị thông báo bật lên nhắc bạn đặt loại giấy và khổ giấy khi nạp giấy vào khay 1.

■ [Thiết đặt khay] >

## [Khay 2]



Lưu ý

- Cài đặt này chỉ khả dụng khi Khay nạp 550 tờ tùy chọn được lắp đặt.

Chỉ định giấy được nạp vào Khay nạp 550 tờ tùy chọn.

<b>[Khổ giấy]</b>	Chỉ định khổ giấy.
<b>[Loại giấy]</b>	Chỉ định loại giấy.
<b>[Màn hình hiển thị]</b>	Chỉ định có hay không hiển thị thông báo bật lên nhắc bạn đặt loại giấy và khổ giấy khi nạp giấy vào Khay nạp 550 tờ tùy chọn.

■ [Thiết đặt khay] >

## [Ưu tiên khay]

Đặt thứ tự ưu tiên khay giấy đối với lựa chọn khay giấy tự động. Nếu máy có các khay giấy được nạp giấy cùng khổ và cùng loại, thì khay giấy sẽ được chọn theo thứ tự ưu tiên này.

## 3.2.6 [Ngôn ngữ bảng đ.khiển]

Sử dụng trình đơn này để chọn ngôn ngữ hiển thị.

## 3.3 CentreWare Internet Services

Sử dụng CentreWare Internet Services để theo dõi trạng thái của máy in qua mạng mà không phải rời khỏi bàn làm việc. Bạn có thể xem và/hoặc thay đổi cài đặt máy in, giám sát mức mực in và xác nhận thời gian đặt mua ống mực thay thế.



### Lưu ý

- Tính năng này chỉ khả dụng khi máy in được kết nối với mạng.

### 3.3.1 Chuẩn bị sử dụng CentreWare Internet Services

Thực hiện quy trình sau đây để định cấu hình cài đặt môi trường của cả trình duyệt web và bảng vận hành trước khi sử dụng CentreWare Internet Services.

#### Thiết lập trình duyệt web

Bạn nên chỉ định địa chỉ IP của máy in trong trình duyệt web.



### Lưu ý

- Nếu bạn chỉ định địa chỉ IP của máy in bằng máy chủ proxy, thì thời gian phản hồi dịch vụ có thể lâu hoặc màn hình có thể không xuất hiện. Nếu những sự cố này xảy ra, thì bạn sẽ cần phải đặt địa chỉ IP của máy in trong trình duyệt web và chọn không sử dụng máy chủ proxy. Xem hướng dẫn sử dụng trình duyệt web để biết cách thực hiện cài đặt.

#### Xác nhận trình đơn trong bảng vận hành

Bạn chỉ có thể khởi động CentreWare Internet Services khi bật [Dịch vụ Internet] trên bảng vận hành. Hãy kiểm tra cài đặt bảng vận hành nếu bạn không thể khởi động CentreWare Internet Services.

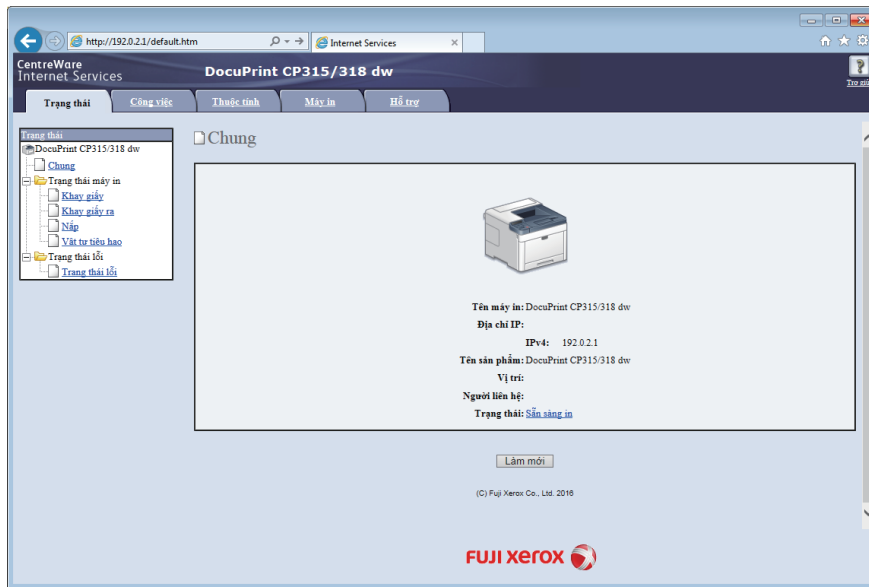


### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "[Giao thức] (Tr.52)".

## 3.3.2 Khởi động CentreWare Internet Services

Để khởi động CentreWare Internet Services, hãy nhập địa chỉ IP của máy in vào thanh địa chỉ của trình duyệt web.



Nếu bạn không biết địa chỉ IP của máy in, hãy xác minh địa chỉ IP bằng bảng vận hành hoặc bằng cách in báo cáo cài đặt máy in. Để biết chi tiết về cách xác minh địa chỉ IP, hãy xem "Xác minh cài đặt IP (Tr.38)".

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về những cài đặt máy in có thể thiết lập bằng CentreWare Internet Services, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

### Lưu ý

- Bạn cũng có thể khởi động CentreWare Internet Services từ chương trình được cung cấp, Cổng in & quét.
- Chỉ định địa chỉ liên kết cục bộ ở chế độ IPv6.

## 3.3.3 Quản lý truy cập vào các trình đơn của máy in

Bạn có thể bảo vệ một số cài đặt máy in tránh khỏi sự truy cập trái phép bằng tên và mật khẩu của quản trị viên, để những cài đặt này không bị thay đổi do vô ý. Trong quy trình sau đây, bạn có thể thay đổi tên và mật khẩu, cũng như chỉ định số lần thử đăng nhập được phép.

### Lưu ý

- "11111" và "x-admin" là tên và mật khẩu mặc định của quản trị viên.

### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

**2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Cài đặt quản trị viên] ở ngăn bên trái của màn hình.**

**3. Chọn [Đã bật] từ hộp danh sách thả xuống [Chế độ quản trị viên].**

**4. Nhập tên quản trị viên vào hộp văn bản [ID đăng nhập quản trị viên].**

**5. Nhập mật khẩu của quản trị viên vào hộp văn bản [Mật khẩu quản trị viên] và [Nhập lại mật khẩu].**

6. Nhập số lần thử đăng nhập tối đa được phép vào hộp văn bản [Số lần thử đăng nhập tối đa].
7. Bấm vào [Áp dụng].




## 3.4 Giảm mức tiêu thụ điện năng

Máy in có chế độ tiết kiệm điện giúp giảm mức tiêu thụ điện và tiết kiệm điện năng so với việc để máy in chạy hết công suất. Chế độ tiết kiệm điện bao gồm chế độ điện năng thấp và chế độ ngủ. Chế độ ngủ còn giúp giảm mức tiêu thụ điện hơn nữa.



Máy in sẽ chuyển sang chế độ điện năng thấp sau một khoảng thời gian không hoạt động, sau đó máy in sẽ chuyển sang chế độ ngủ khi không được dùng liên tục kể từ lúc chuyển sang chế độ điện năng thấp.

### 3.4.1 Chuyển sang chế độ tiết kiệm điện

Máy in sẽ chuyển sang chế độ tiết kiệm điện khi bạn không dùng máy in trong một khoảng thời gian nhất định. Máy in cũng chuyển sang chế độ tiết kiệm điện khi thực hiện quy trình sau.





1. Bấm nút  <Power> (Nguồn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật tiết kiệm điện] rồi nhấn nút .  
Khi máy in ở chế độ tiết kiệm điện, nút  <Power> (Nguồn) sẽ nhấp nháy chậm.

### 3.4.2 Thay đổi thời gian đã trôi qua trước khi máy in chuyển sang chế độ tiết kiệm điện

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .

#### Lưu ý

- Nếu [Bộ khóa bảng điều khiển] được bật, hãy nhập mật khẩu. Để biết chi tiết về cài đặt này, hãy xem "Khóa bảng (Tr.41)".

3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt hệ thống], rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thời gian tiết kiệm điện], rồi bấm nút .
5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Hẹn giờ nguồn thấp] hoặc [Hẹn giờ nghỉ], rồi bấm nút .
6. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn giá trị mong muốn, rồi bấm nút .

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Thời gian tiết kiệm điện] (Tr.53)".

## 3.5 Nguyên tắc về giấy in

Phần này mô tả cách chọn và giữ gìn giấy in. Máy in cung cấp tính năng in chất lượng cao trên nhiều loại giấy in. Việc chọn giấy in thích hợp cho máy in sẽ giúp tránh các sự cố in.

### CẢNH BÁO

- Không sử dụng giấy dẫn điện như giấy origami, giấy cacbon hoặc giấy được tráng lớp dẫn điện. Khi xảy ra hiện tượng kẹt giấy, giấy dẫn điện có thể gây đoản mạch và cuối cùng dẫn đến hỏa hoạn.

### Quan trọng

- Mực in có thể bong khỏi giấy in nếu giấy bị dính nước, nước mưa, hơi nước, v.v. Để biết chi tiết, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

### Lưu ý

- Chỉ sử dụng giấy in lazer. Không sử dụng giấy in phun.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách tránh kẹt giấy, hãy xem "Trước khi nạp (Tr.71)".

### 3.5.1 Giấy in được hỗ trợ

#### Khay nạp tay

---

Khô giấy	A4 – 210 x 297
	B5 – 182 x 257
	A5 – 148 x 210 
	A5 – 210 x 148  *1
	A6 – 105 x 148*1
	16K*2
	8,5 x 14"
	8,5 x 13"
	8,5 x 11"
	7,25 x 10,5"
	Env. 162 x 229 mm*1
	Env. 4,1 x 9,5"*1
	Env. 110 x 220 mm*1
	Env. 3,9 x 7,5"*1
	5 x 7"*1
	4 x 6"*1
	Tùy chỉnh*3
	Chiều rộng: 76,2 – 215,9 mm
	Chiều dài: 127 – 355,6 mm (5 – 14")

<b>Loại giấy</b>	Trơn Giấy bond Tái chế Tiêu đề thư In sẵn Đục lỗ sẵn Giấy màu Bìa Bìa dày *1 Mặt nhám *1*4 Tráng bóng Tráng bóng dày *1 Nhấn *1 Phong bì *1
<b>Công suất nạp</b>	50 tờ giấy tiêu chuẩn

\*1 In hai mặt không khả dụng.

\*2 Tính năng này khả dụng ở một số khu vực nhất định.

\*3 Khổ giấy và trọng lượng giấy tùy chỉnh được chấp nhận cho in hai mặt:



Chiều rộng: 139,7 mm đến 215,9 mm

Chiều dài: 210 mm đến 355,6 mm

Trọng lượng: 64 – 176 gsm

\*4 Nên thay đổi loại giấy thành [Giấy có bề mặt thô] nếu sự cố nạp nhầm hoặc nạp nhiều giấy in xảy ra khi chọn [Giấy bìa dày].

## Khay 1

<b>Khổ giấy</b>	A4 – 210 x 297 B5 – 182 x 257 A5 – 148 x 210  A5 – 210 x 148  *1 A6 – 105 x 148 *1 16K *2 8,5 x 14" 8,5 x 13" 8,5 x 11" 7,25 x 10,5" Env. 162 x 229 mm *1 Env. 4,1 x 9,5" *1 Env. 110 x 220 mm *1 Env. 3,9 x 7,5" *1 5 x 7" *1 4 x 6" *1 Tùy chỉnh *3: Chiều rộng: 76,2 – 215,9 mm Chiều dài: 148 – 355,6 mm (5,8 – 14")
-----------------	--

<b>Loại giấy</b>	Trơn Giấy bond Tái chế Tiêu đề thư In sẵn Đục lỗ sẵn Giấy màu Bìa Bìa dày* <sup>1</sup> Trắng bóng Trắng bóng dày* <sup>1</sup> Nhấn* <sup>1</sup> Phong bì* <sup>1</sup>
<b>Công suất nạp</b>	250 tờ giấy tiêu chuẩn

\*<sup>1</sup> In hai mặt không khả dụng.

\*<sup>2</sup> Tính năng này khả dụng ở một số khu vực nhất định.

\*<sup>3</sup> Khổ giấy và trọng lượng giấy tùy chỉnh được chấp nhận cho in hai mặt:

Chiều rộng: 139,7 mm đến 215,9 mm

Chiều dài: 210 mm đến 355,6 mm

Trọng lượng: 64 – 176 gsm

## Khay nạp 550 tờ tùy chọn

<b>Khổ giấy</b>	A4 – 210 x 297 B5 – 182 x 257 A5 – 148 x 210 <input type="checkbox"/> 8,5 x 14" 8,5 x 13" 8,5 x 11" 7,25 x 10,5" Tùy chỉnh* <sup>1</sup> : Chiều rộng: 76,2 – 215,9 mm Chiều dài: 190,5 – 355,6 mm
-----------------	---

<b>Loại giấy</b>	Trơn Giấy bond Tái chế Tiêu đề thư In sẵn Đục lỗ sẵn Giấy màu Bìa Bìa dày* <sup>2</sup> Trắng bóng Nhấn* <sup>2</sup>
<b>Công suất nạp</b>	550 tờ giấy tiêu chuẩn

\*<sup>1</sup> Khổ giấy và trọng lượng giấy tùy chỉnh được chấp nhận cho in hai mặt:

Chiều rộng: 139,7 mm đến 215,9 mm

Chiều dài: 210 mm đến 355,6 mm

Trọng lượng: 64 – 176 gsm

\*<sup>2</sup> In hai mặt không khả dụng.

## 3.5.2 Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Loại giấy	Trọng lượng (gsm)
Tron	60 – 90
Giấy bond	91 – 105
Tái chế	60 – 90
Tiêu đề thư	60 – 90
In sẵn	60 – 90
Đục lỗ sẵn	60 – 90
Giấy màu	60 – 90
Bìa	106 – 176
Bìa dày	177 – 220
Mặt nhám	177 – 220
Tráng bóng	106 – 176
Tráng bóng dày	177 – 220
Nhãn	–
Phong bì	–



### Lưu ý

- Tính năng in hai mặt tự động khả dụng với giấy có trọng lượng từ 64 đến 176 gsm.

## 3.5.3 Giấy in được đề xuất

Việc lựa chọn giấy in thích hợp sẽ giúp tránh kẹt giấy và đảm bảo in mà không xảy ra sự cố.

Fuji Xerox đề xuất giấy in tiêu chuẩn trong bảng sau. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương bạn.

Tên giấy	Trọng lượng
Fuji Xerox P	64 gsm
Fuji Xerox C2	70 gsm

## 3.5.4 Giấy in không được chấp nhận

- Giấy được xử lý hóa học, dùng để tạo các bản sao không có giấy cacbon, còn được gọi là giấy sao không có cacbon (CCP) hoặc giấy không cần có cacbon (NCR).
- Giấy in sẵn có các hóa chất có thể làm bẩn máy in.
- Giấy in sẵn có thể chịu ảnh hưởng của nhiệt độ trong cầu chì
- Giấy in sẵn yêu cầu đăng ký (vị trí in chính xác trên trang) lớn hơn  $\pm 0,09$  inch, chẳng hạn như các biểu mẫu Nhận dạng ký tự quang (OCR). Trong một số trường hợp, bạn có thể điều chỉnh đăng ký bằng chương trình phần mềm để in thành công các biểu mẫu này.
- Keo dính có thể tẩy, giấy tổng hợp và giấy nhạy nhiệt
- Giấy có cạnh nhám, giấy có bề mặt ráp hoặc nhiều họa tiết hoặc giấy quăn
- Giấy tái chế chứa hơn 25% chất thải sau tiêu dùng, không đáp ứng DIN 19309
- Biểu mẫu hoặc tài liệu có nhiều phần
- Giấy tan hoặc giấy axit có thể làm hỏng chất lượng in (khoảng trắng hoặc các vết có thể xuất hiện trong văn bản)

## 3.5.5 Nguyên tắc cất giữ giấy in

Để cất giữ giấy in đúng cách, bạn hãy tuân thủ các nguyên tắc sau đây nhằm tránh các sự cố nạp giấy in và chất lượng in không đều nhau.

- Cất giữ giấy in trong môi trường có nhiệt độ khoảng 21°C (70°F) và độ ẩm tương đối là 40%.
- Cất giữ giấy in trên một bề mặt phẳng để các cạnh không bị vênh hoặc quăn.
- Nên cất giữ giấy in trên giá kê, hộp bìa cứng, kệ hoặc trong tủ thay vì để trực tiếp trên sàn.
- Không đặt bất cứ thứ gì lên trên gói giấy in.

## 3.6 Nạp giấy in

Việc nạp đúng giấy in sẽ giúp ngăn chặn hiện tượng kẹt giấy và đảm bảo quá trình in không gặp sự cố. Trước khi nạp bất kỳ giấy in nào, hãy xác định mặt in được đề xuất của giấy in. Thông tin này thường được chỉ ra trên gói giấy in.

### 3.6.1 Trước khi nạp

#### ! Quan trọng

- Việc siết chặt thanh dẫn có thể gây ra hiện tượng kẹt giấy.

#### 💡 Lưu ý

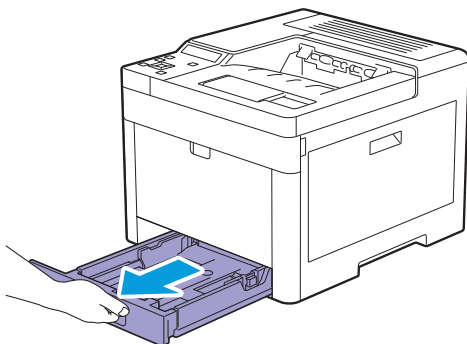
- Chỉ sử dụng giấy in laser. Không sử dụng giấy in phun.
- Chỉ sử dụng giấy in được đề xuất. Để biết chi tiết, hãy xem "Nguyên tắc về giấy in (Tr.66)".
- Cất giữ giấy in trong môi trường có thể chấp nhận được. Để biết chi tiết về cách bảo quản giấy in, hãy xem "Nguyên tắc cất giữ giấy in (Tr.70)".
- Không nạp quá tải nguồn giấy in. Đảm bảo chiều cao của chồng giấy in không vượt quá chiều cao tối đa được biểu thị bằng nhãn dòng tải trong khay.
- Không nạp giấy in bị nhăn, bị nhàu, bị ướt hoặc bị cuộn.
- Gập, tãi và làm phẳng giấy in trước khi nạp.
- Không sử dụng giấy in bạn đã cắt hoặc xén.
- Không kết hợp các giấy in khác kích cỡ, trọng lượng hoặc khác loại trong cùng một nguồn giấy in.
- Đảm bảo rằng mặt in được đề xuất hướng lên trên khi nạp giấy in.
- Đảm bảo rằng tất cả các cáp nối với máy in được gắn chính xác.
- Để tránh kẹt giấy và nạp nhiều do nạp nhầm giấy in, hãy lau sạch con lăn hãm và con lăn nạp giấy cho khay 1, Khay nạp 550 tờ tùy chọn và khay nạp tay bằng vải ẩm. Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh các con lăn hãm và con lăn nạp giấy (Tr.128)".
- Không thực hiện lệnh in khi khay nạp tay được tháo ra.

### 3.6.2 Nạp giấy in trong khay 1 và Khay nạp 550 tờ tùy chọn

#### ! Quan trọng

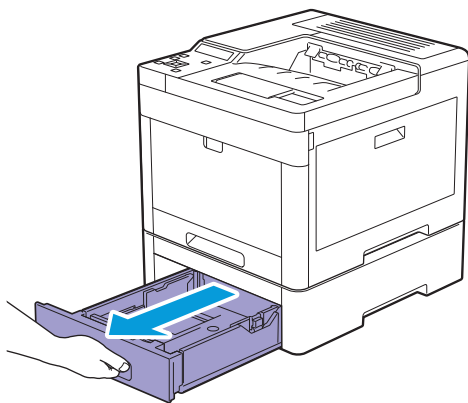
- Để tránh hiện tượng kẹt giấy, không tháo khay trong khi in.

#### 1. Kéo khay ra khỏi máy in.

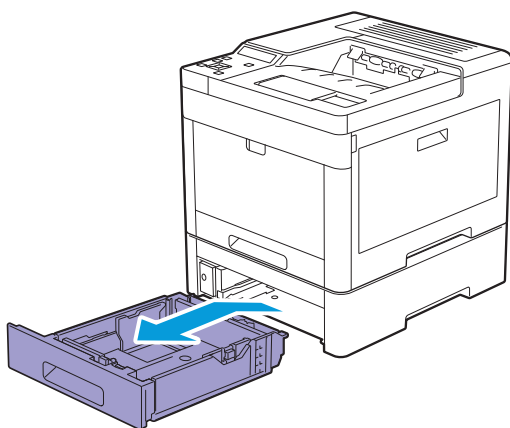


Đối với Khay nạp 550 tờ tùy chọn:

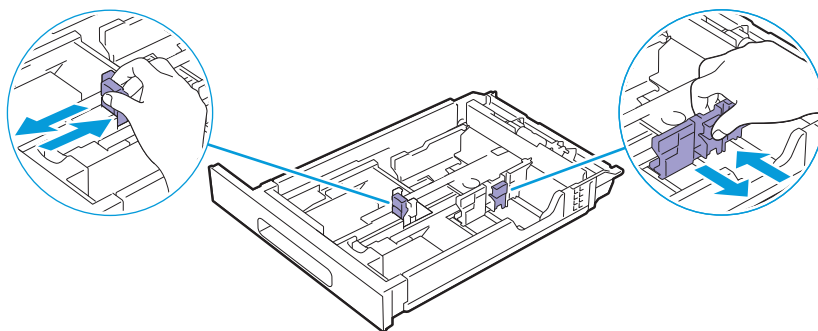
**a** Kéo một nửa Khay nạp 550 tờ tùy chọn ra khỏi máy in.



**b** Giữ khay bằng cả hai tay, hơi nâng mặt trước của khay lên trên, rồi kéo khay ra hết.

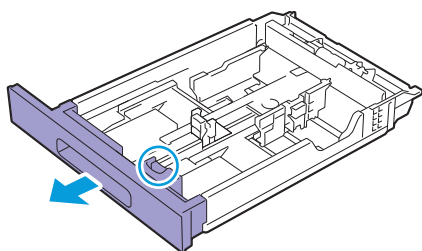


## 2. Điều chỉnh thanh dẫn giấy theo khổ giấy bạn muốn nạp.

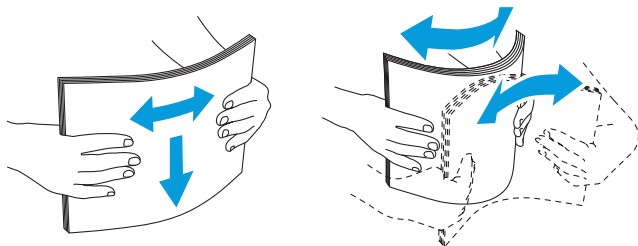


### Lưu ý

- Khi bạn nạp giấy khổ Legal, hãy mở rộng khay trong khi ấn lẫy nằm ở phía trước khay.



**3. Trước khi nạp giấy in, hãy gập và tãi các tờ. Làm thẳng các mép của chồng giấy in trên bề mặt phẳng.**



**4. Nạp giấy in vào khay với mặt in được đề xuất hướng lên trên.**

**!** **Quan trọng**

- Không nạp giấy vượt quá vạch nạp tối đa trong khay. Nạp quá nhiều giấy vào khay có thể gây ra sự cố kẹt giấy.

**💡** **Lưu ý**

- Khi nạp giấy tráng bóng, hãy nạp từng tờ một.

**📖** **Tham khảo**

- Để biết chi tiết về cách nạp giấy có sẵn tiêu đề, giấy được in sẵn hoặc được đục lỗ, hãy xem "Nạp giấy có sẵn tiêu đề, giấy được in sẵn và được đục lỗ (Tr.79)".

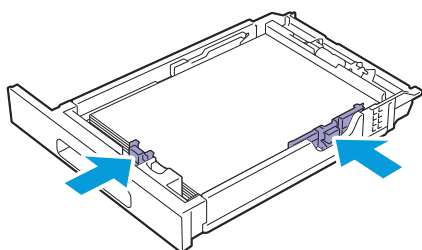
**5. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy đặt nhẹ vào mép của chồng giấy in.**

**!** **Quan trọng**

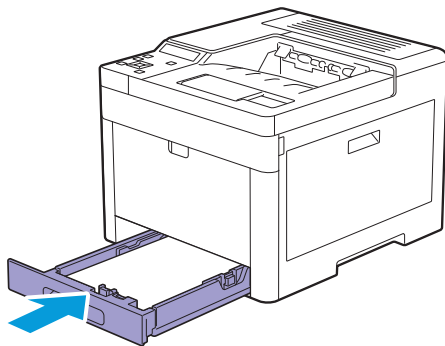
- Việc siết chặt thanh dẫn có thể gây ra hiện tượng kẹt giấy.

**💡** **Lưu ý**

- Khi nạp giấy in do người dùng chỉ định, hãy điều chỉnh thanh dẫn chiều rộng và trượt phần mở rộng của khay bằng cách ép thanh dẫn chiều dài và trượt cho đến khi thanh dẫn đặt nhẹ vào mép giấy.

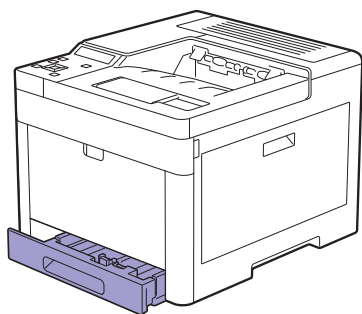


## 6. Lắp khay 1 vào máy in và ấn cho đến khi khay dừng lại.



### Lưu ý

- Nếu mặt trước của khay được mở rộng, khay sẽ nhô ra khi được lắp vào máy in.



## 7. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn khổ giấy thích hợp, rồi bấm nút .

## 8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn loại giấy thích hợp, rồi bấm nút .

### Lưu ý

- Đặt loại và khổ giấy giống như giấy thực tế đang được nạp. Có thể xảy ra lỗi nếu cài đặt loại hoặc khổ giấy khác với giấy đã nạp.


## 3.6.3 Nạp giấy in vào khay nạp tay

### Quan trọng

- Không thêm hoặc rút giấy in ra khỏi khay nạp tay khi lệnh in đang được thực hiện. Việc này có thể dẫn đến hiện tượng kẹt giấy.
- Không đặt các vật lên khay nạp tay.
- Không tác động lực quá mạnh lên khay nạp tay hoặc ấn khay xuống.

### Lưu ý

- Nếu xảy ra hiện tượng kẹt giấy, hãy nạp một tờ một lần qua khay nạp tay.
- Nhấn trên khay nạp tay cho biết cách nạp giấy in và phong bì cần in.
- Các cài đặt mặc định cho khổ giấy và loại giấy được chỉ định trên trình điều khiển in. Nếu bạn muốn chỉ định khổ và loại giấy trên bảng vận hành, hãy làm như sau.

**a** Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).

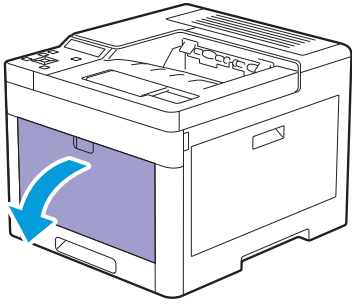
**b** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt khay], rồi bấm nút .

**c** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Khay tay], rồi bấm nút .

**d** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ khay tay], rồi bấm nút .

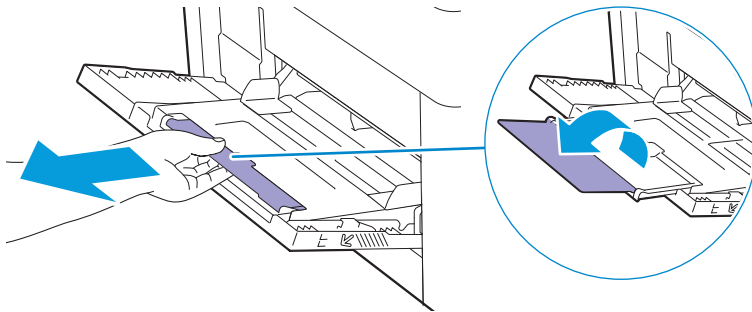
**e** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Đã chọn bảng đ.khiển], rồi bấm nút .

## 1. Kéo nhẹ và mở nắp khay nạp tay.

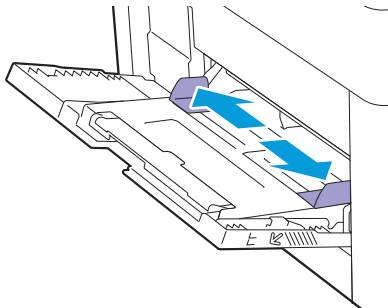


### 💡 Lưu ý

- Kéo phần mở rộng khay khi cần.



## 2. Trượt thanh dẫn chiều rộng theo khổ giấy bạn muốn nạp.



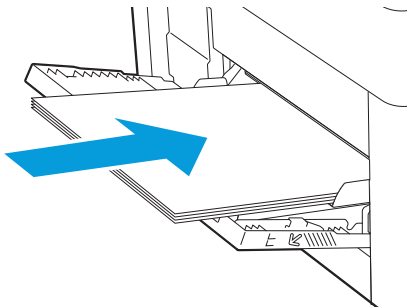
## 3. Nạp giấy in hướng lên trên với mép trên cùng vào trước.

### 💡 Lưu ý

- Không dùng lực ấn giấy in vào khay nạp tay.
- Khi nạp giấy tráng bóng, hãy nạp từng tờ một.

### 📖 Tham khảo

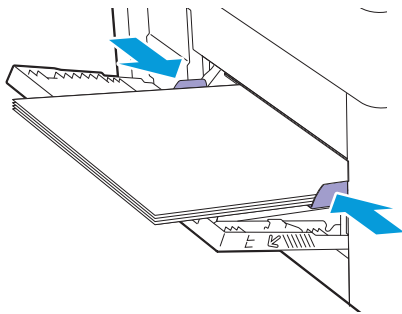
- Để biết chi tiết về cách nạp giấy có sẵn tiêu đề, giấy được in sẵn hoặc được đục lỗ, hãy xem "Nạp giấy có sẵn tiêu đề, giấy được in sẵn và được đục lỗ (Tr.79)".



#### 4. Đảm bảo rằng cả hai thanh dẫn chiều rộng đều đặt nhẹ lên mép của chồng giấy in.

##### ! Quan trọng

- Việc siết chặt thanh dẫn có thể gây ra hiện tượng kẹt giấy.



### Nạp nhãn trong khay nạp tay

##### 💡 Lưu ý

- Không nạp nhãn trong khay nạp tay cùng với các loại giấy khác.
- Sử dụng tờ nhãn đầy đủ. Tờ một phần có thể khiến nhãn bị bong ra trong quá trình in, dẫn đến hiện tượng kẹt giấy.
- Đặt loại giấy thành [Giấy nhãn] từ trình điều khiển in.
- Hướng dọc được ưu tiên, đặc biệt là khi in mã vạch.
- Không in trong khoảng 1 mm của phần cắt khuôn.
- Không in trong khoảng 1 mm từ mép nhãn, lỗ đục hoặc giữa các phần cắt khuôn của nhãn.
- Không in nhiều lần một nhãn qua máy in.

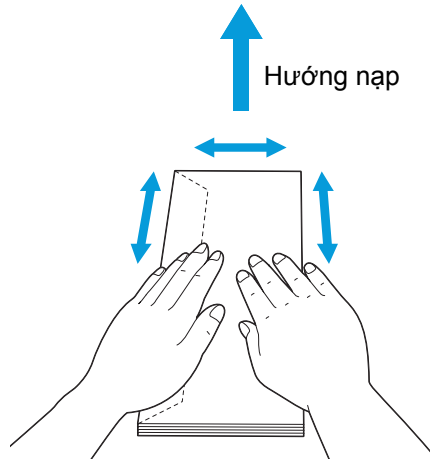
## 3.6.4 Nạp phong bì

### ! Quan trọng

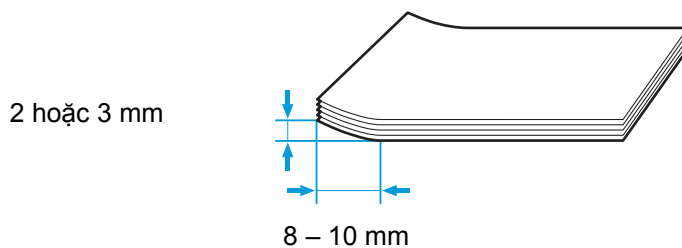
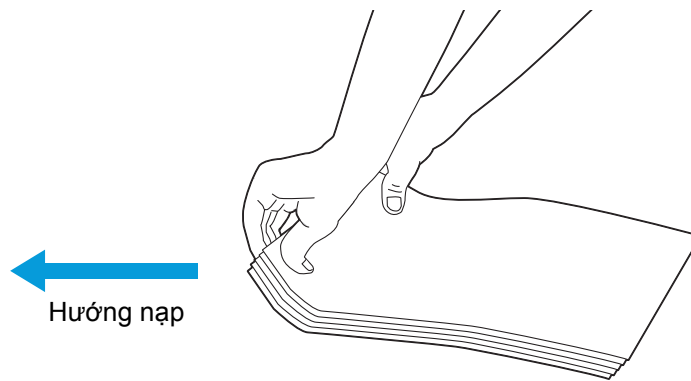
- Bạn chỉ có thể nạp phong bì trong khay nạp tay và khay 1.
- Nhãn trên khay nạp tay cho biết cách nạp giấy in và phong bì cần in.

### 💡 Lưu ý

- Chỉ sử dụng phong bì mới bóc và không bị hỏng. Nếu bạn không nạp phong bì ngay sau khi chúng được bóc ra, thì phong bì đó có thể phồng lên. Để tránh hiện tượng kẹt giấy, hãy ấn mạnh toàn bộ phong bì để làm phẳng như trong hình minh họa trước khi nạp phong bì.



- Chỉ sử dụng các phong bì cùng kích cỡ cho một lệnh in.
- Chiều cao tối đa (số lượng) của phong bì có thể nạp như sau:
  - Khay 1: Xấp xỉ 27,5 mm (20 phong bì)
  - Khay nạp tay: Xấp xỉ 5 mm (5 phong bì).
- Nếu phong bì vẫn chưa được nạp đúng, hãy uốn cạnh của phong bì như hình minh họa dưới đây. Nên uốn cong ở mức 2 hoặc 3 mm (0,08 hoặc 0,12 inch). Vùng uốn cong phải bằng 8 đến 10 mm tính từ cạnh trên của phong bì. Không uốn phong bì quá cong hoặc gấp thành nếp.



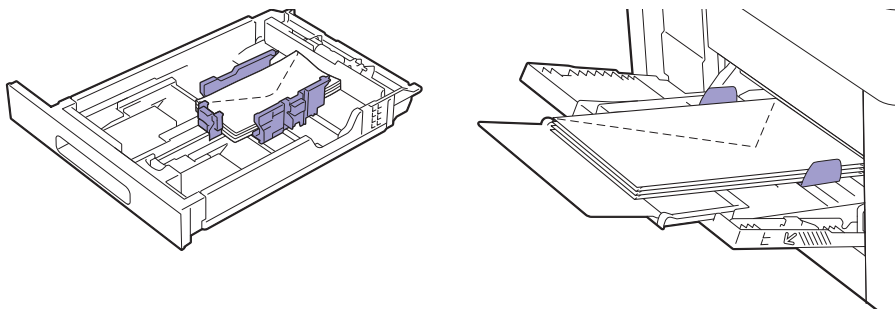
- Để xác nhận hướng chính xác của phong bì, hãy xem hướng dẫn trong Trình hướng dẫn thiết lập phong bì/giấy trong trình điều khiển in.

Bạn có thể in trên phong bì như sau.

1. Nạp phong bì vào khay nạp tay hoặc khay 1.
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy cho khay 1 hoặc điều chỉnh thanh dẫn chiều rộng cho khay nạp tay tương ứng sau khi nạp phong bì.
3. Chọn [Phong bì] cho loại giấy, rồi chọn kích cỡ chính xác của phong bì từ trình điều khiển in.

## Phong bì #10, Monarch hoặc DL

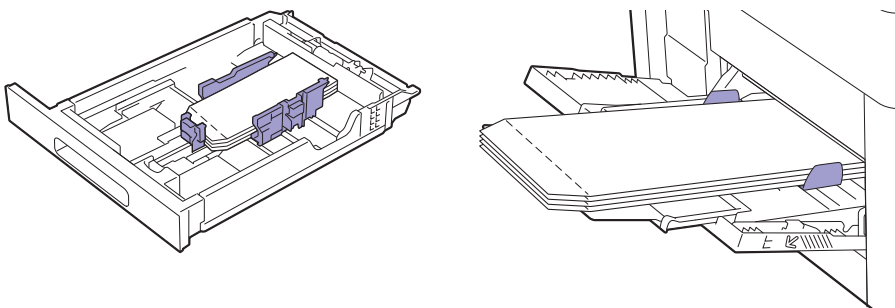
Nạp phong bì đã đóng nắp và mặt in hướng lên trên. Đảm bảo rằng nắp nằm ở bên trái khi bạn đứng trước mặt máy in.



## C5

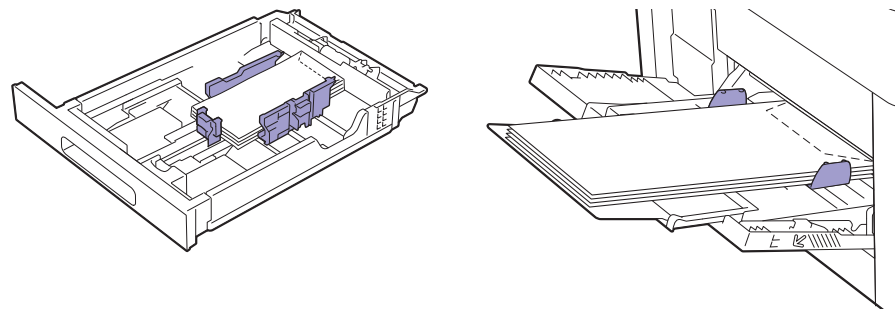
### ● Đối với phong bì còn mở nắp:

Nạp phong bì với mặt in hướng lên trên. Hãy nhớ nạp cạnh đáy của phong bì vào trước.



### ● Đối với phong bì đã đóng nắp:

Nạp phong bì với mặt in hướng lên trên. Hãy nhớ nạp cạnh đầu của phong bì vào trước.

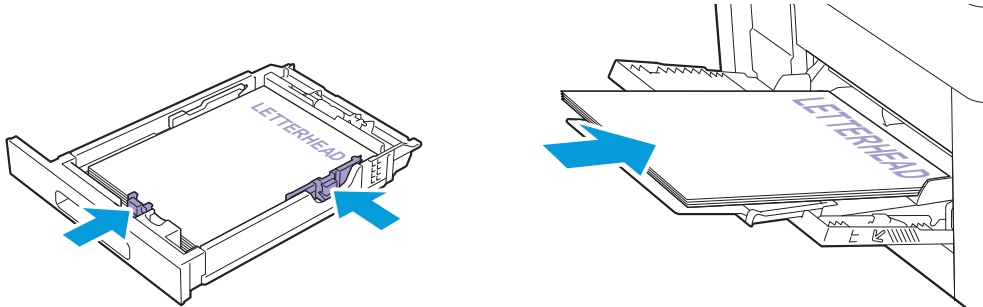


## 3.6.5 Nạp giấy có sẵn tiêu đề, giấy được in sẵn và được đục lỗ

Mép trên cùng của giấy có sẵn tiêu đề, giấy in sẵn và đục lỗ sẵn phải được đưa vào trước với mặt in hướng lên trên như trong hình minh họa sau đây.

### Lưu ý

- Đảm bảo tính năng in 2 mặt được bật và [Loại giấy] được đặt thành [Giấy có tiêu đề đầu], [Giấy in sẵn] hoặc [Giấy đục lỗ] trên bảng vận hành, ngay cả khi bạn in một mặt. Bạn cũng có thể đặt cài đặt tương tự bằng trình điều khiển in.



## 3.6.6 Liên kết các khay

Máy in sẽ liên kết các khay khi bạn nạp giấy in cùng khổ và loại vào các khay đó. Khay đầu tiên sẽ được sử dụng cho đến khi hết giấy in, sau đó đến khay tiếp theo.

### Lưu ý

- Giấy in phải có cùng kích cỡ và cùng loại trong từng khay.
- Khay nạp tay có thể được liên kết nếu bạn chỉ định khổ và loại giấy trên bảng vận hành.

Sau khi nạp giấy in cùng khổ và loại vào các khay được chọn, hãy chọn loại giấy thích hợp trên bảng vận hành cho từng khay.

Để tắt liên kết khay, hãy thay đổi loại giấy của một trong các khay thành giá trị duy nhất.

### Lưu ý

- Nếu giấy in cùng khổ nhưng khác loại được nạp, thì máy in chỉ liên kết chúng khi loại giấy không được chỉ định trong trình điều khiển in hoặc bảng vận hành.

# 4 In

4.1	In cơ bản.....	81
-----	----------------	----

# 4.1 In cơ bản

## 4.1.1 In từ máy tính



### Lưu ý

- Cài đặt in được tạo từ trình điều khiển in sẽ được ưu tiên hơn cài đặt của trình đơn được tạo từ bảng vận hành. Để biết chi tiết về tính năng của trình điều khiển in, hãy xem phần trợ giúp của trình điều khiển in.
- Khi bạn sử dụng tính năng AirPrint với kết nối USB, bạn cần chọn hộp kiểm [Bật USB] trên CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

Quy trình sau đây sử dụng chương trình thông thường trên Windows®/OS X làm ví dụ.

1. Mở tệp bạn muốn in.
2. Từ trình đơn [File], chọn [In].
3. Chọn máy in và chỉ định cài đặt in trong hộp thoại.
4. Bấm vào [In].



### Lưu ý


- Bạn có thể chuyển khổ giấy được nạp vào khay giữa khổ A4 và Letter. Khi bạn muốn chuyển khổ giấy, hãy nạp giấy in có khổ giấy đã chọn. Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem "[Chuyển đổi A4/Letter] (Tr.56)".

## 4.1.2 Hủy lệnh in

Bạn có thể hủy một lệnh bằng bảng vận hành hoặc máy tính.

### Hủy lệnh từ bảng vận hành

#### ● Hủy lệnh khi đang in

1. Bấm nút  <Cancel Job> (Hủy lệnh).  
Lệnh in đang thực hiện sẽ bị hủy.



### Lưu ý

- Các lệnh in tiếp theo sẽ không bị hủy.

### Hủy lệnh từ máy tính



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách hủy lệnh in, hãy xem phần trợ giúp của hệ điều hành trên máy tính của bạn.




## 4.1.3 In đen trắng cho các lệnh in màu

Bạn có thể đặt để máy in cưỡng bức in đen trắng đối với các lệnh in màu cho tất cả người dùng.



### Lưu ý

- Bạn có thể hạn chế in màu đối với mỗi người dùng bằng tính năng Quản lý in Auditron. Để biết chi tiết, hãy xem "Quản lý in Auditron (Tr.87)".

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt hệ thống], rồi bấm nút .

4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ Auditron], rồi bấm nút OK.
5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Tắt], rồi bấm nút OK.
6. Bấm nút ↶ <Back> (Quay lại) hai lần.
7. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Tự động in thành đen trắng], rồi bấm nút OK.
8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật], rồi bấm nút OK.
9. Tắt máy in và bật lại.
10. Thực hiện in.

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách in, hãy xem "In từ máy tính (Tr.81)".

## 4.1.4 In lưu trữ

Khi gửi một lệnh tới máy in, bạn có thể chỉ định trong trình điều khiển in để lưu trữ lệnh đó trong bộ nhớ. Khi bạn đã sẵn sàng in, hãy đi tới máy in và sử dụng bảng vận hành để xác định bạn muốn thực hiện lệnh in nào trong bộ nhớ.

#### Lưu ý

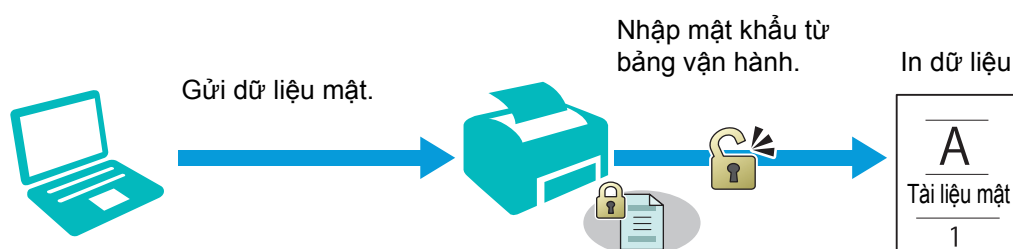
- Dữ liệu trong bộ nhớ sẽ bị xóa khi máy in bị tắt.
- Tính năng in lưu trữ khả dụng khi:
  - Đĩa RAM được bật trong trình đơn của máy in.
  - [Bộ nhớ lắp thêm] được đặt thành [Đã được cài đặt] trong trình điều khiển in.

## Tổng quan

Tính năng in lưu trữ bao gồm các loại lệnh sau đây. Hãy đọc từng mô tả để chọn loại lệnh tối ưu cho lệnh in của bạn.

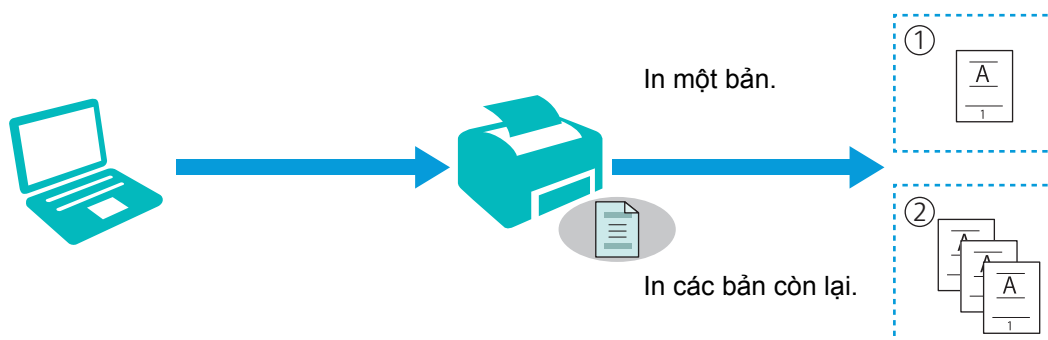
### ● In bảo mật

Bạn có thể tạm thời lưu trữ các lệnh in được bảo vệ bằng mật khẩu trong bộ nhớ. Chỉ người dùng được ủy quyền có mật khẩu mới có thể tiến hành lệnh in từ bảng vận hành. Tính năng này có thể được dùng để in tài liệu mật. Trước khi in, bạn có thể chọn trình đơn để xóa hoặc lưu trữ dữ liệu sau khi in.



## ● Bộ mẫu

Bạn có thể in một bản sao để xác minh chất lượng in sau khi lệnh in đối chiếu đã được lưu trữ trong bộ nhớ. Nếu chất lượng in tốt như mong đợi, bạn có thể chọn in thêm bản sao. Điều này giúp bạn tránh tình trạng in sai với số lượng lớn.



## Quy trình in lệnh được lưu trữ

### 💡 Lưu ý

- Tính năng in lưu trữ không khả dụng khi lệnh in có kích cỡ quá lớn so với bộ nhớ khả dụng.
- Tính năng in lưu trữ sẽ khả dụng khi bạn dùng trình điều khiển Printer Control Language (PCL), trình điều khiển PostScript 3 Compatible hoặc Fuji Xerox Common Print Driver.

## ● Lưu trữ lệnh in bằng trình điều khiển in

Để sử dụng tính năng in lưu trữ, bạn cần chọn [In bảo mật] hoặc [Bộ mẫu] từ [Loại công việc] trong tab [Giấy/Đầu ra] của trình điều khiển in. Lệnh được lưu trữ trong bộ nhớ cho đến khi bạn in từ bảng vận hành hoặc tắt máy in.

### 📖 Tham khảo

- Để biết chi tiết về tính năng của trình điều khiển in, hãy xem phần trợ giúp của trình điều khiển in.

### 💡 Lưu ý

- Bạn phải chỉ định mật khẩu cho lệnh In bảo mật.
- Nếu tên tài liệu không được gán cho lệnh in của bạn trong trình điều khiển in, thì tên của lệnh đó sẽ được xác định theo thời gian và ngày gửi của máy in, để phân biệt với các lệnh khác mà bạn đã lưu trữ bằng tên của mình.

## ● In lệnh được lưu trữ

### 1. Bấm nút ◀.

#### 💡 Lưu ý

- Bảo đảm rằng máy in ở chế độ Sẵn sàng và đĩa RAM được bật trong menu máy in.

### 2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn loại lệnh, rồi bấm nút .

### 3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn ID người dùng mong muốn, rồi bấm nút .

#### 💡 Lưu ý

- Nếu bạn đã chọn [In bảo mật] ở bước 2, hãy nhập mật khẩu, rồi bấm nút .
- Nếu bạn nhập mật khẩu không hợp lệ, thông báo lỗi sẽ hiện ra. Đợi 3 giây hoặc bấm nút  để quay lại màn hình nhập mật khẩu.

### 4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn tài liệu mong muốn, rồi bấm nút .

### 5. Để [In bảo mật]: Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [In và xóa] hoặc [In và lưu] rồi bấm nút .

Đối với [Bộ mẫu]: Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [In và xóa] rồi bấm nút .

## 6. Chỉ định số lượng bản sao.



### Lưu ý

- Nếu có lệnh in đang được thực hiện, thì bạn không thể chỉ định số lượng bản sao.
- Nếu bạn chọn tất cả tài liệu, hãy chọn [Sử dụng thiết đặt PC] hoặc [Số đầu vào], rồi bấm nút .

## ● Xóa lệnh được lưu trữ

### 1. Bấm nút ◀.



### Lưu ý

- Bảo đảm rằng máy in ở chế độ Sẵn sàng và đĩa RAM được bật trong menu máy in.

### 2. Chọn loại lệnh, rồi bấm nút .

### 3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn ID người dùng mong muốn, rồi bấm nút .



### Lưu ý

- Nếu bạn đã chọn [In bảo mật] ở bước 2, hãy nhập mật khẩu, rồi bấm nút .
- Nếu bạn nhập mật khẩu không hợp lệ, thông báo lỗi sẽ hiện ra. Đợi 3 giây hoặc bấm nút  để quay lại màn hình nhập mật khẩu.

### 4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn tài liệu mong muốn, rồi bấm nút .

### 5. Chọn [Xóa bỏ], rồi bấm nút .

## 4.1.5 Thay đổi cài đặt in

Bạn có thể thay đổi hầu hết các cài đặt của máy in từ chương trình bạn đang dùng để in. Thay đổi cài đặt từ chương trình được ưu tiên hơn so với cài đặt in mặc định.

Đồng thời, bạn có thể thay đổi cài đặt từ:

- Trình điều khiển in: Chỉ được áp dụng cho lệnh mà bạn hiện đang gửi tới máy in.
- Bảng vận hành: Trở thành cài đặt mặc định của người dùng.

Quy trình sau đây sử dụng bảng vận hành làm ví dụ.

### 1. Bấm nút <Menu> (Trình đơn).

### 2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị] hoặc [Thiết đặt khay], rồi bấm nút .

### 3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn mục menu mong muốn, rồi bấm nút .

### 4. Chỉ định cài đặt mong muốn, rồi bấm nút .

### 5. Lặp lại các bước từ 2 đến 4 khi cần..

# 5 Tìm hiểu về máy in

5.1	Tìm hiểu phần mềm máy in của bạn .....	86
5.2	Quản lý in Auditron .....	87
5.3	Sử dụng chứng chỉ kỹ thuật số.....	98
5.4	Tìm hiểu thông báo của máy in .....	105

# 5.1 Tìm hiểu phần mềm máy in của bạn

## 5.1.1 Tổng quan

Sử dụng đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm" để cài đặt các phần mềm sau nhằm đạt được hiệu quả tối đa.

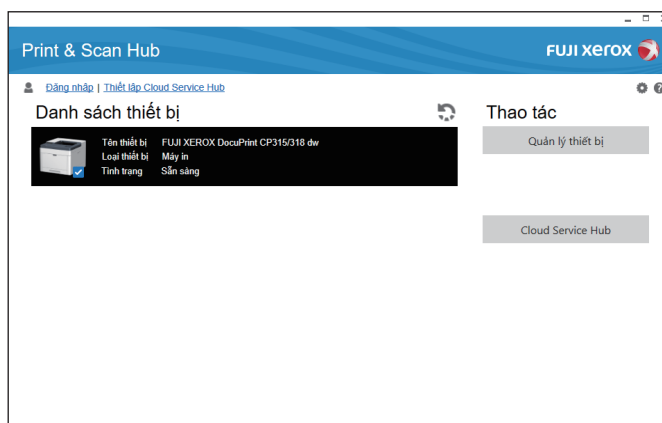
### Print & Scan Hub (Windows®)

Print & Scan Hub là một phần mềm hiển thị trạng thái của máy in và ống mực của máy in.

#### ● Bắt đầu Print & Scan Hub

**1. Bấm vào [Start] > [All Programs] > [Fuji Xerox Print & Scan Hub] > [Print & Scan Hub].**

Đối với Windows® 10, bấm vào [Start] > [All Apps] > [Fuji Xerox Print & Scan Hub] > [Print & Scan Hub].



## 5.1.2 Cập nhật phần mềm

Các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở hiện có sẵn trên trang web dưới đây.  
<http://www.fujixeroxprinters.com/>

# 5.2 Quản lý in Auditron

## 5.2.1 Tổng quan

Khi tính năng Quản lý in Auditron được bật, máy in sẽ xác thực người dùng để chỉ những người dùng đã đăng ký trong máy in (người dùng đã đăng ký) có thể in. Tính năng này cũng có thể hạn chế chức năng in đối với mỗi người dùng và đếm mức sử dụng in.

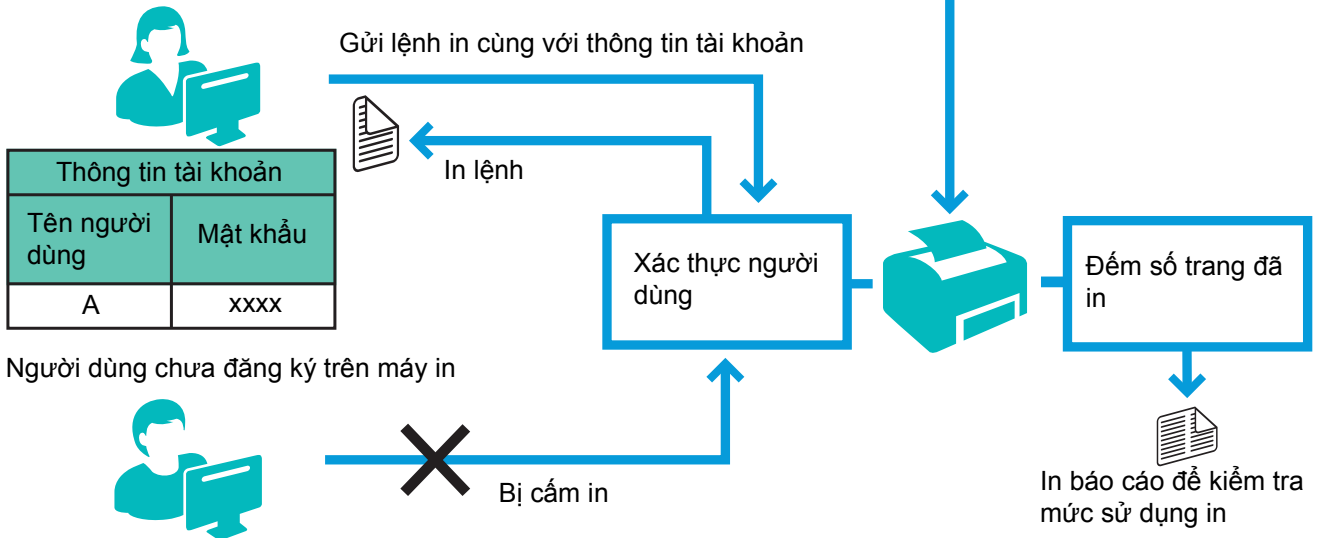
Để in, người dùng đã đăng ký cần phải sử dụng ứng dụng hoặc trình điều khiển in đã được chỉ định thông tin tài khoản người dùng.

Hình minh họa sau đây sẽ cho biết cách thức hoạt động của máy in với Quản lý in Auditron.

Đặt hạn chế đối với mỗi người dùng

Thông tin tài khoản		Hạn chế in		
Tên người dùng	Mật khẩu	In màu ✓ : Được cho phép - : Bị cấm	Giới hạn in màu (số trang)	Giới hạn in đen trắng (số trang)
A	xxxx	✓	5.000	5.000
B	yyyy	-		3.000
C	zzzz	✓	9.000	7.000

Người dùng đã đăng ký trên máy in



Quản lý in Auditron có các tính năng sau:

- Chỉ cho phép người dùng đã đăng ký in (Tr.88)
- Đặt hạn chế in đối với mỗi người dùng đã đăng ký (Tr.91)
  - Chỉ cho phép in đen trắng (Tr.91)
  - Giới hạn số trang có thể in màu/đen trắng (Tr.94)
- Cho phép các lệnh in không có thông tin tài khoản (Tr.96)
  - Cho phép in màu/đen trắng (Tr.96)
  - Chỉ cho phép in đen trắng (Tr.97)
- Kiểm tra mức sử dụng in (Tr.97)

## 5.2.2 Chỉ cho phép người dùng đã đăng ký in

### Định cấu hình cài đặt xác thực trên ứng dụng/trình điều khiển in

Chỉ định thông tin tài khoản (tên người dùng và mật khẩu) phải có để xác thực khi in trên ứng dụng hoặc trình điều khiển in của chúng tôi.

Quy trình sau đây sử dụng trình điều khiển PCL trên Windows® 7 và Windows® 10 làm ví dụ.

#### 1. Bấm vào [Start] > [Devices and Printers].

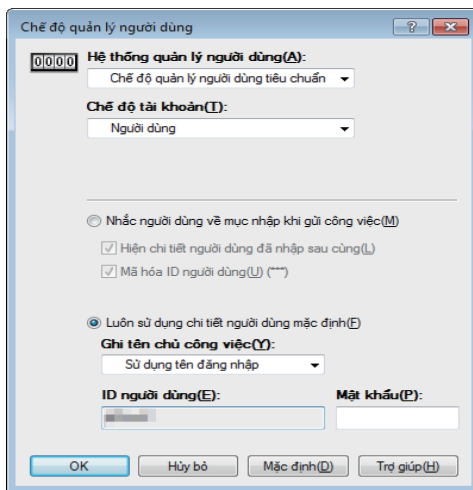
Đối với Windows® 10, bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Control Panel] > [Hardware and Sound] > [Devices and Printers].

#### 2. Bấm chuột phải vào biểu tượng máy in, rồi chọn [Printer properties].

#### 3. Chọn tab [Cấu hình].

#### 4. Bấm vào [Chế độ quản lý người dùng].

#### 5. Chọn [Chế độ quản lý người dùng tiêu chuẩn] từ hộp danh sách thả xuống [Hệ thống quản lý người dùng].



#### 6. Chỉ định [Chế độ tài khoản].



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem phần trợ giúp của trình điều khiển PCL.

#### 7. Chỉ định tài khoản người dùng (tên người dùng và mật khẩu).

- Khi hiển thị hộp thoại để nhập tài khoản người dùng mỗi lần lệnh được gửi
  - a Chọn [Nhắc người dùng về mục nhập khi gửi công việc].
  - b Chọn hộp kiểm [Hiện chi tiết người dùng đã nhập sau cùng] và [Mã hóa ID người dùng (\*\*)] khi cần thiết.
- Khi luôn sử dụng cùng một tài khoản người dùng bằng cách dùng tên đăng nhập Windows® làm tên người dùng
  - a Chọn [Luôn sử dụng chi tiết người dùng mặc định].
  - b Chọn [Sử dụng tên đăng nhập] từ hộp danh sách thả xuống [Ghi tên chủ công việc].
  - c Chỉ định [Mật khẩu].
- Khi luôn sử dụng cùng một tài khoản người dùng bằng cách chỉ định thủ công tên người dùng
  - a Chọn [Luôn sử dụng chi tiết người dùng mặc định].
  - b Chọn [Nhập tên chủ sở hữu] từ hộp danh sách thả xuống [Ghi tên chủ công việc].
  - c Chỉ định [ID người dùng] và [Mật khẩu].

8. Bấm vào [OK].

9. Bấm vào [OK].

## Đăng ký người dùng với máy in

Bật [Quản lý in] để đăng ký thông tin tài khoản được chỉ định trên ứng dụng hoặc trình điều khiển in với máy in.

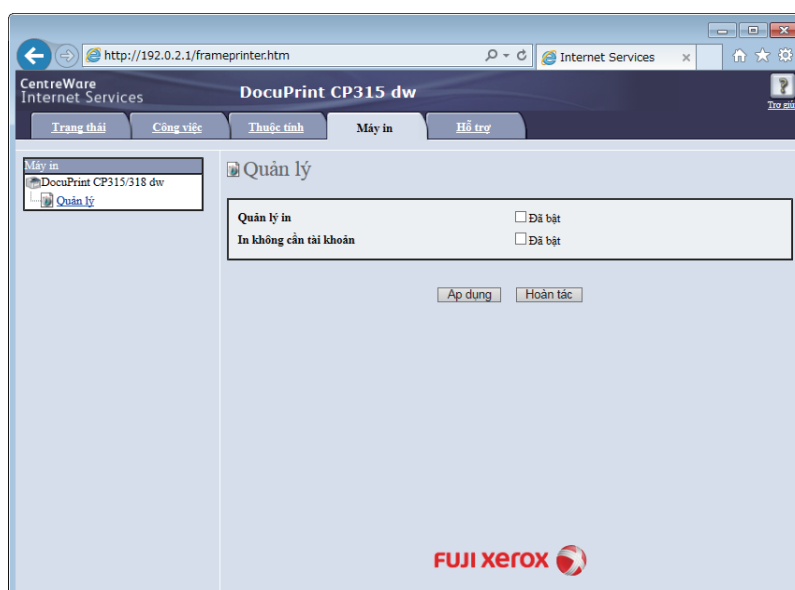
1. Khởi động CentreWare Internet Services.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

2. Bấm vào tab [Máy in].

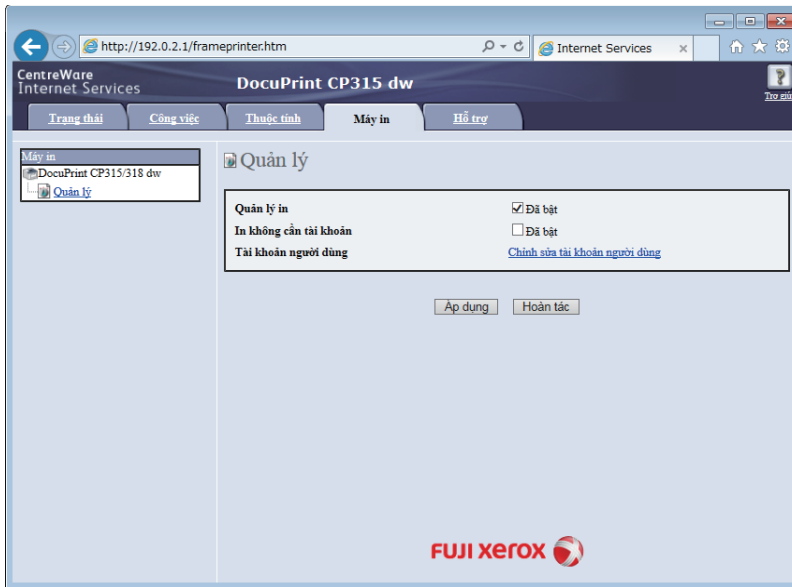
3. Chọn [Đã bật] cho [Quản lý in], rồi bấm vào [Áp dụng].



4. Bấm vào [Khởi động lại].

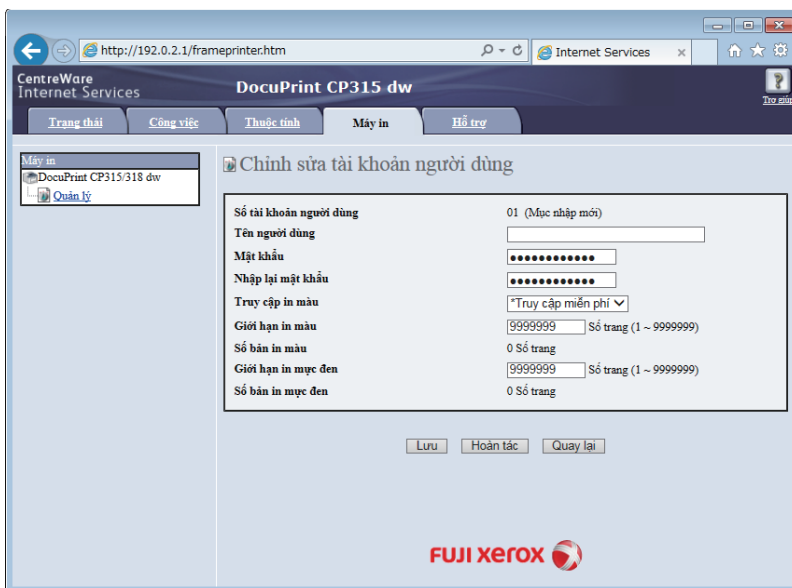
5. Sau khi khởi động lại máy in, hãy làm mới trình duyệt web của bạn.

**6. Bấm vào [Chỉnh sửa tài khoản người dùng].**



**7. Chỉ định [Số tài khoản người dùng], rồi bấm vào [Chỉnh sửa].**

**8. Trong hộp văn bản [Tên người dùng] và [Mật khẩu], nhập thông tin tài khoản được chỉ định trong ứng dụng hoặc trình điều khiển in.**



**9. Nhập lại mật khẩu vào hộp văn bản [Nhập lại mật khẩu].**

**10. Bấm vào [Lưu].**

## 5.2.3 Đặt hạn chế in đối với mỗi người dùng đã đăng ký

Bạn có thể đặt các hạn chế sau:

- Chỉ cho phép in đen trắng (Tr.91)
- Giới hạn số trang có thể in màu/đen trắng (Tr.94)

### Chỉ cho phép in đen trắng

#### ● Định cấu hình cài đặt xác thực trên ứng dụng/trình điều khiển in

Chỉ định thông tin tài khoản (tên người dùng và mật khẩu) bắt buộc để xác thực khi in trên ứng dụng hoặc trình điều khiển in của chúng tôi.

Quy trình sau đây sử dụng trình điều khiển PCL trên Windows® 7 và Windows® 10 làm ví dụ.

#### 1. Bấm vào [Start] > [Devices and Printers].

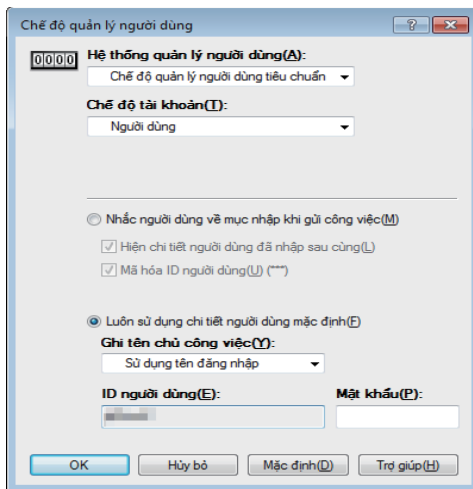
Đối với Windows® 10, bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Control Panel] > [Hardware and Sound] > [Devices and Printers].

#### 2. Bấm chuột phải vào biểu tượng máy in, rồi chọn [Printer properties].

#### 3. Chọn tab [Cấu hình].

#### 4. Bấm vào [Chế độ quản lý người dùng].

#### 5. Chọn [Chế độ quản lý người dùng tiêu chuẩn] từ hộp danh sách thả xuống [Hệ thống quản lý người dùng].



#### 6. Chỉ định [Chế độ tài khoản].

##### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem phần trợ giúp của trình điều khiển PCL.

#### 7. Chỉ định tài khoản người dùng (tên người dùng và mật khẩu).

- Khi hiển thị hộp thoại để nhập tài khoản người dùng mỗi lần lệnh được gửi
  - a Chọn [Nhắc người dùng về mục nhập khi gửi công việc].
  - b Chọn hộp kiểm [Hiện chi tiết người dùng đã nhập sau cùng] và [Mã hóa ID người dùng (\*\*\*)] khi cần thiết.
- Khi luôn sử dụng cùng một tài khoản người dùng bằng cách dùng tên đăng nhập Windows® làm tên người dùng
  - a Chọn [Luôn sử dụng chi tiết người dùng mặc định].
  - b Chọn [Sử dụng tên đăng nhập] từ hộp danh sách thả xuống [Ghi tên chủ công việc].

c Chỉ định [Mật khẩu].

- Khi luôn sử dụng cùng một tài khoản người dùng bằng cách chỉ định thủ công tên người dùng
  - a Chọn [Luôn sử dụng chi tiết người dùng mặc định].
  - b Chọn [Nhập tên chủ sở hữu] từ hộp danh sách thả xuống [Ghi tên chủ công việc].
  - c Chỉ định [ID người dùng] và [Mật khẩu].

**8. Bấm vào [OK].**

**9. Bấm vào [OK].**

## ● Đăng ký người dùng với máy in và đặt hạn chế in

Bật [Quản lý in] để đăng ký thông tin tài khoản người dùng được chỉ định trên ứng dụng hoặc trình điều khiển in với máy in và đặt hạn chế in.

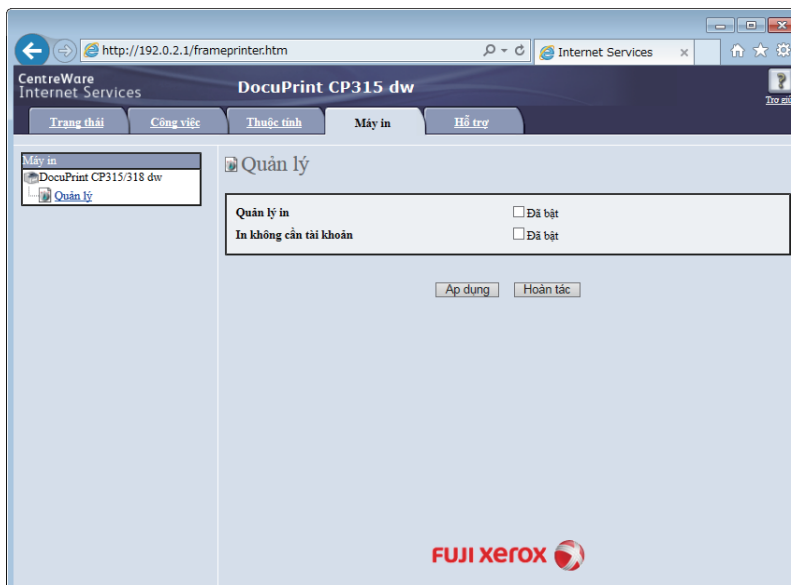
**1. Khởi động CentreWare Internet Services.**

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

**2. Bấm vào tab [Máy in].**

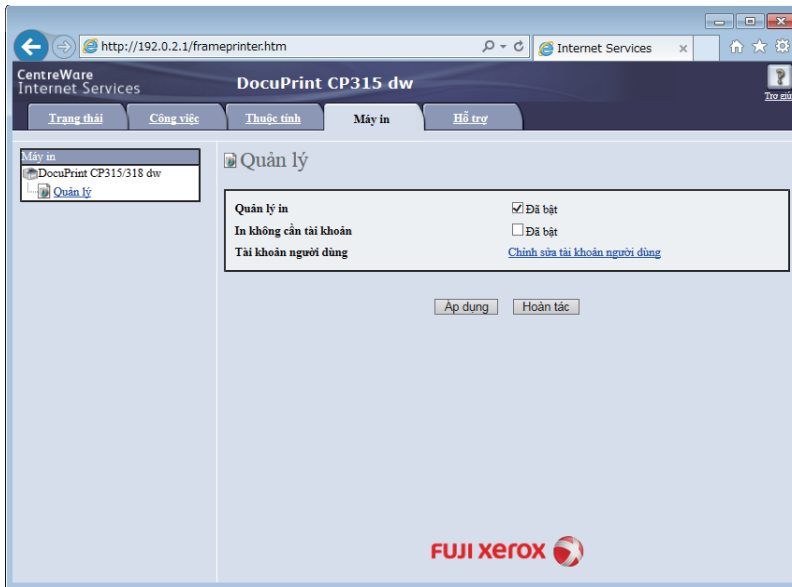
**3. Chọn [Đã bật] cho [Quản lý in] , rồi bấm vào [Áp dụng].**



**4. Bấm vào [Khởi động lại].**

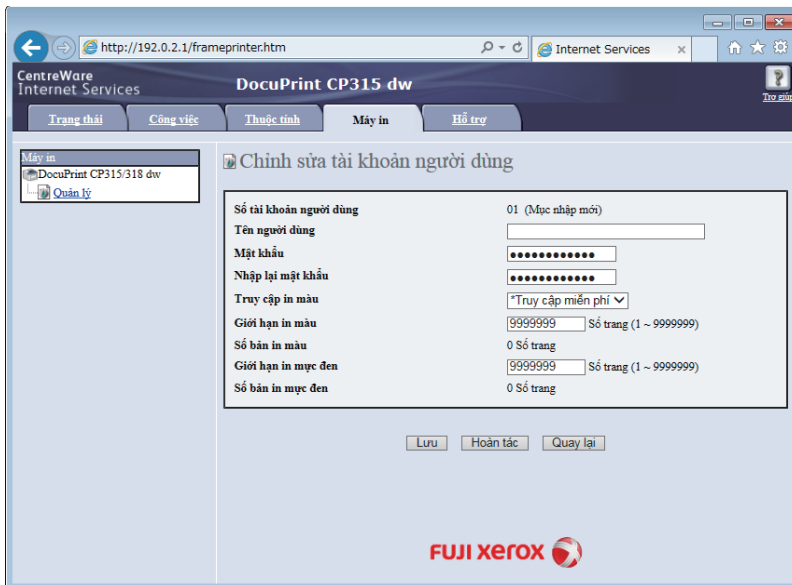
**5. Sau khi khởi động lại máy in, hãy làm mới trình duyệt web của bạn.**

## 6. Bấm vào [Chỉnh sửa tài khoản người dùng].



## 7. Chỉ định [Số tài khoản người dùng], rồi bấm vào [Chỉnh sửa].

## 8. Trong hộp văn bản [Tên người dùng] và [Mật khẩu], nhập thông tin tài khoản được chỉ định trong ứng dụng hoặc trình điều khiển máy in.
















## 9. Nhập lại mật khẩu vào hộp văn bản [Nhập lại mật khẩu].

## 10. Chọn [Chỉ mực đen] từ hộp danh sách thả xuống [Truy cập in màu].

## 11. Bấm vào [Lưu].

### Lưu ý

- Lệnh in màu bị hủy đối với người dùng bị đặt hạn chế [Chỉ mực đen]. Nếu bạn cho phép các lệnh được in đen trắng thay vì hủy lệnh, hãy làm theo quy trình bên dưới để bật [Tự động in thành đen trắng].

- Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
- Bấm nút  hoặc  để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
- Bấm nút  hoặc  để chọn [Thiết đặt hệ thống], rồi bấm nút .
- Bấm nút  hoặc  để chọn [Tự động in thành đen trắng], rồi bấm nút .
- Bấm nút  hoặc  để chọn [Bật], rồi bấm nút .
- Tắt máy in, rồi bật lại.

# Giới hạn số trang có thể in màu/đen trắng

Đặt số trang tối đa có thể được in màu hoặc đen trắng.

## ● Định cấu hình cài đặt xác thực trên ứng dụng/trình điều khiển in

Chỉ định thông tin tài khoản (tên người dùng và mật khẩu) bắt buộc để xác thực khi in trên ứng dụng hoặc trình điều khiển in của chúng tôi.

Quy trình sau đây sử dụng trình điều khiển PCL trên Windows® 7 và Windows® 10 làm ví dụ.

### 1. Bấm vào [Start] > [Devices and Printers].

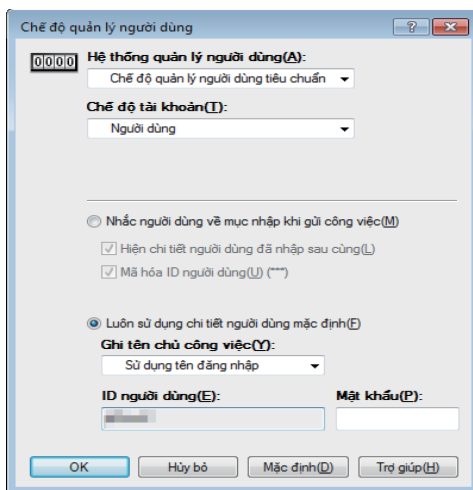
Đối với Windows® 10, bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Control Panel] > [Hardware and Sound] > [Devices and Printers].

### 2. Bấm chuột phải vào biểu tượng máy in, rồi chọn [Printer properties].

### 3. Chọn tab [Cấu hình].

### 4. Bấm vào [Chế độ quản lý người dùng].

### 5. Chọn [Chế độ quản lý người dùng tiêu chuẩn] từ hộp danh sách thả xuống [Hệ thống quản lý người dùng].



### 6. Chỉ định [Chế độ tài khoản].

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem phần trợ giúp của trình điều khiển PCL.

### 7. Chỉ định tài khoản người dùng (tên người dùng và mật khẩu).

- Khi hiển thị hộp thoại để nhập tài khoản người dùng mỗi lần lệnh được gửi
  - a** Chọn [Nhắc người dùng về mục nhập khi gửi công việc].
  - b** Chọn hộp kiểm [Hiện chi tiết người dùng đã nhập sau cùng] và [Mã hóa ID người dùng (\*\*\*)] khi cần thiết.
- Khi luôn sử dụng cùng một tài khoản người dùng bằng cách dùng tên đăng nhập Windows® làm tên người dùng
  - a** Chọn [Luôn sử dụng chi tiết người dùng mặc định].
  - b** Chọn [Sử dụng tên đăng nhập] từ hộp danh sách thả xuống [Ghi tên chủ công việc].
  - c** Chỉ định [Mật khẩu].
- Khi luôn sử dụng cùng một tài khoản người dùng bằng cách chỉ định thủ công tên người dùng
  - a** Chọn [Luôn sử dụng chi tiết người dùng mặc định].
  - b** Chọn [Nhập tên chủ sở hữu] từ hộp danh sách thả xuống [Ghi tên chủ công việc].
  - c** Chỉ định [ID người dùng] và [Mật khẩu].

### 8. Bấm vào [OK].

## 9. Bấm vào [OK].

### ● Đăng ký người dùng với máy in và đặt hạn chế in

Bật [Quản lý in] để đăng ký thông tin tài khoản người dùng được chỉ định trên ứng dụng hoặc trình điều khiển in với máy in và đặt hạn chế in.

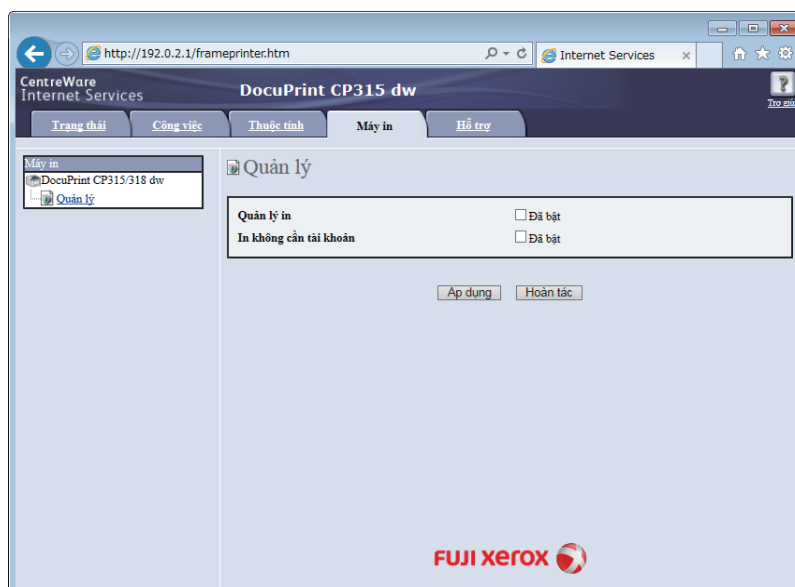
#### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.

##### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

#### 2. Bấm vào tab [Máy in].

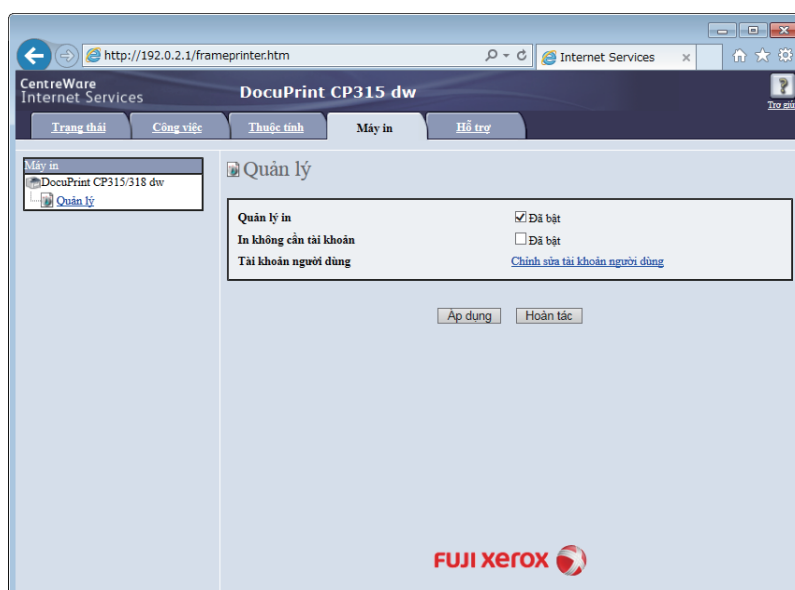
#### 3. Chọn [Đã bật] cho [Quản lý in] , rồi bấm vào [Áp dụng].



#### 4. Bấm vào [Khởi động lại].

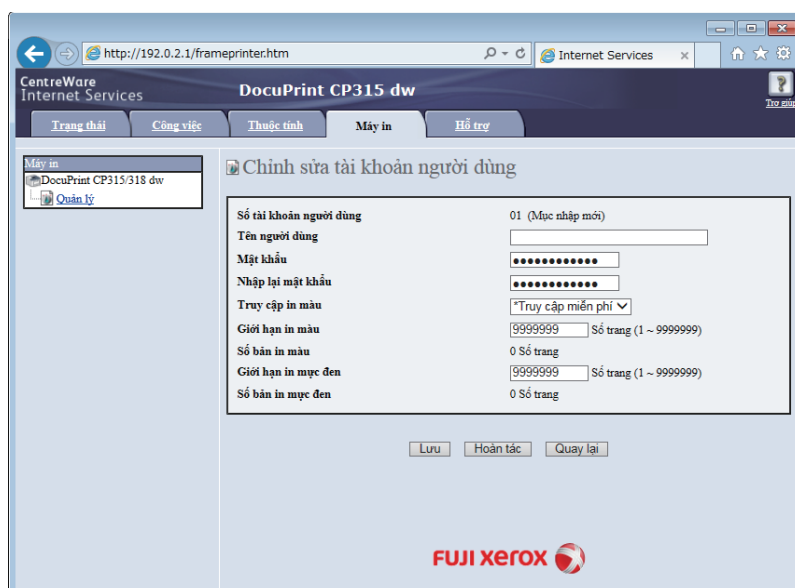
#### 5. Sau khi khởi động lại máy in, hãy làm mới trình duyệt web của bạn.

#### 6. Bấm vào [Chỉnh sửa tài khoản người dùng].



#### 7. Chỉ định [Số tài khoản người dùng], rồi bấm vào [Chỉnh sửa].

8. Trong hộp văn bản [Tên người dùng] và [Mật khẩu], nhập thông tin tài khoản được chỉ định trong ứng dụng hoặc trình điều khiển máy in.



9. Nhập lại mật khẩu vào hộp văn bản [Nhập lại mật khẩu].

10. Nhập giá trị mong muốn vào hộp văn bản [Giới hạn in màu] và [Giới hạn in mực đen].

11. Bấm vào [Lưu].

## 5.2.4 Cho phép các lệnh in không có thông tin tài khoản

Khi [Chế độ Auditor] được bật, bạn không thể in lệnh không có thông tin tài khoản. Nếu bạn cho phép in các lệnh này, hãy bật [In không cần tài khoản]. Bạn cũng có thể cho phép chỉ in đen trắng.















Các lệnh không có thông tin tài khoản là các lệnh sau:



- Các lệnh được tạo bằng tiện ích hoặc trình điều khiển in của công ty khác
- Lệnh được gửi bằng các tính năng sau:
  - AirPrint
  - Google Cloud Print
  - Dịch vụ in Mopria

### Lưu ý









- Ngay cả khi trình điều khiển hoặc ứng dụng của chúng tôi được sử dụng, các lệnh được tạo khi cài đặt xác thực người dùng của ứng dụng hoặc trình điều khiển in bị tắt cũng được coi là các lệnh không có thông tin tài khoản.

## Cho phép in màu/đen trắng

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút  hoặc  để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
3. Bấm nút  hoặc  để chọn [Thiết đặt hệ thống], rồi bấm nút .
4. Bấm nút  hoặc  để chọn [In không cần tài khoản], rồi bấm nút .
5. Bấm nút  hoặc  để chọn [Bật], rồi bấm nút .
6. Bấm nút  <Back> (Quay lại) hai lần.

7. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Tự động in thành đen trắng], rồi bấm nút .
8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Tắt], rồi bấm nút .
9. Tắt máy in và bật lại.

## Chỉ cho phép in đen trắng

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt hệ thống], rồi bấm nút .
4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [In không cần tài khoản], rồi bấm nút .
5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật], rồi bấm nút .
6. Bấm nút  <Back> (Quay lại) hai lần.
7. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Tự động in thành đen trắng], rồi bấm nút .
8. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật], rồi bấm nút .
9. Tắt máy in và bật lại.

## 5.2.5 Kiểm tra mức sử dụng in

In báo cáo để kiểm tra cài đặt hạn chế in hiện tại và tổng số trang đã in.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách in báo cáo, hãy xem "Kiểm tra theo người dùng (Tr.145)".

# 5.3 Sử dụng chứng chỉ kỹ thuật số

Tính năng xác thực sử dụng chứng chỉ kỹ thuật số sẽ nâng cao bảo mật khi gửi dữ liệu in hoặc dữ liệu cài đặt.

Chương này sẽ mô tả cách quản lý các chứng chỉ kỹ thuật số.

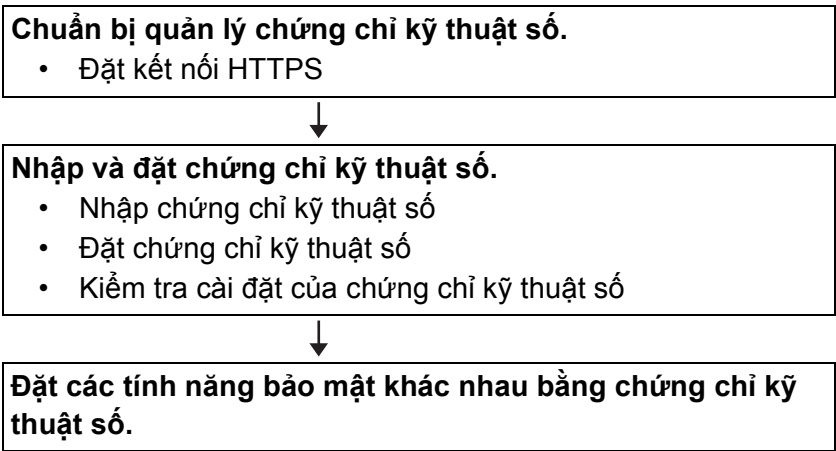
Máy in hỗ trợ các định dạng chứng chỉ kỹ thuật số sau đây.

- PKCS#12  
HTTPS, Wi-Fi (WPA-Enterprise)
- PKCS#7 (dành cho CSR)  
HTTPS

### Tham khảo

- Để biết thông tin chi tiết về lỗi chứng chỉ kỹ thuật số, hãy xem "Tìm hiểu thông báo của máy in (Tr.105)" và "Sự cố với chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.175)".

Dưới đây là quy trình thiết lập thông thường để sử dụng các chứng chỉ kỹ thuật số.



## 5.3.1 Quản lý chứng chỉ

Phần này sẽ mô tả cách quản lý các chứng chỉ kỹ thuật số như sau:

- "Chuẩn bị sử dụng kết nối HTTPS (Tr.98)"
- "Tạo và tải xuống yêu cầu ký chứng chỉ (CSR) (Tr.99)"
- "Nhập chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)"
- "Đặt chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)"
- "Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.100)"
- "Xóa chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.100)"
- "Xuất chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.101)"

### Chuẩn bị sử dụng kết nối HTTPS

Trước khi quản lý chứng chỉ kỹ thuật số, hãy đặt kết nối HTTPS bằng chứng chỉ tự ký.

#### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.

##### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

#### 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

#### 3. Chọn hộp kiểm [Đã bật] cho [Liên lạc máy chủ SSL/TLS], rồi bấm vào [Áp dụng].

#### 4. Bấm vào [Khởi động lại].

# Tạo và tải xuống yêu cầu ký chứng chỉ (CSR)



## Lưu ý

- Để tải xuống CSR từ máy in, bạn phải thiết lập kết nối HTTPS. Xem "Chuẩn bị sử dụng kết nối HTTPS (Tr.98)".

## 1. Khởi động CentreWare Internet Services.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

## 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

## 3. Bấm vào [Yêu cầu ký chứng chỉ (CSR)].

## 4. Chỉ định từng mục của yêu cầu ký chứng chỉ, rồi bấm vào [Áp dụng cài đặt mới].

## 5. Kiểm tra cài đặt của yêu cầu ký chứng chỉ, rồi bấm vào [Tải xuống].

## 6. Lưu tệp CSR vào máy tính của bạn.

Sử dụng CSR này để nhận chứng chỉ ký từ nhà cung cấp chứng chỉ tin cậy.

# Nhập chứng chỉ kỹ thuật số



## Quan trọng

- Trước khi nhập tệp chứng chỉ, hãy sao lưu tệp chứng chỉ.



## Lưu ý

- Để nhập chứng chỉ kỹ thuật số, bạn phải thiết lập kết nối HTTPS. Xem "Chuẩn bị sử dụng kết nối HTTPS (Tr.98)".
- Đảm bảo nhập chứng chỉ bằng Internet Explorer®.
- Sau khi nhập chứng chỉ có định dạng PKCS#12, khóa bí mật sẽ không được xuất ngay cả khi bạn thực thi quá trình xuất.

## 1. Khởi động CentreWare Internet Services.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

## 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

## 3. Bấm vào [Tải lên chứng chỉ đã ký].

## 4. Nhập mật khẩu.



## Lưu ý

- Không cần mật khẩu khi nhập chứng chỉ có định dạng PKCS#7 (có đuôi tệp là p7b).

## 5. Nhập lại mật khẩu.

## 6. Bấm vào [Browse] của [Tên tệp], rồi chọn tệp sẽ được nhập.

## 7. Bấm vào [Nhập].

# Đặt chứng chỉ kỹ thuật số

## 1. Khởi động CentreWare Internet Services.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

## 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

### 3. Bấm vào [Quản lý chứng chỉ].

### 4. Thực hiện thao tác sau đây:

Để đặt chứng chỉ LAN không dây (Máy chủ), hãy chọn [Trình cấp chứng chỉ tin cậy] từ danh sách [Danh mục].

Để đặt chứng chỉ của máy chủ SSL/TLS, ứng dụng khách SSL/TLS hoặc LAN không dây (Ứng dụng khách), hãy chọn [Thiết bị cục bộ].

### 5. Chọn mục đích sử dụng từ danh sách [Mục đích của chứng chỉ].

### 6. Bấm vào [Hiển thị danh sách].



#### Lưu ý

- Nếu danh sách có hơn 20 chứng chỉ, hãy bấm vào [Tiếp theo] để hiển thị trang tiếp theo.

### 7. Chọn chứng chỉ cần kết hợp.

Đảm bảo rằng [\*Hợp lệ] được hiển thị trong cột [Tính hợp lệ] cho chứng chỉ được chọn.

### 8. Bấm vào [Chi tiết chứng chỉ].

### 9. Kiểm tra nội dung, rồi bấm vào [Sử dụng chứng chỉ này] ở góc phía trên bên phải.

## Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số

### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

### 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

### 3. Bấm vào [Quản lý chứng chỉ].

### 4. Chỉ định các điều kiện để hiển thị chứng chỉ bạn muốn xác nhận.

Chẳng hạn, để hiển thị chứng chỉ được cấp từ một nhà cung cấp chứng chỉ tin cậy, hãy chọn [Trình cấp chứng chỉ tin cậy] từ danh sách [Danh mục].

### 5. Bấm vào [Hiển thị danh sách].



#### Lưu ý

- Nếu danh sách có hơn 20 chứng chỉ, hãy bấm vào [Tiếp theo] để hiển thị trang tiếp theo.

Chứng chỉ được hiển thị với dấu hoa thị [\*Hợp lệ] trong cột [Tính hợp lệ] là chứng chỉ được kết hợp với mục đích sử dụng và hiện được sử dụng.

## Xóa chứng chỉ kỹ thuật số

### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

### 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

### 3. Bấm vào [Quản lý chứng chỉ].

### 4. Chỉ định các điều kiện để hiển thị chứng chỉ bạn muốn xóa.

Chẳng hạn, để hiển thị chứng chỉ được cấp từ một nhà cung cấp chứng chỉ tin cậy, hãy chọn [Trình cấp chứng chỉ tin cậy] từ danh sách [Danh mục].

### 5. Bấm vào [Hiển thị danh sách].



#### Lưu ý

- Nếu danh sách có hơn 20 chứng chỉ, hãy bấm vào [Tiếp theo] để hiển thị trang tiếp theo.

**6. Chọn chứng chỉ sẽ bị xóa, rồi bấm vào [Chi tiết chứng chỉ].**

**7. Bấm vào [Xóa] ở góc trên bên phải.**



**Lưu ý**

- Khi chứng chỉ đã bị xóa, tính năng được kết hợp với chứng chỉ bị xóa sẽ bị vô hiệu hóa. Để xóa chứng chỉ đang dùng, hãy đặt tính năng thành TẮT trước hoặc chuyển kết hợp sang một chứng chỉ khác, rồi chuyển sang một chế độ hoạt động khác (nếu có thể) trước khi xóa chứng chỉ.
- Đối với máy chủ SSL/TLS, hãy đặt kết nối HTTP-SSL/TLS và IPPS thành TẮT.
- Đối với ứng dụng khách SSL/TLS, hãy đặt cài đặt SMTP-SSL/TLS và IEEE 802.1x (EAP-TLS) thành TẮT.
- Đối với LAN không dây, hãy thay đổi cài đặt bảo mật không dây thành cài đặt không phải là WPA-Enterprise trước khi xóa chứng chỉ.

## Xuất chứng chỉ kỹ thuật số



**Lưu ý**

- Do khóa bảo mật không được xuất, nên chứng chỉ có định dạng PKCS#12 đã nhập chỉ có thể được xuất dưới dạng chứng chỉ PKCS#7.

**1. Khởi động CentreWare Internet Services.**



**Tham khảo**

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

**2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.**

**3. Chỉ định các điều kiện để hiển thị chứng chỉ bạn muốn xuất.**

Chẳng hạn, để hiển thị chứng chỉ được cấp từ một nhà cung cấp chứng chỉ tin cậy, hãy chọn [Trình cấp chứng chỉ tin cậy] từ danh sách [Danh mục].

**4. Bấm vào [Hiện thị danh sách].**



**Lưu ý**

- Nếu danh sách có hơn 20 chứng chỉ, hãy bấm vào [Tiếp theo] để hiển thị trang tiếp theo.

**5. Chọn chứng chỉ sẽ được xuất, rồi bấm vào [Chi tiết chứng chỉ].**

**6. Bấm vào [Xuất chứng chỉ này].**

## 5.3.2 Đặt tính năng

Bạn có thể đặt các tính năng bảo mật khác nhau bằng chứng chỉ kỹ thuật số.

- "Đặt chứng chỉ máy chủ sử dụng SSL/TLS (HTTP/IPP) (Tr.101)"
- "Đặt kết nối SMTP-SSL/TLS (Tr.102)"
- "Đặt WPA-Enterprise LAN không dây (EAP-TLS) (Tr.102)"
- "Đặt WPA-Enterprise LAN không dây (PEAPV0-MS-CHAPV2, EAP-TTLS PAP, EAP-TTLS CHAP) (Tr.103)"

## Đặt chứng chỉ máy chủ sử dụng SSL/TLS (HTTP/IPP)

**1. Nhập chứng chỉ sẽ được sử dụng với máy chủ sử dụng SSL/TLS.**



**Tham khảo**

- Xem "Nhập chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

## 2. Đặt chứng chỉ sẽ được sử dụng với máy chủ sử dụng SSL/TLS.

### Tham khảo

- Xem "Đặt chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

## 3. Đảm bảo rằng chứng chỉ được đặt đúng cách.

### Tham khảo

- Xem "Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.100)".

### Lưu ý

- Kiểm tra xem chứng chỉ mới được đặt, không phải chứng chỉ tự ký, đã được kết hợp chưa.

## 4. Sau khi khởi động lại máy in, chứng chỉ được đặt như được mô tả phía trên sẽ được sử dụng làm chứng chỉ máy chủ khi thực thi kết nối với HTTP/IPP-SSL/TLS.

## Đặt kết nối SMTP-SSL/TLS

### 1. Khởi động CentreWare Internet Services.

#### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

### 2. Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Liên lạc máy chủ SSL/TLS] ở ngăn bên trái của màn hình.

### 3. Chọn phương thức kết nối mong muốn từ hộp danh sách thả xuống [SMTP - Liên lạc SSL/TLS].

### 4. Bấm vào [Áp dụng].

Máy in được khởi động lại để bật các cài đặt.

## Đặt WPA-Enterprise LAN không dây (EAP-TLS)

### Lưu ý

- Để quản lý chứng chỉ kỹ thuật số, bạn phải thiết lập kết nối HTTPS. Xem "Chuẩn bị sử dụng kết nối HTTPS (Tr.98)".
- WPA-Enterprise chỉ khả dụng khi [Infrastructure] được chọn từ hộp danh sách thả xuống [Kiểu mạng].
- Đảm bảo nhập chứng chỉ bằng Internet Explorer®.
- Sau khi nhập chứng chỉ có định dạng PKCS#12, khóa bí mật sẽ không được xuất ngay cả khi bạn thực thi quá trình xuất.

### 1. Nhập chứng chỉ sẽ được sử dụng với LAN không dây (máy chủ hoặc chứng chỉ gốc).

#### Tham khảo

- Xem "Nhập chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

### 2. Đặt chứng chỉ kỹ thuật số cho LAN không dây (máy chủ hoặc chứng chỉ gốc).

#### Tham khảo

- Xem "Đặt chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

### 3. Đảm bảo rằng chứng chỉ được đặt đúng cách.

#### Tham khảo

- Xem "Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.100)".

### 4. Nhập chứng chỉ sẽ được sử dụng với LAN không dây (ứng dụng khách hoặc chứng chỉ ứng dụng khách).

#### Tham khảo

- Xem "Nhập chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

## 5. Đặt chứng chỉ kỹ thuật số cho LAN không dây (ứng dụng khách hoặc chứng chỉ ứng dụng khách).

### Tham khảo

- Xem "Đặt chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

## 6. Đảm bảo rằng chứng chỉ được đặt đúng cách.

### Tham khảo

- Xem "Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.100)".

## 7. Đặt WPA-Enterprise cho EAP-TLS.

- a** Khởi động CentreWare Internet Services.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

- b** Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Wi-Fi] ở ngăn bên trái của màn hình.

- c** Chọn [WPA-Enterprise-AES/WPA2-Enterprise-AES] từ hộp danh sách thả xuống [Mã hóa] của [Thiết đặt bảo mật].

### Lưu ý

- [WPA-Enterprise-AES/WPA2-Enterprise-AES] chỉ khả dụng khi các bước sau đây được đặt chính xác.
  - Nhập chứng chỉ kỹ thuật số
  - Đặt chứng chỉ kỹ thuật số
  - Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số

- d** Đặt [EAP-Identity] của [WPA-Enterprise].

- e** Chọn [EAP-TLS] từ hộp danh sách thả xuống [Phương thức xác thực] của [WPA-Enterprise].

- f** Bấm vào [Áp dụng].

## Đặt WPA-Enterprise LAN không dây (PEAPV0-MS-CHAPV2, EAP-TTLS PAP, EAP-TTLS CHAP)

### Lưu ý

- Để quản lý chứng chỉ kỹ thuật số, bạn phải thiết lập kết nối HTTPS. Xem "Chuẩn bị sử dụng kết nối HTTPS (Tr.98)".
- WPA-Enterprise chỉ khả dụng khi [Infrastructure] được chọn từ hộp danh sách thả xuống [Kiểu mạng].
- Đảm bảo nhập chứng chỉ bằng Internet Explorer®.
- Sau khi nhập chứng chỉ có định dạng PKCS#12, khóa bí mật sẽ không được xuất ngay cả khi bạn thực thi quá trình xuất.

## 1. Nhập chứng chỉ sẽ được sử dụng với LAN không dây (máy chủ hoặc chứng chỉ gốc).

### Tham khảo

- Xem "Nhập chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

## 2. Đặt chứng chỉ kỹ thuật số cho LAN không dây (máy chủ hoặc chứng chỉ gốc).

### Tham khảo

- Xem "Đặt chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.99)".

## 3. Đảm bảo rằng chứng chỉ được đặt đúng cách.

### Tham khảo

- Xem "Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.100)".

## 4. Đặt WPA-Enterprise cho PEAPV0-MS-CHAPV2, EAP-TTLS PAP hoặc EAP-TTLS CHAP.

- a** Khởi động CentreWare Internet Services.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

- b** Bấm vào tab [Thuộc tính] > [Wi-Fi] ở ngăn bên trái của màn hình.
- c** Chọn [WPA-Enterprise-AES/WPA2-Enterprise-AES] từ hộp danh sách thả xuống [Mã hóa] của [Thiết đặt bảo mật].

 **Lưu ý**

- [WPA-Enterprise-AES/WPA2-Enterprise-AES] chỉ khả dụng khi các bước sau đây được đặt chính xác:
  - Nhập chứng chỉ kỹ thuật số
  - Đặt chứng chỉ kỹ thuật số
  - Xác nhận cài đặt của chứng chỉ kỹ thuật số
- d** Đặt [EAP-Identity], [Tên đăng nhập] và [Mật khẩu] của [WPA-Enterprise].
- e** Chọn một trong các tùy chọn sau từ hộp danh sách thả xuống [Phương thức xác thực] của [WPA-Enterprise]:
  - [PEAPV0 MS-CHAPV2]
  - [EAP-TTLS PAP]
  - [EAP-TTLS CHAP]
- f** Bấm vào [Áp dụng].

# 5.4 Tìm hiểu thông báo của máy in



Bảng vận hành hiển thị các thông báo lỗi mô tả trạng thái hiện tại của máy in và cho biết các sự cố có thể có của máy in mà bạn phải giải quyết. Chương này cung cấp danh sách mã trạng thái và cho biết những việc bạn có thể làm để xóa các thông báo lỗi. Khi liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng về một lỗi nào đó, bạn hãy nhớ chuẩn bị sẵn mã trạng thái và thông báo lỗi.







 **Quan trọng**








- Khi xảy ra lỗi, dữ liệu in vẫn còn trên máy in và thông tin được tích trữ trong bộ nhớ của máy in có thể bị hỏng.



 **Lưu ý**

- Mã trạng thái được liệt kê trong thông báo lỗi.
- Đối với mã trạng thái không được liệt kê trong chương này, hãy xem hướng dẫn trong từng thông báo lỗi.

Mã trạng thái	Việc bạn có thể làm
004-310	Tắt máy in. Hãy đảm bảo khay được lắp đúng, rồi bật máy in. Hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ nếu lỗi này vẫn xảy ra.
010-397	Đã xảy ra lỗi trong cầu chì. Tắt máy in, rồi bật lại. Hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ nếu lỗi này vẫn xảy ra.
016-338	Tắt máy in, rồi bật lại. Hãy liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn nếu lỗi này vẫn xảy ra.
016-404	Cơ sở dữ liệu chứng chỉ không hợp lệ. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn. Bấm nút  để bắt đầu khởi tạo, rồi khởi động lại máy in.  <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"><li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Sự cố với chứng chỉ kỹ thuật số (Tr.175)".</li></ul>
016-405	Cài đặt bảo mật không khớp. Khởi tạo cài đặt bảo mật, sau đó, khởi động lại máy in bằng cách tắt máy in rồi bật lại. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn để đặt lại bảo mật.
016-520	Chứng chỉ của máy in không hợp lệ. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn. Đặt lại chứng chỉ từ các máy khách có thể kết nối khác bằng CentreWare Internet Services. Nếu không có thiết bị nào có thể kết nối được, hãy rút cáp Ethernet, tắt IPsec, rồi đặt lại chứng chỉ bằng CentreWare Internet Services.
016-521	Chứng chỉ của máy khách đích không hợp lệ. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn. Kiểm tra chứng chỉ của máy khách đích và đặt lại.
016-541	Không thể tham chiếu đúng chứng chỉ không dây của máy chủ hoặc máy khách khi sử dụng WPA2-Enterprise hoặc Mixed Mode Enterprise của LAN không dây. Hãy yêu cầu quản trị viên hệ thống kết nối máy in với một mạng có dây, khởi tạo các cài đặt không dây, nhập chứng chỉ không dây, rồi đặt lại Mixed Mode Enterprise hoặc WPA2-Enterprise.
016-542	Đã xảy ra lỗi chứng chỉ máy chủ khi lấy chứng chỉ bằng Mixed Mode Enterprise hoặc WPA2-Enterprise. Chứng chỉ máy chủ có vấn đề, chẳng hạn như chứng chỉ dùng với máy chủ Radius đã hết hiệu lực. Hãy yêu cầu quản trị viên hệ thống kiểm tra chứng chỉ máy chủ được sử dụng với máy chủ Radius.
016-543	Đã xảy ra lỗi hỏng chứng chỉ không dây của máy chủ hoặc máy khách khi sử dụng WPA2-Enterprise hoặc Mixed Mode Enterprise của LAN không dây. Hãy yêu cầu quản trị viên hệ thống kết nối máy in với một mạng có dây, khởi tạo các cài đặt không dây, nhập chứng chỉ không dây, rồi đặt lại Mixed Mode Enterprise hoặc WPA2-Enterprise.

Mã trạng thái	Việc bạn có thể làm
016-718	<p>Đã xảy ra lỗi khi không có đủ bộ nhớ để in. Lệnh in bị hủy và bị xóa. Giảm kích cỡ dữ liệu của lệnh in hoặc kích cỡ đĩa RAM khi sử dụng đĩa RAM.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết về tính năng đĩa RAM, hãy xem "[Ổ đĩa RAM] (Tr.56)".</li> </ul>
016-720	<p>Có bao gồm Ngôn ngữ mô tả trang (PDL) không được hỗ trợ. Sử dụng trình điều khiển in được hỗ trợ.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết về cách cài đặt trình điều khiển in, hãy xem "Cài đặt phần mềm cho Windows® (Tr.23)" và "Cài đặt phần mềm cho Mac OS X (Tr.27)".</li> </ul>
016-757	Tài khoản chưa được đăng ký. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn.
016-758	Không thể sử dụng chức năng này. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn.
016-759	Đã vượt quá giới hạn trang có thể in. Liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn.
016-799	Bấm nút  để xóa thông báo và hủy lệnh in hiện tại. Kiểm tra cấu hình của máy in trong trình điều khiển in.
016-924	<p>Khi kết nối với mạng không dây bằng loại mã hóa được đặt thành WEP, bạn không thể định cấu hình cài đặt mạng không dây bằng [Thiết lập nhanh] đã được bắt đầu từ đĩa "Hướng dẫn sử dụng sản phẩm/phần mềm". Khi loại mã hóa của điểm truy cập mạng không dây là WEP, hãy định cấu hình cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng bảng vận hành của máy in.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết về cài đặt mạng không dây, hãy xem "Kết nối với Mạng không dây theo cách thủ công (Tr.21)."</li> </ul>
024-965	Hãy đảm bảo rằng kích cỡ và loại giấy được chỉ định trong cài đặt khay
024-966	khớp với kích cỡ và loại giấy được nạp vào khay.
024-969	
027-446	Thay đổi địa chỉ IPv6 để tránh trùng lặp. Tắt máy in, rồi bật lại.
027-452	Thay đổi địa chỉ IPv4 để tránh trùng lặp. Tắt máy in, rồi bật lại.
042-700	Đợi một lúc cho đến khi máy in nguội bớt rồi khởi động lại máy in. Hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ nếu lỗi này vẫn xảy ra.
077-301	Đóng nắp bên phải.
077-304	Đóng nắp sau.
091-911	<p>Tháo hộp đựng mực thải đã qua sử dụng, rồi lắp hộp mực in mới.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp đựng mực thải (Tr.122)".</li> </ul>
091-913	Tháo hộp trống đã qua sử dụng của màu được chỉ định, rồi lắp hộp mới.
091-932	
091-933	<p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul>
091-934	

Mã trạng thái	Việc bạn có thể làm
091-914	<p>Lắp lại hộp trống của màu được chỉ định. Nếu thông báo vẫn còn, hãy thay hộp đó.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul>
091-915	
091-917	
091-918	
091-919	
091-920	
091-922	
091-923	
091-921	<p>Đảm bảo rằng hộp trống của màu được chỉ định được lắp vào hoàn toàn.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul>
091-927	
091-928	
091-929	
091-960	<p>Tháo hộp trống không được hỗ trợ của màu được chỉ định, rồi lắp hộp trống được hỗ trợ.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul>
091-961	
091-962	
091-963	
092-310	<p>Tắt máy in. Vệ sinh cảm biến Mật độ mực in màu (CTD) bằng giấy sợi bông khô và sạch, rồi bật máy in. Hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ nếu lỗi này vẫn xảy ra.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh cảm biến Mật độ mực màu (CTD) (Tr.125)".</li> </ul>
093-925	<p>Tắt máy in. Hãy đảm bảo hộp mực in của màu được chỉ định được lắp đúng, rồi bật máy in. Mã trạng thái sẽ thay đổi tùy theo màu của hộp mực in. Hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ nếu lỗi này vẫn xảy ra.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul>
093-928	
093-950	
093-951	
093-952	
093-980	
093-981	
093-982	
093-926	<p>Tháo hộp mực in không được hỗ trợ của màu được chỉ định, rồi lắp hộp mực in được hỗ trợ.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul>
093-960	
093-961	
093-962	
093-930	<p>Tháo hộp mực in đã qua sử dụng của màu được chỉ định, rồi lắp hộp mới.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul>
093-931	
093-932	
093-933	

Mã trạng thái	Việc bạn có thể làm
093-970	Đảm bảo rằng hộp mực in của màu được chỉ định được lắp vào hoàn toàn.
093-971	 <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul>
093-972	
093-973	
193-700	Hộp mực in không chính hãng được lắp vào. Kiểm tra cài đặt để bật chế độ Không chính hãng.  <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Chế độ không chính hãng (Tr.186)".</li> </ul>

# 6 Bảo dưỡng máy in

6.1	Quản lý máy in.....	110
6.2	Giới thiệu về Vật tư.....	113
6.3	Thay ống mực.....	115
6.4	Vệ sinh máy in .....	125
6.5	Di chuyển máy in .....	134
6.6	Tháo bộ điều hợp Wi-Fi và các phụ kiện tùy chọn .....	135
6.7	Đếm số trang đã in .....	145

# 6.1 Quản lý máy in

Bạn cần hoàn thành một số công việc nhất định để duy trì chất lượng in tối ưu.

## 6.1.1 Quản lý máy in bằng CentreWare Internet Services

Khi máy in được cài đặt trong môi trường TCP/IP, bạn có thể sử dụng CentreWare Internet Services để kiểm tra trạng thái máy in, số lượng ống mực còn lại và giấy đã nạp vào máy in này. Bạn cũng có thể sử dụng CentreWare Internet Services để định cấu hình cài đặt máy in.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

## 6.1.2 Kiểm tra trạng thái máy in bằng email

Khi máy in được kết nối trong một môi trường mạng cho phép máy in gửi và nhận email, thì máy in có thể gửi báo cáo qua email tới các địa chỉ email đã chỉ định có chứa thông tin sau:

- Trạng thái của máy in và ống mực
- Trạng thái lỗi đã xảy ra trên máy in

### Đặt môi trường email

1. Đảm bảo rằng máy in đã được kết nối với mạng.
2. Khởi động CentreWare Internet Services.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết về cách khởi động CentreWare Internet Services, hãy xem "Khởi động CentreWare Internet Services (Tr.63)".

3. Bấm vào tab [Thuộc tính].
4. Định cấu hình các cài đặt sau theo môi trường email của bạn.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

5. Bấm vào [Áp dụng], rồi khởi động lại máy in.

Mục	Mục sẽ được định cấu hình	Mô tả
[StatusMessenger]	[Địa chỉ E-mail của người nhận]	Đặt địa chỉ email sẽ nhận thông báo về các thay đổi ở trạng thái máy in hoặc lỗi.
	[Mục thông báo]	Đặt nội dung của thông báo sẽ gửi trong email.
[Trạng thái cổng]	[StatusMessenger]	Chọn [Bật].

Mục	Mục sẽ được định cấu hình	Mô tả
[Cài đặt giao thức] > [Email]	[Địa chỉ E-mail của máy], [Địa chỉ máy chủ SMTP], [Số cổng máy chủ SMTP], [Xác thực gửi E-mail], [Tên đăng nhập], [Mật khẩu], [Trạng thái kết nối máy chủ SMTP], [Địa chỉ máy chủ POP3], [Số cổng máy chủ POP3], [Tên đăng nhập], [Mật khẩu], [Khoảng thời gian kiểm tra máy chủ POP3], [Cài đặt APOP], [Trạng thái kết nối máy chủ POP3]	Chọn cài đặt thích hợp để gửi và nhận email.
	[Địa chỉ E-mail được phép]	Khi đặt quyền kiểm tra thông tin và thay đổi cài đặt cho một địa chỉ email, hãy nhập địa chỉ email được phép nhận email. Nếu không có địa chỉ nào được nhập ở đây, thì máy in sẽ nhận email từ tất cả người dùng.
	[Mật khẩu trình gửi thông báo trạng thái]	Khi đặt mật khẩu để truy cập vào máy in (cả quyền chỉ đọc và đọc/ghi), hãy nhập mật khẩu vào trường [Mật khẩu].
	[Mật khẩu công việc in]	Khi đặt mật khẩu để in e-mail, hãy nhập mật khẩu vào trường [Mật khẩu].

## Gửi email tới máy in

Bạn có thể chỉ định tiêu đề bất kỳ cho email khi kiểm tra trạng thái máy in hoặc thay đổi cài đặt máy in. Sử dụng các lệnh được mô tả trong phần tiếp theo để soạn nội dung của email.

### ● Quy tắc về lệnh

- Đặt tiền tố "#" ở đầu tất cả các lệnh và chỉ định lệnh #Password ở đầu email.
- Dòng lệnh không có tiền tố "#" sẽ bị bỏ qua.
- Viết một lệnh vào mỗi dòng và phân tách từng lệnh và tham số bằng một dấu cách hoặc tab.



#### Lưu ý

- Nếu cùng một lệnh được viết hai hoặc ba lần trong một email, thì lệnh thứ hai trở đi sẽ bị bỏ qua.

Lệnh	Tham số	Mô tả
#Mật khẩu	Mật khẩu	Sử dụng lệnh này ở đầu email khi mật khẩu cho quyền chỉ đọc được đặt. Bạn có thể bỏ qua lệnh này khi mật khẩu không được đặt.

Lệnh	Tham số	Mô tả
#NetworkInfo		Đặt lệnh này khi bạn muốn kiểm tra thông tin về danh sách cài đặt mạng.
#Status		Đặt lệnh này khi bạn muốn kiểm tra trạng thái máy in.

### ● Ví dụ về lệnh

Để kiểm tra trạng thái máy in khi mật khẩu chỉ đọc là "ronly":

#Password ronly

#Status

#NetworkInfo

## 6.2 Giới thiệu về Vật tư

### 6.2.1 Vật tư



#### Lưu ý

- Việc sử dụng ống mực/các bộ phận thay thế định kỳ không được Fuji Xerox khuyến dùng có thể làm giảm chất lượng và hiệu suất của máy. Chỉ sử dụng ống mực/các bộ phận thay thế định kỳ do Fuji Xerox khuyến dùng.

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Số trang có thể in
Hộp mực in công suất chuẩn (K)	CT202606	3.000 trang
Hộp mực in công suất chuẩn (C)	CT202607	3.000 trang
Hộp mực in công suất chuẩn (M)	CT202608	3.000 trang
Hộp mực in công suất chuẩn (Y)	CT202609	3.000 trang
Hộp mực in công suất cao (K)	CT202610	6.000 trang
Hộp mực in công suất cao (C)	CT202611	6.000 trang
Hộp mực in công suất cao (M)	CT202612	6.000 trang
Hộp mực in công suất cao (Y)	CT202613	6.000 trang
Bộ hộp trống (K)	CT351100	50.000 trang
Bộ hộp trống (C)	CT351101	50.000 trang
Bộ hộp trống (M)	CT351102	50.000 trang
Bộ hộp trống (Y)	CT351103	50.000 trang
Hộp đựng mực thải	EL500293	30.000 trang

### Tái chế vật tư

- Để bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên hiệu quả, Fuji Xerox tái sử dụng hộp mực in, trống (bộ phận nhận sáng) và hộp đựng mực thải được trả lại để chế tạo ra các bộ phận tái chế, vật liệu tái chế hoặc thu hồi năng lượng.
- Bạn cần phải thải bỏ đúng cách các hộp mực in, trống (bộ phận nhận sáng) và hộp đựng mực thải không còn dùng đến nữa. Không mở hộp mực in và trống (bộ phận nhận sáng). Hãy trả chúng lại cho đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn.

### 6.2.2 Kiểm tra trạng thái vật tư

Nếu máy in được kết nối với mạng, CentreWare Internet Services có thể cung cấp phản hồi tức thì về các mức mực in còn lại. Nhập địa chỉ IP của máy in vào trình duyệt web của bạn để xem thông tin này. Bạn cũng có thể đặt máy in gửi cho bạn một cảnh báo qua email khi máy in cần vật tư. Để biết chi tiết, hãy xem "Kiểm tra trạng thái máy in bằng email (Tr.110)".

Trên bảng vận hành, bạn cũng có thể kiểm tra thông tin sau đây.

- Mọi mực vật tư hoặc bảo dưỡng cần chú ý thay (Tuy nhiên, máy in chỉ có thể hiển thị thông tin về một mực mỗi lần).
- Lượng mực in còn lại trong từng hộp mực in.



#### Lưu ý

- Nếu máy in được kết nối với máy tính chạy Windows® Vista trở lên, bạn cũng có thể kiểm tra trạng thái vật tư từ Print & Scan Hub.

## 6.2.3 Đặt mua vật tư

Bạn có thể đặt mua hộp mực in, hộp trống và hộp đựng mực thải bằng cách liên hệ với văn phòng đại diện tại địa phương của Fuji Xerox hoặc đại lý được ủy quyền.

## 6.2.4 Cất giữ giấy in

Để tránh các sự cố nạp giấy có thể xảy ra cũng như chất lượng giấy không đều nhau, có một vài điều bạn có thể thực hiện khi cất giữ giấy in:

- Để đạt được chất lượng in tốt nhất có thể, hãy cất giữ giấy in ở môi trường có nhiệt độ khoảng 21°C (70°F) và độ ẩm tương đối là 40%.
- Cất giữ các hộp chứa giấy in trên kệ hoặc giá, thay vì để trực tiếp trên sàn.
- Nếu bạn cất giữ từng gói giấy in bên ngoài hộp chứa ban đầu, hãy bảo đảm rằng chúng được đặt trên bề mặt phẳng sao cho các mép không bị cong hoặc uốn.
- Không đặt bất cứ thứ gì lên trên gói giấy in.

## 6.2.5 Cất giữ ống mực

Cất giữ ống mực trong gói ban đầu cho đến khi bạn cần sử dụng. Không cất giữ ống mực trong điều kiện:

- Nhiệt độ trên 40°C (104°F)
- Môi trường có sự thay đổi lớn về nhiệt độ hoặc độ ẩm
- Ánh nắng trực tiếp
- Nơi đầy bụi
- Ô tô trong một khoảng thời gian dài
- Môi trường có khí ăn mòn
- Môi trường ẩm ướt

## 6.3 Thay ống mực

Các ống mực sau đây được cung cấp ở dạng vật dụng có thể thay thế.

- Hộp mực in
- Hộp trống
- Hộp đựng mực thải

### CẢNH BÁO

- Không dùng máy hút bụi để hút mực in bị đổ tràn và mực in còn lại trong sản phẩm này, trong hộp mực in hoặc lọ mực in này. Mực in có thể bắt lửa từ các tia lửa điện bên trong máy hút bụi và gây nổ. Hãy lau sạch mực tràn bằng chổi hoặc khăn ẩm. Nếu bạn làm đổ tràn nhiều mực in, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn.
- Không được ném hộp mực in vào ngọn lửa hở. Mực in còn lại trong hộp có thể bắt lửa và gây bỏng hoặc gây nổ. Nếu bạn có hộp mực in đã qua sử dụng và không cần dùng nữa, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn để thải bỏ hộp mực.
- Không được ném lọ mực thải vào ngọn lửa hở. Mực in có thể bắt lửa và gây bỏng hoặc gây nổ. Nếu bạn có lọ mực thải đã qua sử dụng và không cần dùng nữa, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn để thải bỏ lọ mực.

### CHÚ Ý

- Cất giữ hộp trống và hộp mực in tránh xa tầm với của trẻ em. Nếu trẻ vô tình nuốt phải mực in, hãy cho trẻ nhỏ mực ra, súc miệng bằng nước, uống nước và tham khảo ngay ý kiến của bác sĩ.
- Khi thay hộp trống và hộp mực in, hãy cẩn thận để mực in không đổ tràn ra. Nếu mực in bị đổ tràn, không để mực dính vào quần áo, da, mắt, miệng và tránh hít phải mực.
- Nếu mực in đổ tràn lên da hoặc quần áo, hãy rửa sạch bằng xà phòng và nước. Nếu các hạt mực in dính vào mắt bạn, hãy rửa sạch bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút, cho đến khi mắt bạn hết đau rát. Tham khảo ý kiến của bác sĩ nếu cần. Nếu bạn hít phải hạt mực in, hãy di chuyển sang nơi có không khí sạch và súc miệng bằng nước. Nếu bạn nuốt phải mực in, hãy nhổ mực ra, súc miệng bằng nước, uống thật nhiều nước và tham khảo ngay ý kiến của bác sĩ.

### 6.3.1 Thay hộp mực in

Hộp mực in Fuji Xerox chỉ được cung cấp qua Fuji Xerox.

Bạn nên sử dụng hộp mực in Fuji Xerox cho máy in. Fuji Xerox không bảo hành đối với các sự cố phát sinh do sử dụng phụ kiện, bộ phận hoặc cấu phần không được Fuji Xerox cung cấp.

### Tổng quan

Máy in có các hộp mực với bốn màu riêng biệt: đen (K), vàng (Y), đỏ tươi (M) và lục lam (C).

Khi hộp mực hết hạn sử dụng, các thông báo sau sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

Các thông báo sau sử dụng hộp mực in màu đen làm ví dụ.

Thông báo	Số lượng trang còn lại <sup>*2</sup>	Trạng thái máy in và hành động
"Mực đen sắp hết Thay sớm" <sup>*1</sup>	Được lắp tại nhà máy: Xấp xỉ 240 trang Hộp mực in công suất chuẩn: Xấp xỉ 60 trang Hộp mực in công suất cao: Xấp xỉ 60 trang	Mực in sắp hết. Hãy chuẩn bị hộp mực mới.
"Kiểm tra hộp mực Thay hộp mực đen"	-	Hộp mực in đã hết. Hãy thay hộp mực in mới.

\*1 Thông báo này chỉ xuất hiện khi hộp mực in Fuji Xerox được sử dụng (Chế độ Không chính hãng đã tắt).

\*2 Số lượng trang còn lại sẽ thay đổi tùy theo điều kiện in, nội dung của tài liệu và tần suất bật/tắt máy in. Để biết thêm thông tin, hãy xem "Vật tư (Tr.113)".

### ! Quan trọng

- Khi để hộp mực in đã qua sử dụng trên sàn nhà hoặc trên bàn, hãy lót vải tờ giấy bên dưới hộp mực in để thấm mực nếu chẳng may bị đổ tràn.
- Không sử dụng lại các hộp mực in cũ sau khi tháo khỏi máy in. Việc đó có thể khiến chất lượng in giảm đi.
- Không lắc hoặc đập vỡ hộp mực in đã qua sử dụng. Mực in còn lại có thể đổ tràn ra.
- Chúng tôi khuyên bạn nên dùng hết các hộp mực in trong vòng một năm sau khi mở gói.

### 💡 Lưu ý

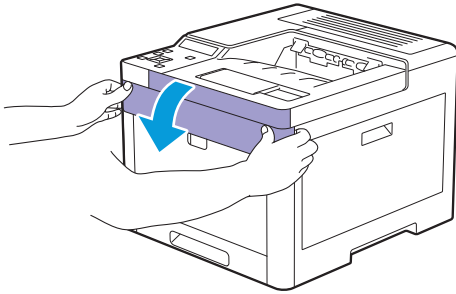
- In đen trắng khả dụng ngay cả khi máy in đã hết mực in màu. Tuy nhiên, hãy thay hộp mực in ngay khi có thể.

## Thay hộp mực in

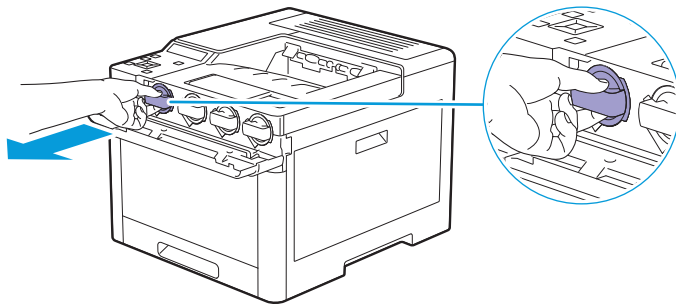
### 💡 Lưu ý

- Đảm bảo lấy toàn bộ giấy ra khỏi khay nạp tay và đóng nắp khay nạp tay trước khi tháo hộp mực in.

### 1. Nắm vào tay cầm ở hai bên nắp trước, rồi kéo xuống để mở.



### 2. Nắm vào tay cầm trên hộp mực in mà bạn muốn thay, rồi kéo ra.

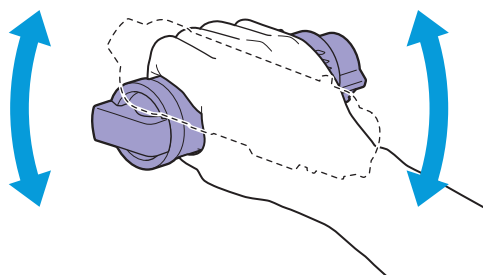


### ! Quan trọng

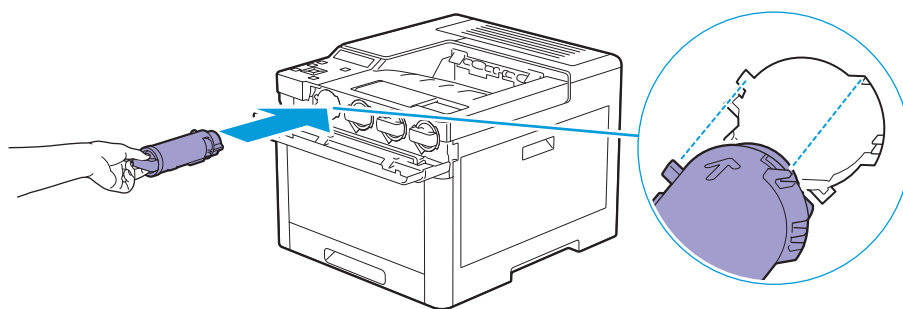
- Không lắc hộp mực in đã qua sử dụng. Việc lắc hộp có thể khiến mực in bị tràn ra.

### 3. Mở gói hộp mực in mới có màu mong muốn.

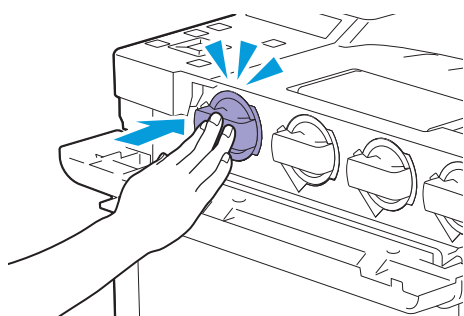
**4. Lắc hộp mực in mới 6 lần để mực dàn đều.**



**5. Điều chỉnh hộp mực in theo các khắc trên khe hộp liên quan, rồi lắp hộp mực in.**



**6. Ấn hộp mực in vào hết cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.**



**7. Đóng nắp trước.**

## 6.3.2 Thay hộp trống

### ! Quan trọng

- Không để hộp trống tiếp xúc với ánh sáng chói. Nếu nắp bên phải vẫn còn mở hơn 3 phút, chất lượng in có thể giảm đi.

### Tổng quan

Máy in có các hộp trống với bốn màu riêng biệt: đen (K), vàng (Y), đỏ tươi (M) và lục lam (C). Khi hộp trống hết hạn sử dụng, các thông báo sau sẽ xuất hiện trên màn hình LCD. Các thông báo sau sử dụng hộp trống màu đen làm ví dụ.

Thông báo	Số lượng trang còn lại	Trạng thái máy in và hành động
"Cụm trống mực đen Thay sớm"	Xấp xỉ 60 trang	Hộp trống sắp hết hạn sử dụng. Hãy chuẩn bị hộp mực mới.
"Thay cụm trống mực đen"	-	Hộp trống đã hết hạn sử dụng. Hãy thay hộp trống mới.

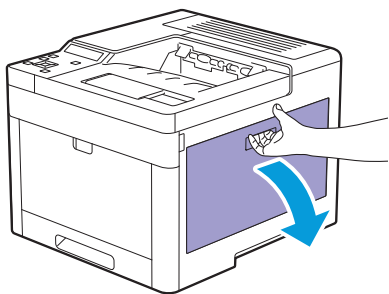


#### Lưu ý

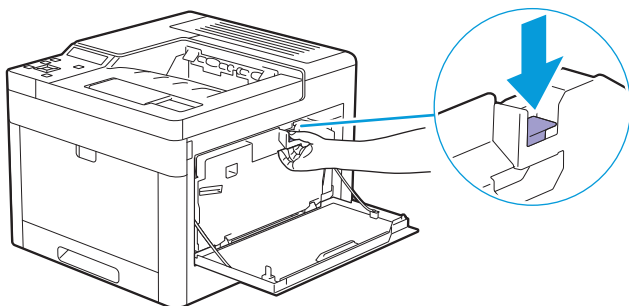
- Khi [Trống mực hết tuổi thọ] được đặt trước thành [Tiếp tục in], máy in sẽ không dừng hoạt động ngay cả khi hộp trống hết hạn sử dụng và bạn có thể tiếp tục vận hành máy in. Khi chất lượng in không được đảm bảo, bạn nên thay bằng hộp trống mới. Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem "[Trống mực hết tuổi thọ] (Tr.57)".

## Thay hộp trống

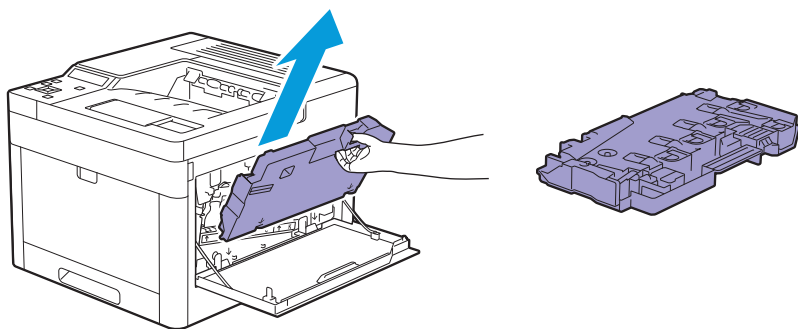
### 1. Mở nắp bên phải.



### 2. Đẩy chốt xuống để nhả hộp đựng mực thải khỏi máy in.

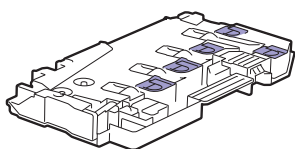


### 3. Kéo nhẹ hộp đựng mực thải lên trên.



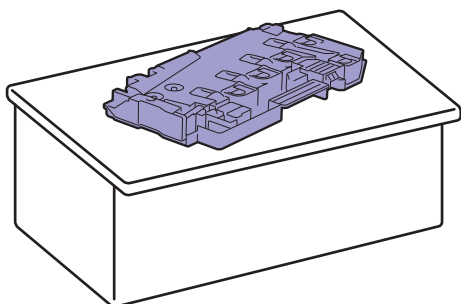
#### ! Quan trọng

- Cần thận không để rơi hộp đựng mực thải trong khi tháo.
- Sau khi tháo hộp đựng mực thải, không chạm vào các phần trong hình minh họa. Bàn tay của bạn có thể bị bẩn hoặc vấy mực in.



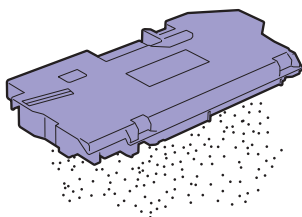
### 4. Đặt hộp đựng mực thải lên bề mặt phẳng.

Luôn giữ cho bên gắn vào máy in hướng lên trên.

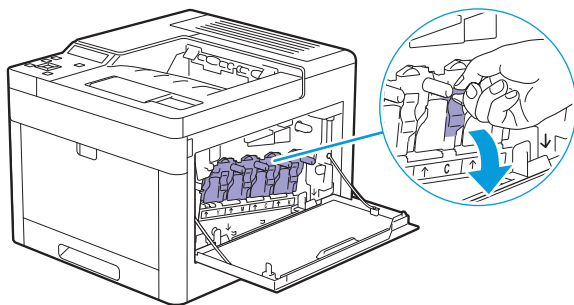


#### ! Quan trọng

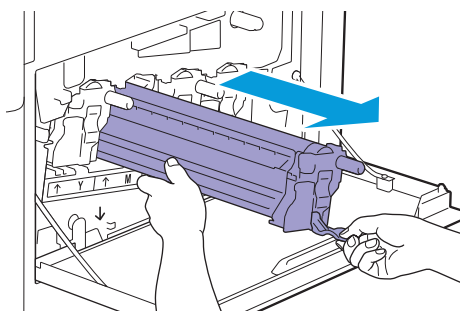
- Không được để cho bên gắn với máy in quay hướng xuống. Điều này có thể khiến mực in bị tràn ra ngoài.



**5. Kéo vấu trên hộp trống mà bạn muốn thay xuống.**

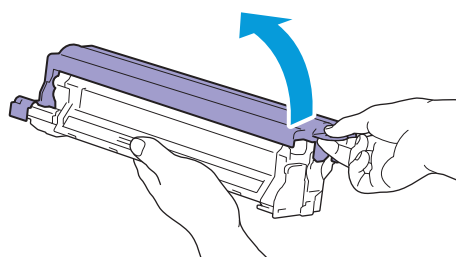


**6. Kéo hộp trống ra nửa chừng bằng cách kéo vấu, rồi đỡ bên dưới hộp trống bằng tay kia và kéo ra hẳn.**

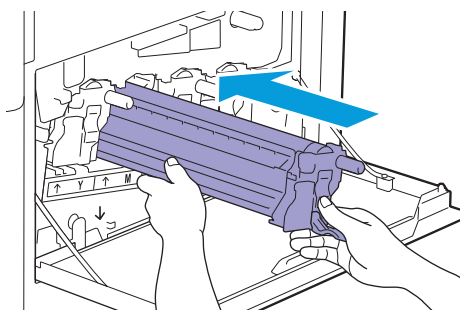


**7. Mở gói hộp trống mới có màu mong muốn.**

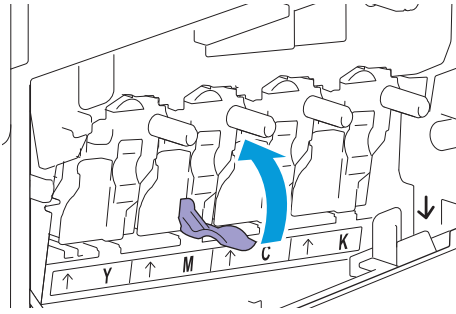
**8. Tháo nắp bảo vệ màu cam khỏi hộp trống.**



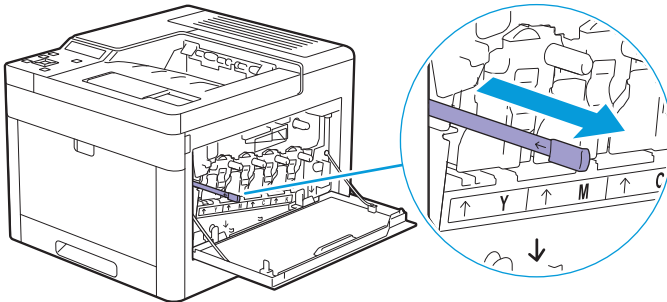
**9. Lắp hộp trống vào khe hộp liên quan, rồi đẩy cho đến khi hộp trống dừng lại.**



### 10. Kéo vấu trên hộp trống lên trên.



### 11. Kéo que lau bên trong máy in ra.

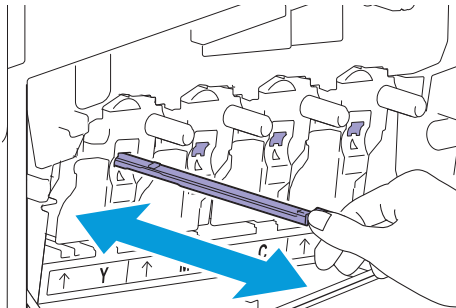


### 12. Đưa que lau vào lỗ của vấu trên hộp trống cho đến khi que lau dừng lại, rồi rút que lau ra.

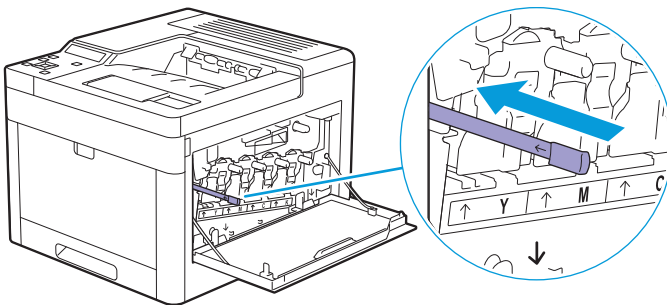


#### Lưu ý

- Lắp que lau vào sao cho mặt lót hướng lên trên.
- Không cần phải di chuyển que lau tới và lui nhiều lần.

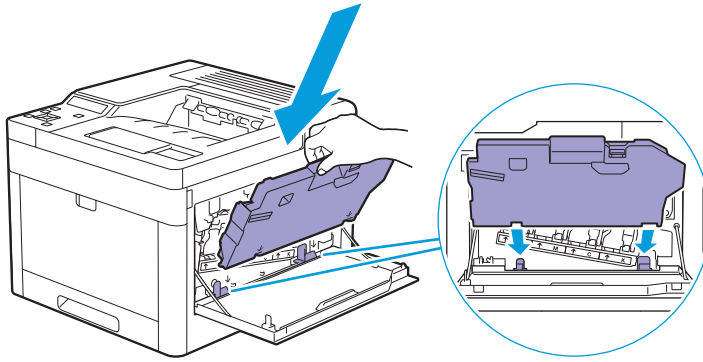


### 13. Lắp que lau vào vị trí ban đầu.

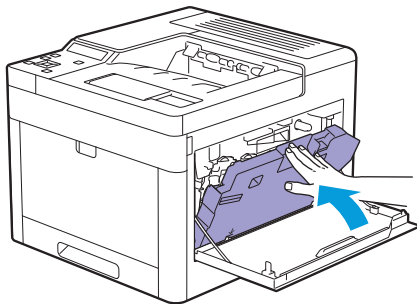


#### 14. Lắp lại hộp đựng mực thải.

Đảm bảo rằng hai chi tiết ăn khớp ở dưới cùng khớp vào gờ đỡ trên máy in.



#### 15. Đẩy tay cầm của hộp đựng mực thải cho đến khi có tiếng tách.



#### 16. Đóng nắp bên phải.

### 6.3.3 Thay hộp đựng mực thải

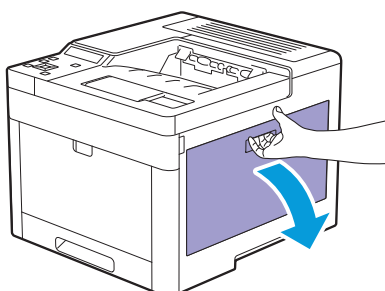
#### Tổng quan

Khi hộp đựng mực thải hết hạn sử dụng, các thông báo sau sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

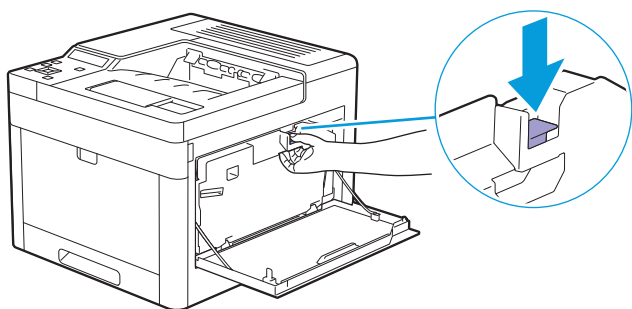
Thông báo	Số lượng trang còn lại	Trạng thái máy in và hành động
"Hộp mực thải Thay sớm"	Xấp xỉ 3.000 trang	Hộp đựng mực thải sắp hết hạn sử dụng. Hãy chuẩn bị hộp mực mới.
"Kiểm tra hộp mực Thay - hộp mực thải"		Hộp đựng mực thải đã hết hạn sử dụng. Hãy thay hộp đựng mực thải mới.

#### Thay hộp đựng mực thải

##### 1. Mở nắp bên phải.

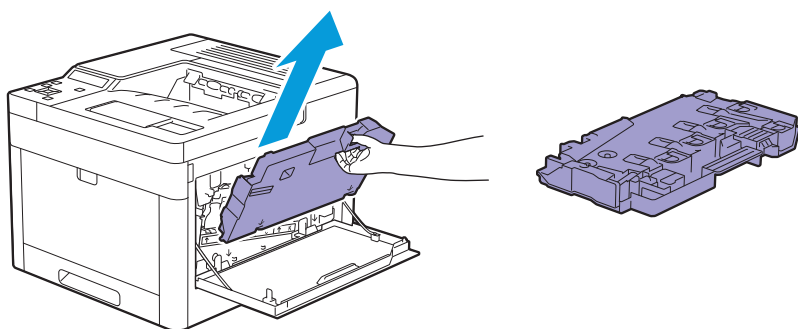


## 2. Đẩy chốt xuống để nhả hộp đựng mực thải khỏi máy in.



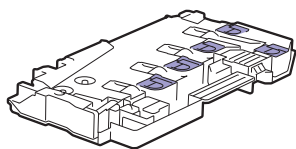
## 3. Kéo nhẹ hộp đựng mực thải lên trên.

Đảm bảo rằng mặt được gắn với máy in quay lên trên để mực thải không tràn ra.



### ! Quan trọng

- Cần thận không để rơi hộp đựng mực thải trong khi tháo.
- Sau khi tháo hộp đựng mực thải, không chạm vào các phần trong hình minh họa. Mực in có thể làm bẩn hoặc gây ra tay bạn.

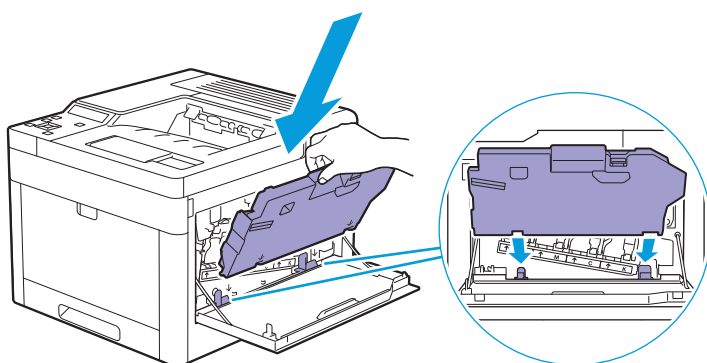


## 4. Đưa hộp đựng mực thải đã qua sử dụng vào túi nhựa đi kèm với hộp đựng mực thải mới và bịt kín túi đó.

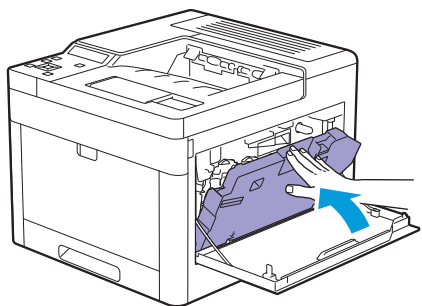
## 5. Mở gói hộp đựng mực thải mới.

## 6. Lắp hộp đựng mực thải.

Đảm bảo rằng hai chi tiết ăn khớp ở dưới cùng khớp vào gờ đỡ trên máy in.



**7. Đẩy tay cầm của hộp đựng mực thải cho đến khi có tiếng tách.**



**8. Đóng nắp bên phải.**

## 6.4 Vệ sinh máy in

### ⚠ CẢNH BÁO

- Khi vệ sinh sản phẩm này, hãy sử dụng các chất tẩy rửa được chỉ định riêng cho sản phẩm. Các chất tẩy rửa khác có thể khiến sản phẩm có hiệu suất kém. Không sử dụng các chất tẩy rửa dạng bọt khí để tránh hiện tượng cháy nổ.

### ⚠ CHÚ Ý

- Khi vệ sinh sản phẩm này, hãy luôn tắt nguồn và rút phích cắm. Việc tiếp cận phần bên trong máy đang có điện có thể dẫn đến tình trạng điện giật.
- Khi vệ sinh sản phẩm này, hãy tắt nguồn và bằng chuyển mạch (mạch nhánh) của sản phẩm. Việc tiếp cận phần bên trong máy đang có điện có thể dẫn đến tình trạng điện giật.

### 6.4.1 Vệ sinh bên trong máy in

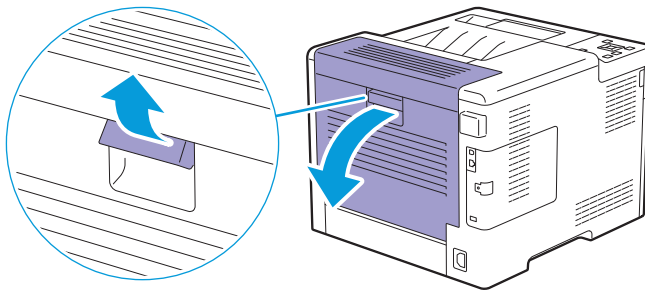
#### Vệ sinh cảm biến Mật độ mực màu (CTD)

##### 💡 Lưu ý

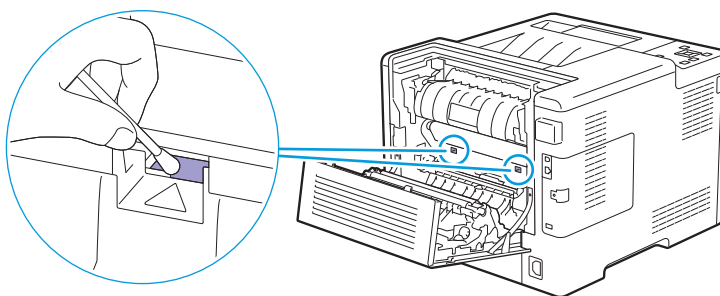
- Chỉ vệ sinh cảm biến CTD khi cảnh báo về cảm biến CTD được hiển thị trên bảng vận hành.

1. Đảm bảo máy in đã tắt.

2. Kéo cần điều khiển của nắp sau lên trên và mở nắp sau.



3. Vệ sinh cảm biến CTD bằng vải bông khô và sạch.

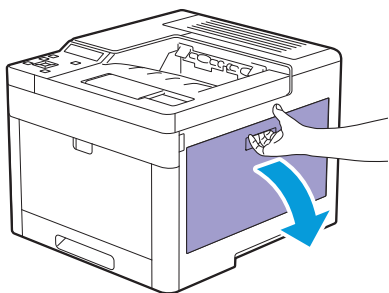


4. Đóng nắp sau.

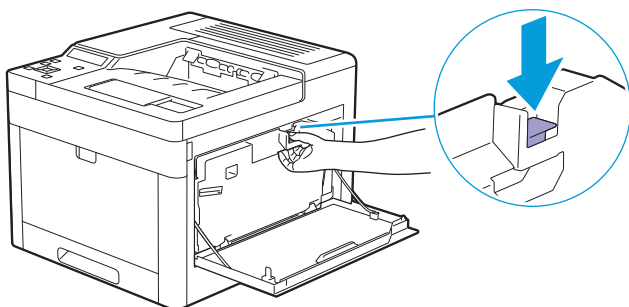
#### Vệ sinh đầu in LED

Để phòng tránh tình trạng chất lượng in bị giảm do bụi bẩn trên đầu in LED, hãy thường xuyên vệ sinh đầu in LED bằng que lau hoặc bất cứ khi nào thay hộp trống.

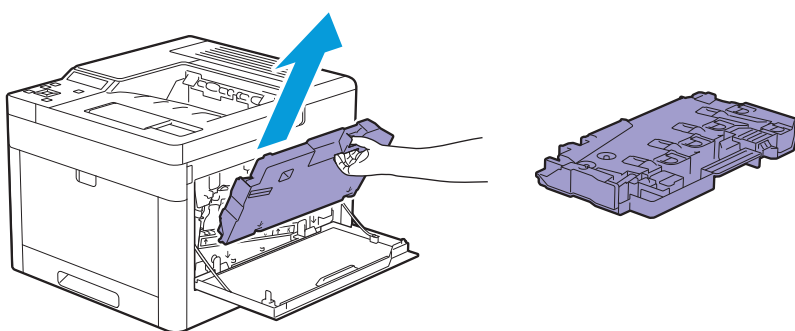
### 1. Mở nắp bên phải.



### 2. Đẩy chốt xuống để nhả hộp đựng mực thải khỏi máy in.

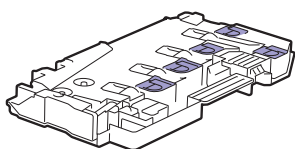


### 3. Kéo nhẹ hộp đựng mực thải lên trên.



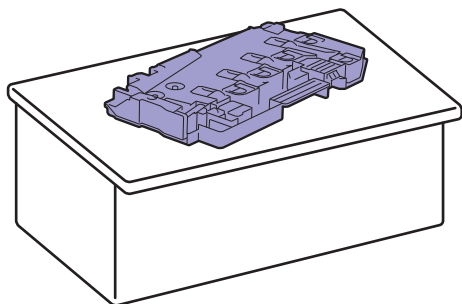
#### ! Quan trọng

- Cần thận không để rơi hộp đựng mực thải trong khi tháo.
- Sau khi tháo hộp đựng mực thải, không chạm vào các phần trong hình minh họa. Mực in có thể làm bẩn hoặc gây ra tay bạn.



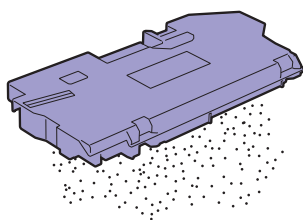
#### 4. Đặt hộp đựng mực thải lên bề mặt phẳng.

Luôn giữ cho bên gắn vào máy in hướng lên trên.

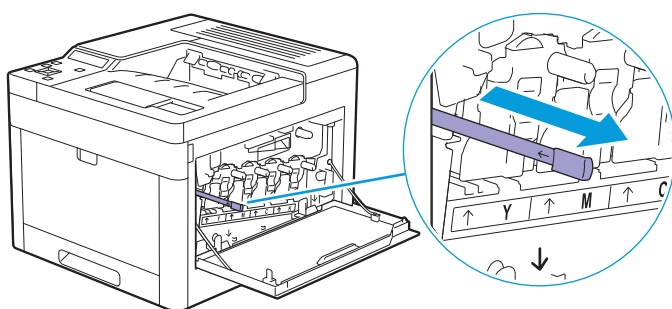


#### ! Quan trọng

- Không được để cho bên gắn với máy in quay hướng xuống. Điều này có thể khiến mực in bị tràn ra ngoài.



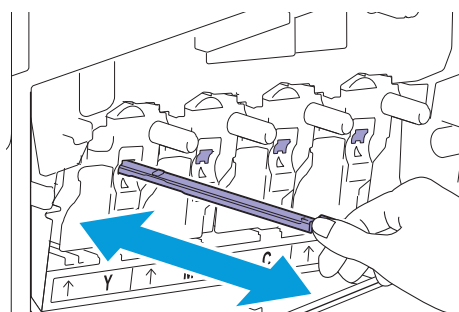
#### 5. Kéo que lau bên trong máy in ra.



#### 6. Cắm que lau vào một trong bốn lỗ của vấu trên hộp trống cho đến khi que dừng lại, rồi rút ra.

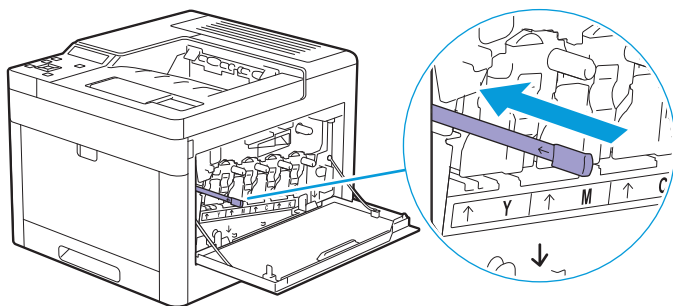
#### 💡 Lưu ý

- Lắp que lau vào sao cho mặt lót hướng lên trên.
- Không cần phải di chuyển que lau tới và lui nhiều lần.



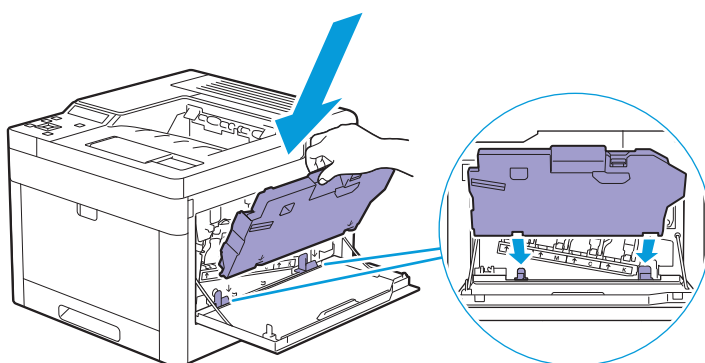
#### 7. Lặp lại bước 6 với ba lỗ còn lại.

## 8. Lắp que lau vào vị trí ban đầu.

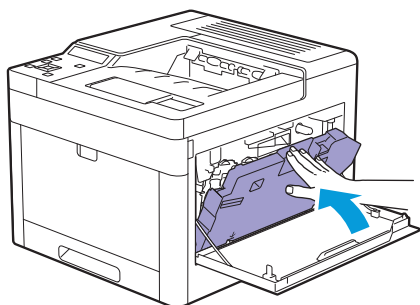


## 9. Lắp hộp đựng mực thải.

Đảm bảo rằng hai chi tiết ăn khớp ở dưới cùng khớp vào gờ đỡ trên máy in.



## 10. Đẩy tay cầm của hộp đựng mực thải cho đến khi có tiếng tách.



## 11. Đóng nắp bên phải.

### Vệ sinh các con lăn hãm và con lăn nạp giấy

Để tránh tình trạng kẹt giấy và nạp nhiều do nạp nhầm giấy in, hãy thường xuyên vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp tay, khay 1 và Khay nạp 550 tờ tùy chọn.

#### ● Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp tay

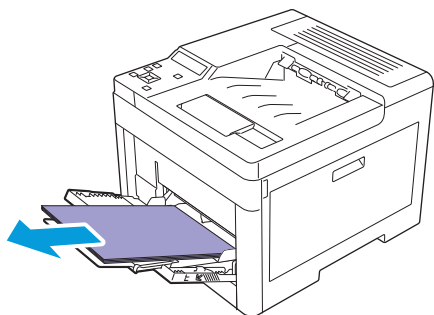
##### 1. Đảm bảo máy in đã tắt.

## 2. Kéo nhẹ và mở khay nạp tay.

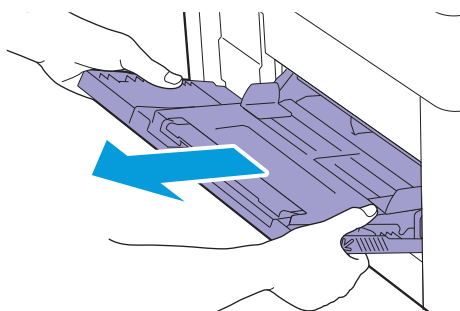


### Lưu ý

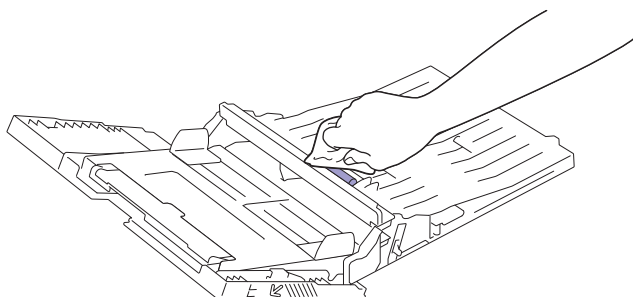
- Nếu khay nạp tay đã mở, hãy lấy giấy ra khỏi khay nạp tay.



## 3. Nắm chặt hai bên khay nạp tay, rồi kéo khay ra khỏi máy in.



## 4. Trong lúc xoay bằng tay con lăn hãm, hãy lau nhẹ con lăn bằng vải mềm, ẩm.

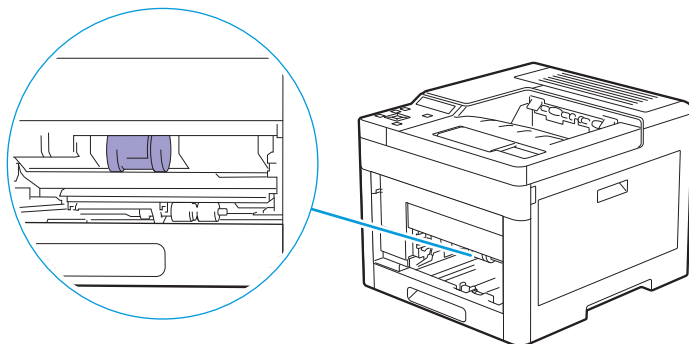


## 5. Lau nhẹ con lăn nạp giấy bằng vải mềm, ẩm.

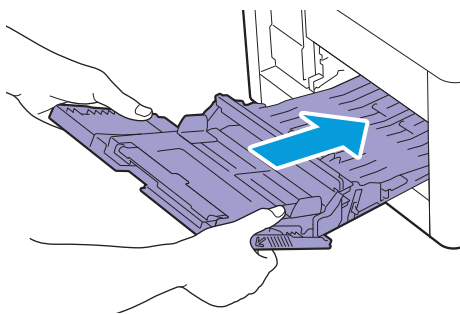


### Quan trọng

- Không xoay mạnh con lăn nạp giấy. Việc này có thể làm hư hại máy in.



## 6. Lắp khay nạp tay vào máy in.



### • Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay 1

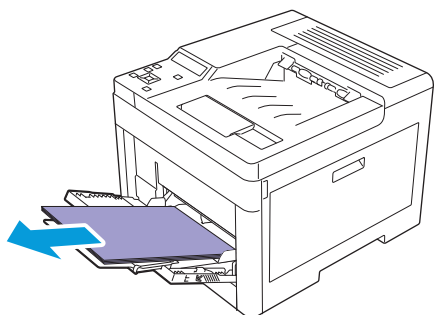
1. Đảm bảo máy in đã tắt.

2. Kéo nhẹ và mở khay nạp tay.

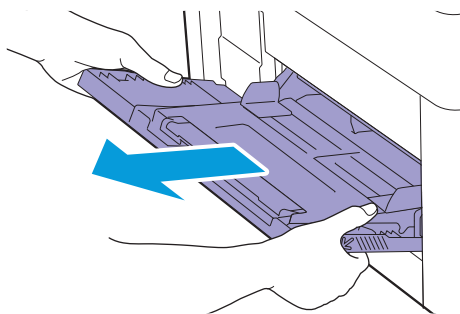


Lưu ý

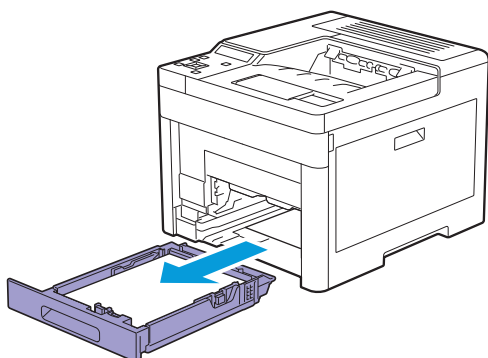
- Nếu khay nạp tay đã mở, hãy lấy giấy ra khỏi khay nạp tay.



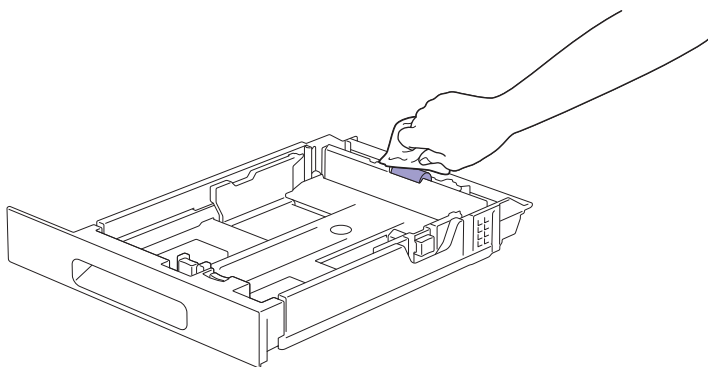
3. Nắm chặt hai bên khay nạp tay, rồi kéo khay ra khỏi máy in.



4. Kéo khay 1 ra khỏi máy in.



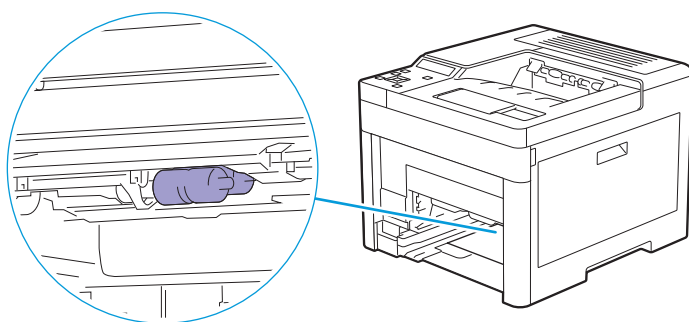
**5. Trong lúc xoay bằng tay con lăn hãm, hãy lau nhẹ con lăn bằng vải mềm, ẩm.**



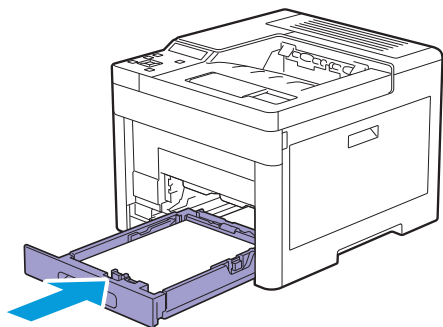
**6. Trong lúc xoay bằng tay con lăn nạp giấy bên trong máy in, hãy lau nhẹ con lăn bằng vải mềm, ẩm.**

**! Quan trọng**

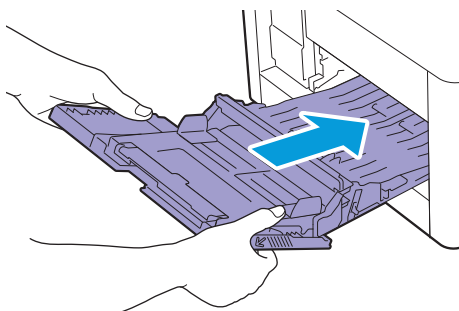
- Không nghiêng máy in. Hành động này có thể khiến mực in bị tràn ra ngoài.
- Không chạm vào bất kỳ bộ phận nào khác bên trong máy in. Việc này có thể làm hư hại máy in.



**7. Lắp khay 1 vào máy in, rồi ấn cho đến khi khay dừng lại.**

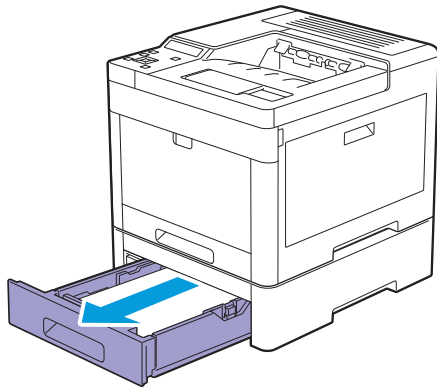


**8. Lắp khay nạp tay vào máy in.**

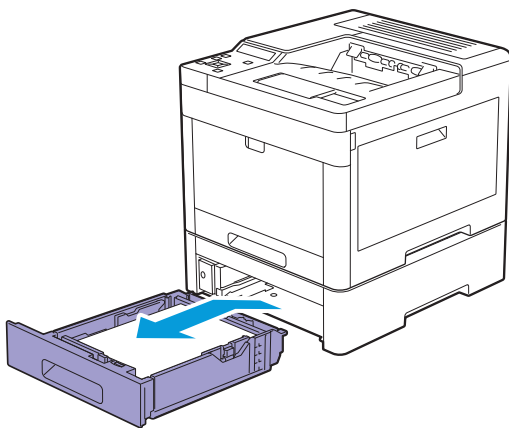


● Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp 550 tờ tùy chọn

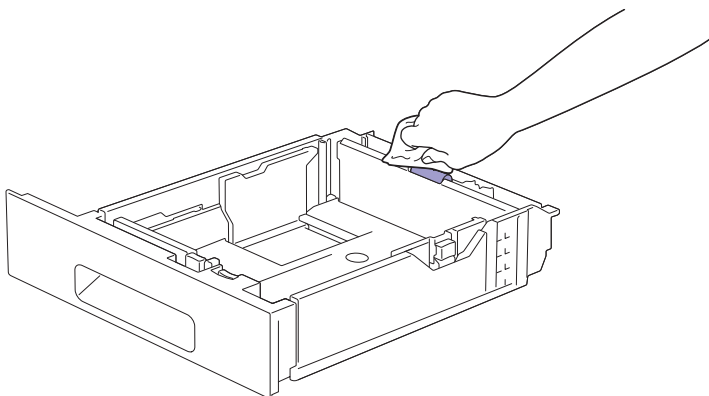
1. Đảm bảo máy in đã tắt.
2. Kéo một nửa khay nạp 550 tờ tùy chọn ra khỏi máy in.



3. Giữ khay bằng cả hai tay, hơi nâng mặt trước của khay lên trên, rồi kéo khay ra hết.



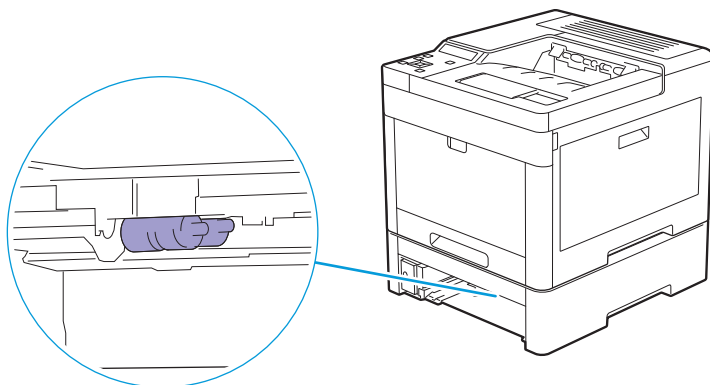
4. Trong lúc xoay bằng tay con lăn hãm, hãy lau nhẹ con lăn bằng vải mềm, ẩm.



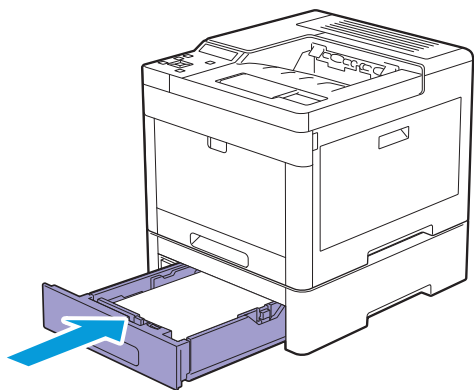
**5. Trong lúc xoay bằng tay con lăn nạp giấy bên trong khay nạp 550 tờ tùy chọn, hãy lau nhẹ con lăn bằng vải mềm, ẩm.**

**! Quan trọng**

- Không nghiêng máy in. Hành động này có thể khiến mực in bị tràn ra ngoài.
- Không chạm vào bất kỳ bộ phận nào khác bên trong máy in. Việc này có thể làm hư hại máy in.



**6. Lắp khay nạp 550 tờ tùy chọn vào máy in, rồi ấn cho đến khi khay dừng lại.**

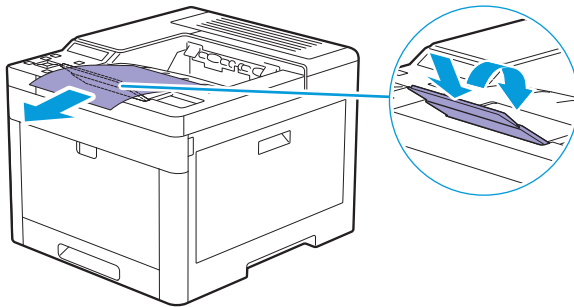


## 6.5 Di chuyển máy in

### ! Quan trọng

- Nếu khay nạp 550 tờ tùy chọn (khay 2) và thùng máy đã được lắp, hãy tháo chúng ra trước khi di chuyển máy in. Nếu khay nạp 550 tờ tùy chọn và thùng máy không được gắn chặt vào máy in, thì khay và ngăn đó có thể rơi xuống đất và gây thương tích. Để biết chi tiết về cách gỡ cài đặt khay nạp 550 tờ tùy chọn và thùng máy, hãy xem "Tháo khay nạp 550 tờ tùy chọn và Thùng máy (Tr.138)".

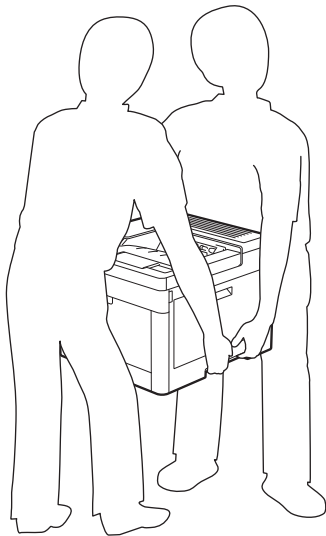
1. Tắt máy in, rồi rút dây nguồn, cáp giao diện và mọi cáp khác.
2. Lấy hết giấy trong khay ra, rồi thu gọn phần mở rộng khay ra.



3. Nâng máy in và di chuyển nhẹ nhàng.

### ! Quan trọng

- Cần có hai người để nhấc máy in.



### 💡 Lưu ý

- Nếu bạn di chuyển máy in trong khoảng cách dài, hãy tháo hộp mực in ra khỏi máy in để phòng tránh tình trạng trào mực in, rồi đóng máy in vào hộp. Để biết chi tiết về cách tháo hộp mực in, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".

## 6.6 Tháo bộ điều hợp Wi-Fi và các phụ kiện tùy chọn

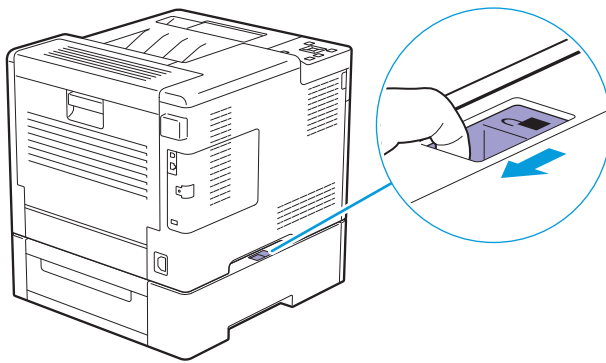


### Lưu ý

- Nếu bạn thay đổi vị trí máy in hoặc nếu bạn vận chuyển máy in và các phụ kiện tùy chọn sang vị trí mới, bạn phải tháo bộ điều hợp Wi-Fi, khay nạp 550 tờ tùy chọn và thùng máy ra khỏi máy in. Để vận chuyển, hãy đóng gói các bộ phận này cẩn thận và an toàn để tránh hỏng hóc.

### 6.6.1 Tháo Khay nạp 550 tờ tùy chọn

1. Đảm bảo rằng máy in bị tắt, rồi tháo tất cả các cáp ở mặt sau của máy in.
2. Trượt công tắc khóa của Khay nạp 550 tờ tùy chọn sang vị trí mở khóa.

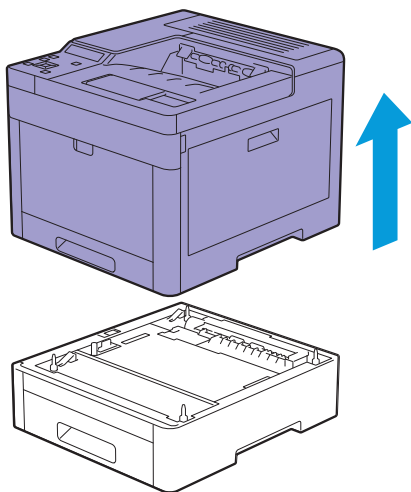


3. Nhấc nhẹ máy in ra khỏi Khay nạp 550 tờ tùy chọn, rồi đặt máy lên một bề mặt phẳng.



### Quan trọng

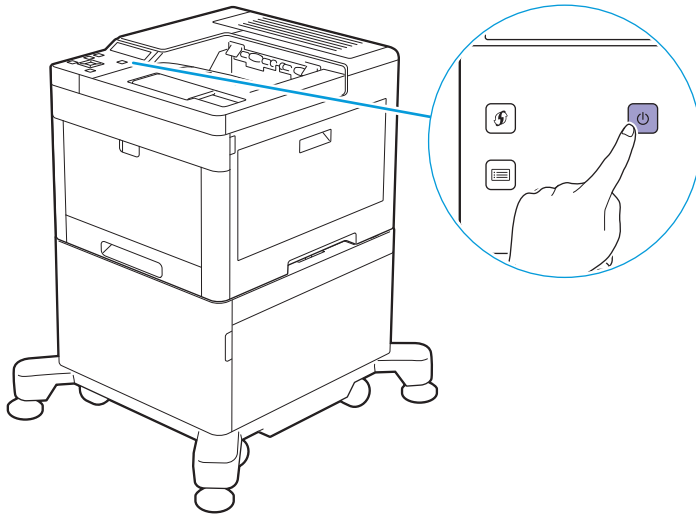
- Cần có hai người để nhấc máy in.



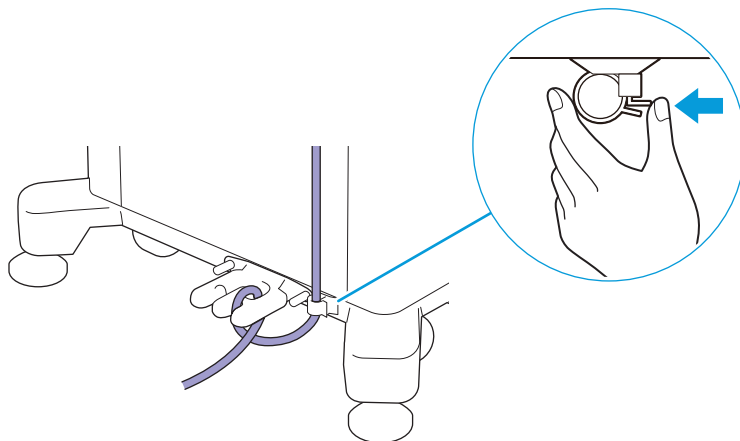
4. Cắm tất cả các cáp vào mặt sau của máy in, rồi bật máy in.

## 6.6.2 Tháo Thùng máy

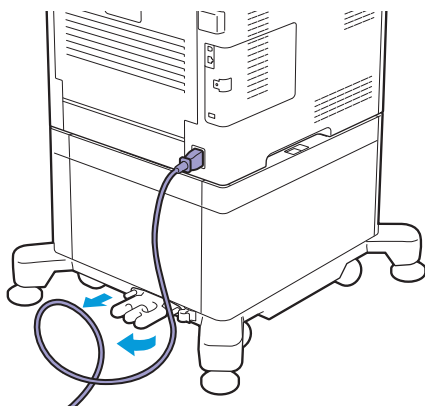
### 1. Tắt máy in.



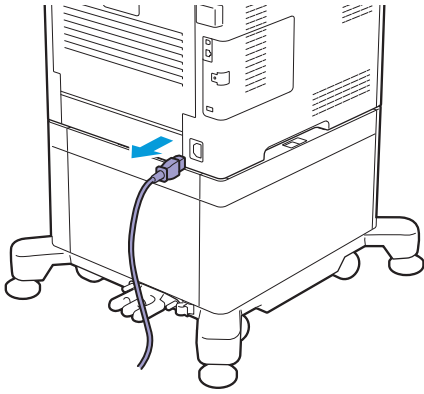
### 2. Nhấn vào lẫy của kẹp cáp để mở kẹp, rồi tháo dây nguồn ra khỏi kẹp.



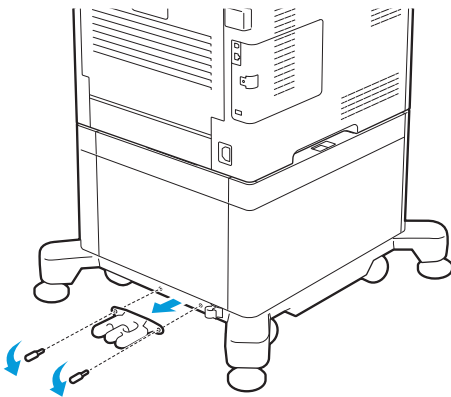
### 3. Gỡ dây nguồn ra khỏi móc cáp.



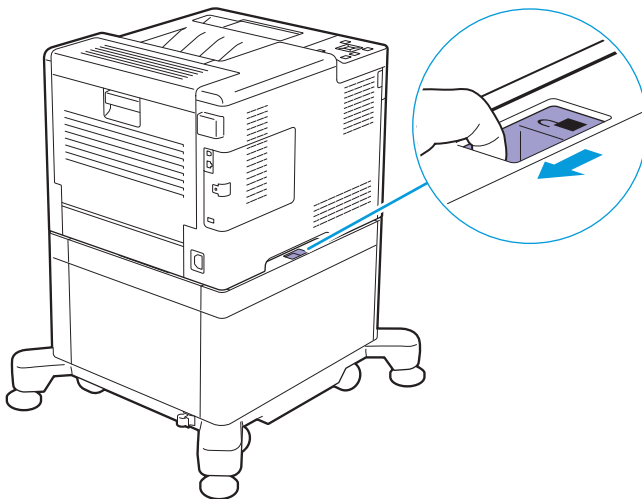
**4. Rút dây nguồn và tất cả các cáp khác ở mặt sau của máy in.**



**5. Nới lỏng hai đinh vít giữ móc cáp, rồi gỡ móc ra khỏi thùng máy.**



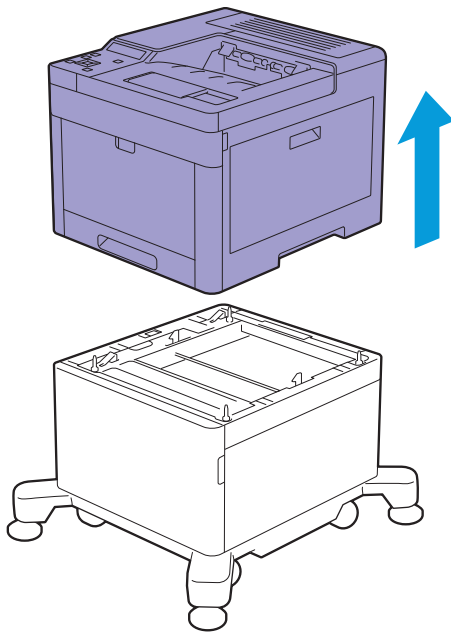
**6. Trượt công tắc khóa của thùng máy sang vị trí mở khóa.**



## 7. Nhấc nhẹ máy in ra khỏi thùng máy, rồi đặt máy lên một bề mặt phẳng.

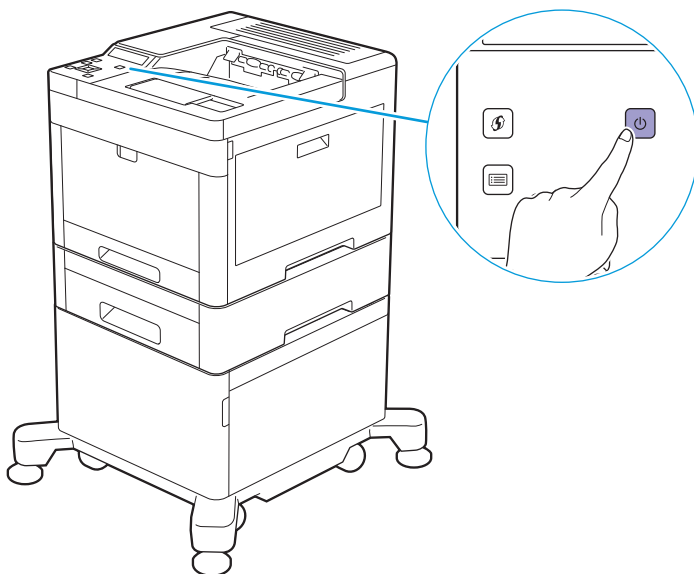
### ! Quan trọng

- Cần có hai người để nhấc máy in.

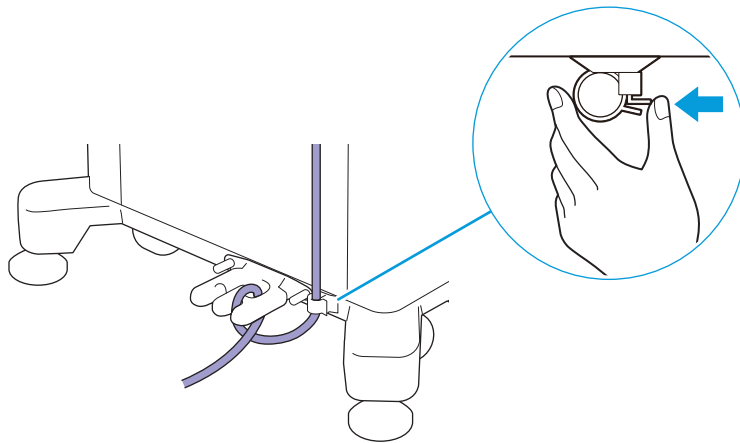


## 6.6.3 Tháo Khay nạp 550 tờ tùy chọn và Thùng máy

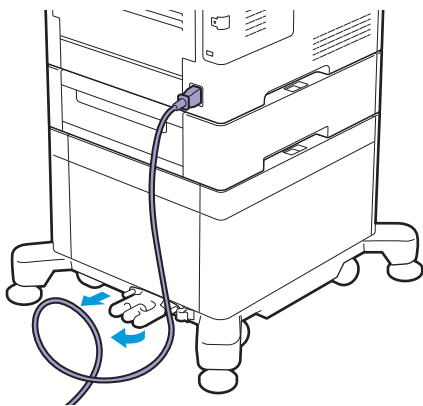
### 1. Tắt máy in.



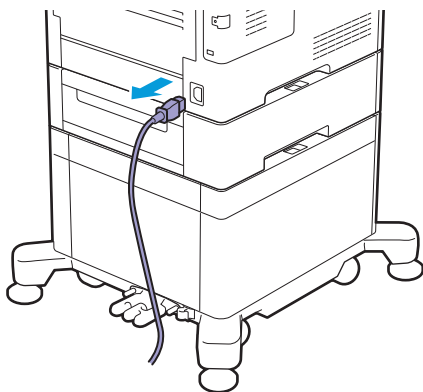
**2. Nhấn vào lẫy của kẹp cáp để mở kẹp, rồi tháo dây nguồn ra khỏi kẹp.**



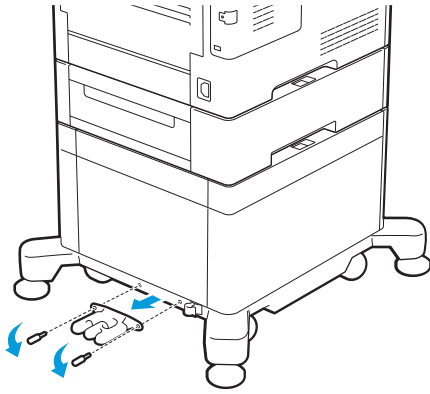
**3. Gỡ dây nguồn ra khỏi móc cáp.**



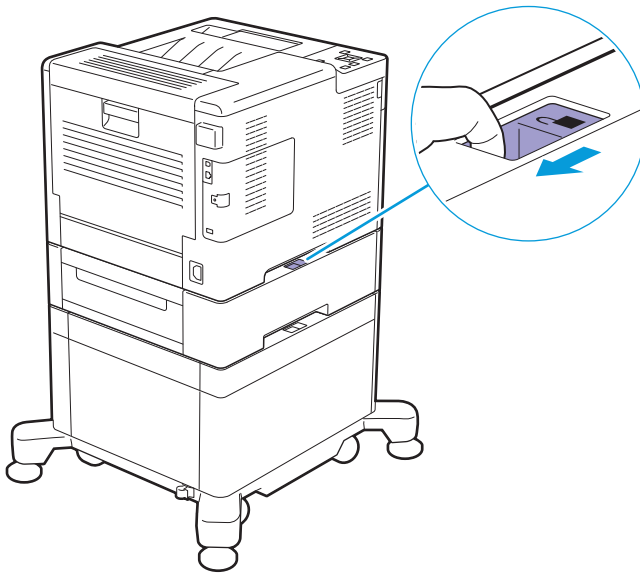
**4. Rút dây nguồn và tất cả các cáp khác ở mặt sau của máy in.**



**5.** Nới lỏng hai đinh vít giữ móc cáp, rồi gỡ móc ra khỏi thùng máy.



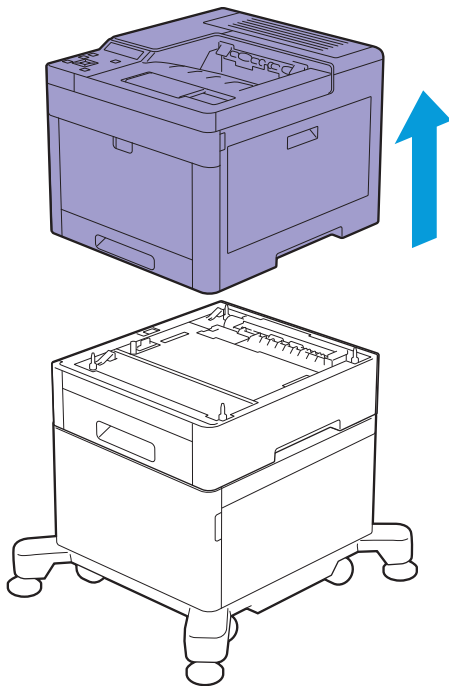
**6.** Trượt công tắc khóa của khay nạp 550 tờ tùy chọn sang vị trí mở khóa.



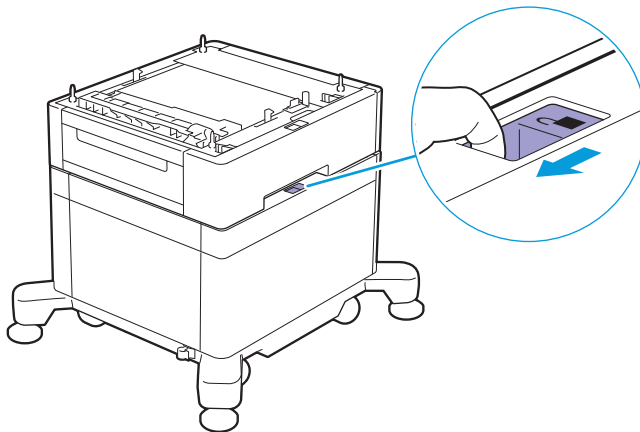
**7. Nhấc nhẹ máy in ra khỏi Khay nạp 550 tờ tùy chọn, rồi đặt máy lên một bề mặt phẳng.**

**!** **Quan trọng**

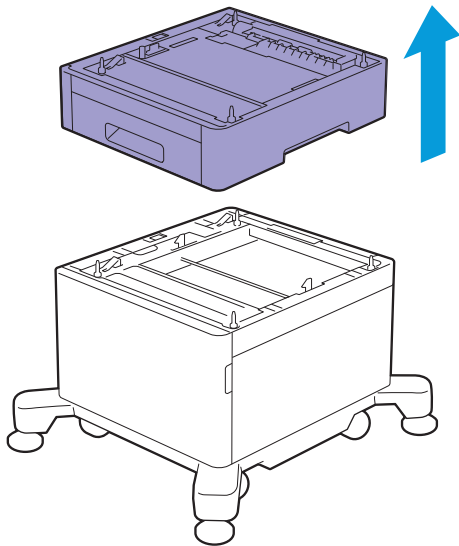
- Cần có hai người để nhấc máy in.



**8. Trượt công tắc khóa của thùng máy sang vị trí mở khóa.**

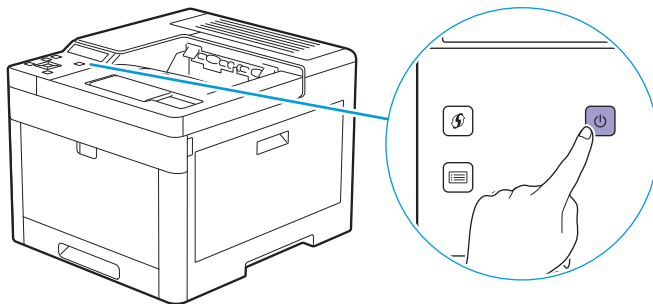


**9. Nhấc nhẹ khay nạp 550 tờ tùy chọn ra khỏi thùng máy rồi đặt lên một bề mặt phẳng.**

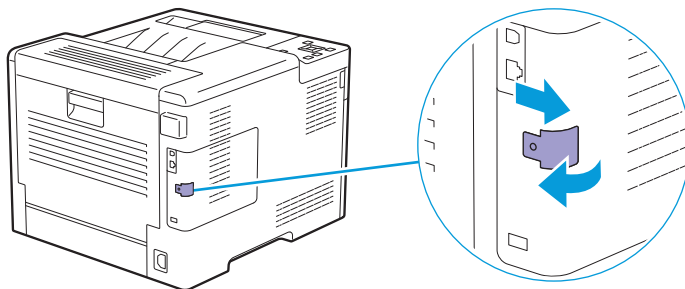


## 6.6.4 Tháo bộ điều hợp Wi-Fi

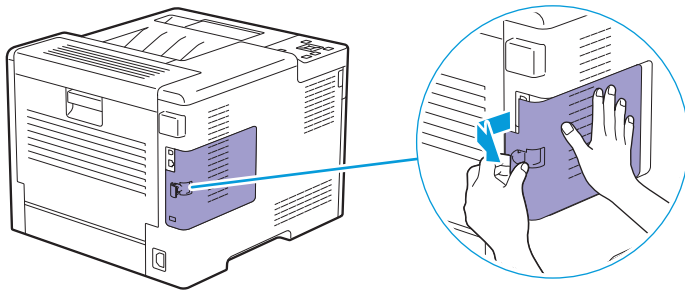
**1. Tắt máy in.**



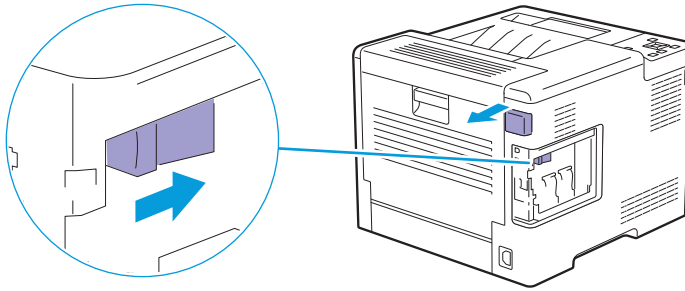
**2. Trượt lẫy sang bên phải, rồi lật lẫy về phía bạn.**



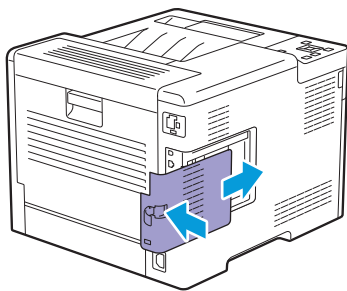
**3. Lấy một tay giữ nắp, rồi tay kia kéo lẫy về phía bạn và tháo nắp bên trái ra.**



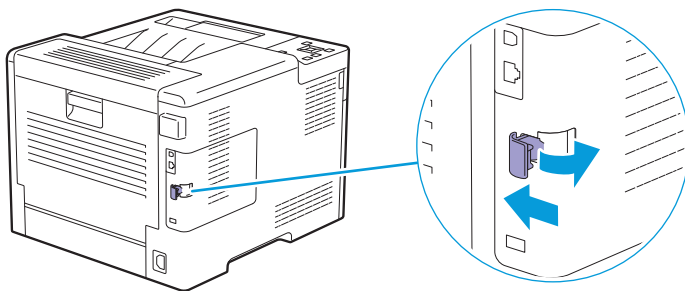
**4. Đẩy cần nhả về phía mặt trước của máy in, rồi kéo bộ điều hợp Wi-Fi ra.**



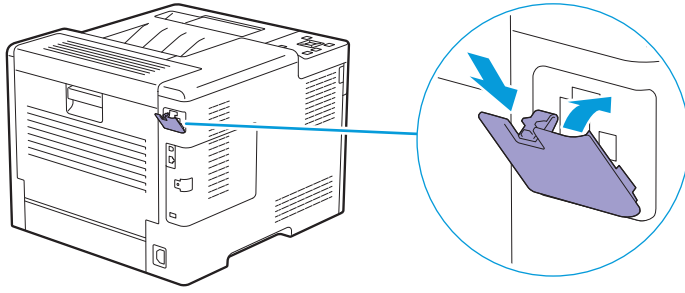
**5. Lắp nắp đậy vào và trượt nắp về phía mặt trước của máy in.**



**6. Lật lẫy về phía mặt trước của máy in, rồi trượt lẫy sang bên trái và khóa nắp.**



## 7. Lắp nắp ổ cắm của bộ điều hợp Wi-Fi.



## 6.7 Đếm số trang đã in

Bạn có thể kiểm tra tổng số trang đã in theo đồng hồ hoặc theo người dùng. Bản in một mặt được tính là một trang và in hai mặt được tính là hai trang.





### Lưu ý

- Bạn cũng có thể kiểm tra số trang được in trên CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

### 6.7.1 Kiểm tra theo đồng hồ

Có ba đồng hồ đếm được phân loại theo chế độ màu.

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Số liệu bộ đếm], rồi bấm nút .



### Tham khảo

- Để biết chi tiết về chức năng của từng đồng hồ, hãy xem "[Số liệu bộ đếm] (Tr.44)".




### 6.7.2 Kiểm tra theo người dùng

Kiểm tra số trang trên báo cáo được in ra.



### Lưu ý

- Khi [Chế độ Auditron] bị tắt, bạn có thể kiểm tra số trang theo từng khổ giấy.
- Khi [Chế độ Auditron] được bật, các lệnh in không có thông tin tài khoản được mô tả là [In không cần tài khoản].

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Báo cáo / Danh sách], rồi bấm nút .
3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bộ tính hóa đơn], rồi bấm nút .

# 7 Khắc phục sự cố

7.1	Xử lý hiện tượng kẹt giấy .....	147
7.2	Sự cố có thể xảy ra và giải pháp .....	155
7.3	Liên hệ với dịch vụ.....	179
7.4	Nhận trợ giúp.....	180

# 7.1 Xử lý hiện tượng kẹt giấy

## ! Quan trọng

- Không cố xử lý bất kỳ chỗ kẹt giấy nào bằng công cụ hoặc dụng cụ. Việc này có thể làm hư hại vĩnh viễn máy in.

## 💡 Lưu ý

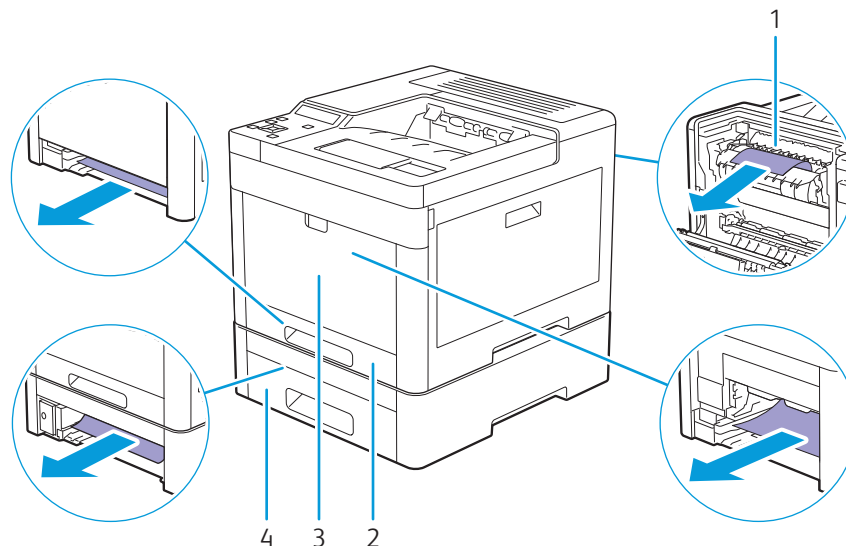
- Để tránh kẹt giấy, hãy lựa chọn cẩn thận giấy in thích hợp và nạp tài liệu cũng như giấy in đúng cách. Để biết chi tiết về cách chọn và nạp giấy in, hãy xem "Nguyên tắc về giấy in (Tr.66)" và "Nạp giấy in (Tr.71)".

## 7.1.1 Xác định vị trí bị kẹt giấy

### ⚠ CHÚ Ý

- Không cố gỡ giấy bị kẹt sâu bên trong máy in, đặc biệt là giấy bị quấn xung quanh cầu chì hoặc con lăn gia nhiệt. Nếu không, bạn có thể bị thương hoặc bị bỏng. Hãy tắt ngay máy in và liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn.

Hình minh họa sau đây sẽ trình bày những vị trí bị kẹt giấy có thể xảy ra, cùng đường di chuyển của giấy in.



1	Cầu chì
2	Khay 1
3	Khay nạp tay
4	Khay nạp 550 tờ tùy chọn

## 7.1.2 Xử lý chỗ kẹt giấy ở khay nạp tay và khay 1

### 💡 Lưu ý

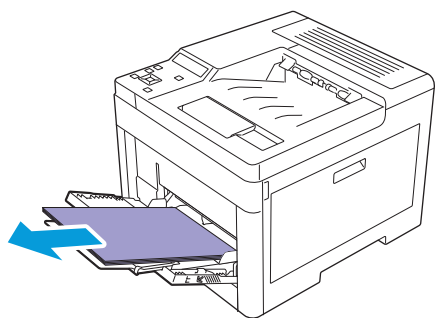
- Để khắc phục lỗi được hiển thị trên bảng vận hành, bạn phải lấy hết giấy in ra khỏi đường di chuyển của giấy in.

## 1. Kéo nhẹ và mở khay nạp tay.

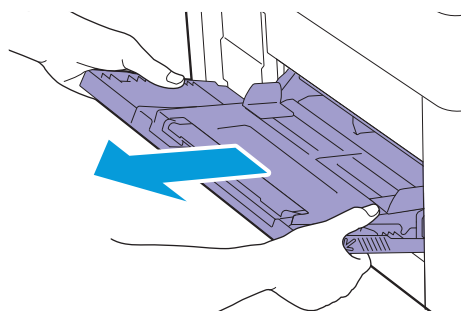


### Lưu ý

- Nếu khay nạp tay đã mở, hãy lấy giấy ra khỏi khay nạp tay.



## 2. Nắm chặt hai bên khay nạp tay, rồi kéo khay ra khỏi máy in.

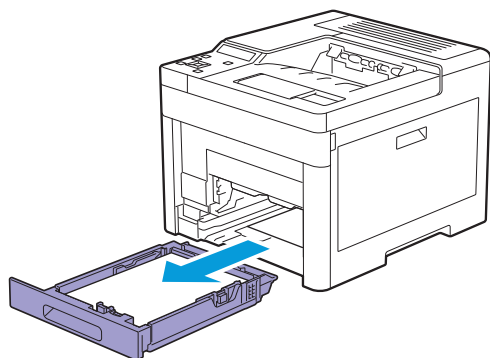


## 3. Kéo khay 1 ra khỏi máy in.

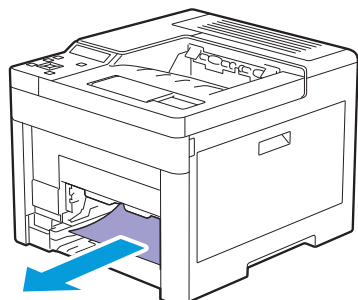


### CẢNH BÁO

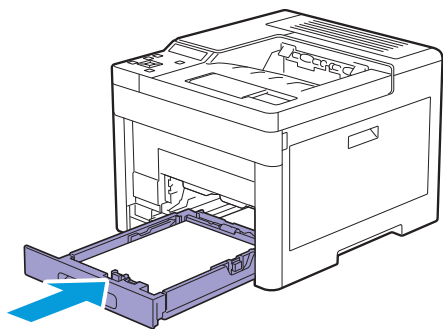
- Nếu bạn cần kéo khay ra hết để gỡ giấy bị kẹt, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn. Không kéo khay ra hết, nếu không, bạn có thể bị thương.



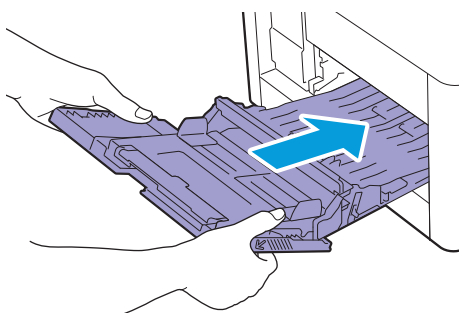
## 4. Lấy giấy bị kẹt ra.



**5. Lắp khay 1 vào máy in, rồi ấn cho đến khi khay dừng lại.**



**6. Lắp khay nạp tay vào máy in.**



## 7.1.3 Xử lý chỗ kẹt giấy ở bên trong nắp sau

### ⚠ CHÚ Ý

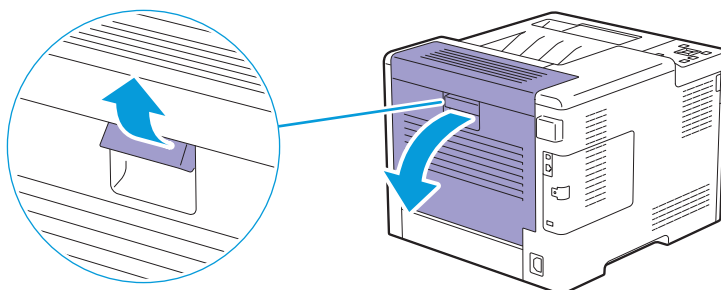
- Không cố gỡ giấy bị kẹt sâu bên trong sản phẩm, đặc biệt là giấy bị quấn xung quanh cầu chì hoặc con lăn gia nhiệt. Nếu không, bạn có thể bị thương hoặc bị bỏng. Hãy tắt ngay sản phẩm và liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn.

### 💡 Lưu ý

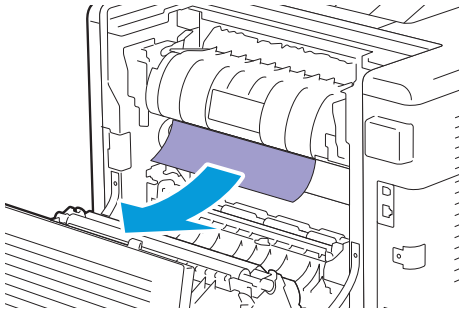
- Để khắc phục lỗi được hiển thị trên bảng vận hành, bạn phải lấy hết giấy in ra khỏi đường di chuyển của giấy in.

## Xử lý chỗ kẹt giấy ở cầu chì

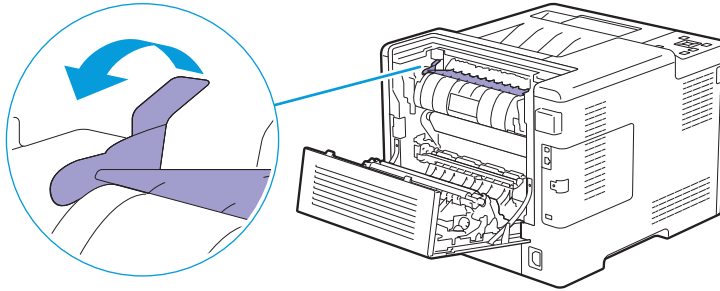
**1. Kéo cần điều khiển của nắp sau, rồi mở nắp sau.**



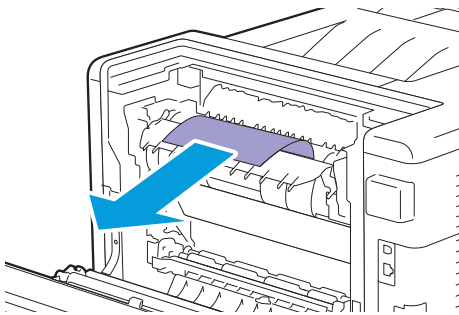
**2. Lấy giấy bị kẹt ở phía dưới cầu chì.**



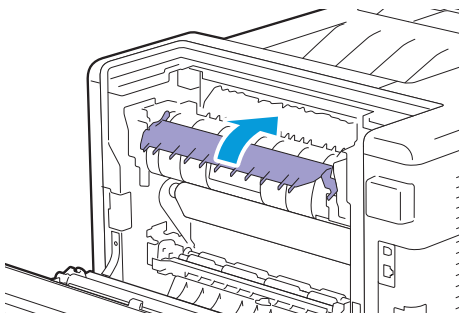
**3. Kéo vấu nằm phía trên cầu chì, rồi để mở bộ phận.**



**4. Lấy giấy bị kẹt ra.**



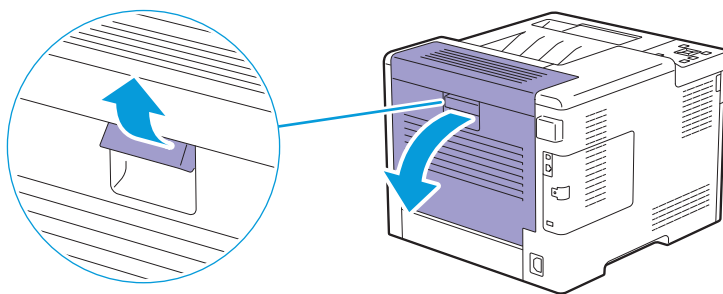
**5. Nhả nhẹ vấu và đóng bộ phận.**



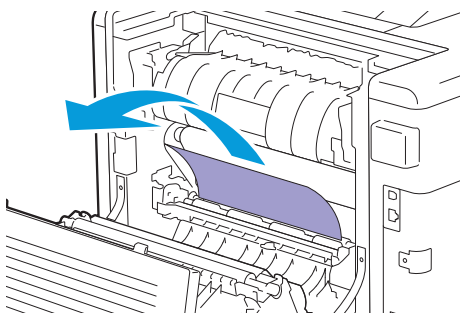
**6. Đóng nắp sau.**

## Xử lý chỗ kẹt giấy ở giữa các con lăn

1. Kéo cần điều khiển của nắp sau lên trên và mở nắp sau.



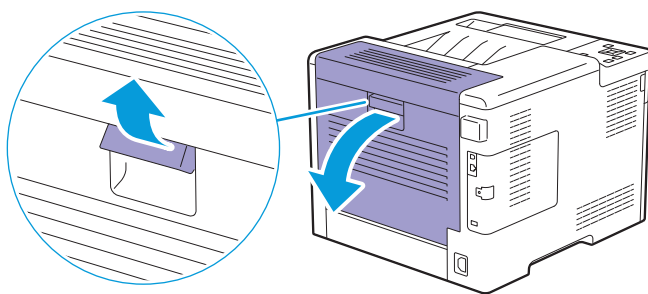
2. Lấy giấy bị kẹt ra.



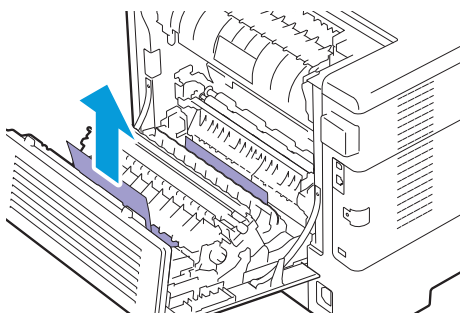
3. Đóng nắp sau.

## Xử lý chỗ kẹt giấy ở bộ phận lật mặt

1. Kéo cần điều khiển của nắp sau lên trên và mở nắp sau.



2. Lấy giấy bị kẹt ra.

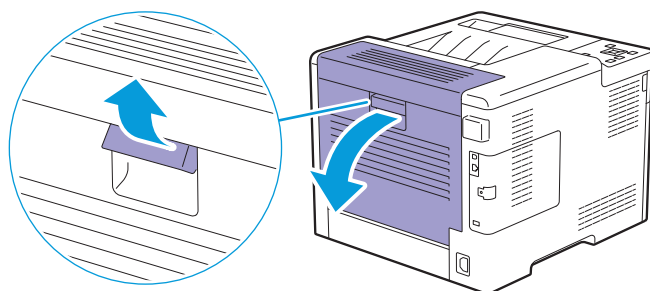


3. Đóng nắp sau.

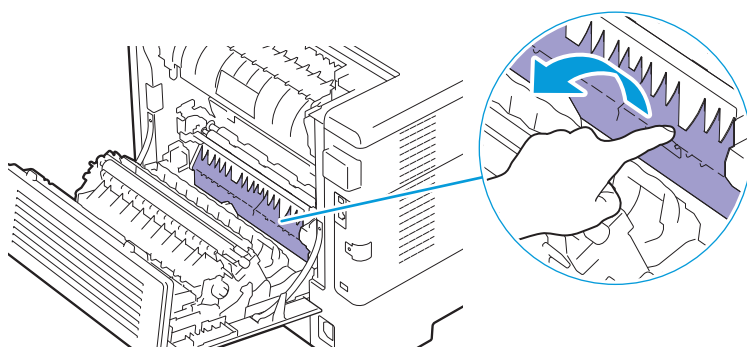
## Xử lý chỗ kẹt giấy ở nắp trượt sau

Khi mã trạng thái kẹt giấy bên trong nắp sau hiện ra nhưng bạn không thể tìm thấy giấy bị kẹt, hãy kiểm tra phần bên trong nắp trượt sau.

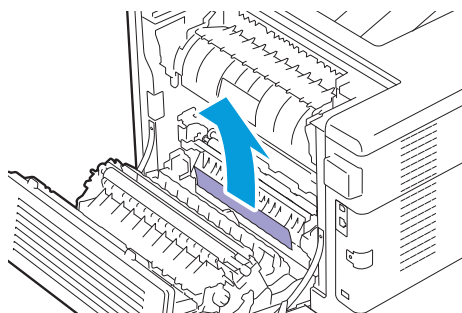
1. Kéo cần điều khiển của nắp sau, rồi mở nắp sau.



2. Kéo vấu để mở nắp trượt sau.



3. Lấy giấy bị kẹt ra.



4. Đóng nắp sau.

## 7.1.4 Xử lý chỗ kẹt giấy ở Khay nạp 550 tờ tùy chọn



### Lưu ý

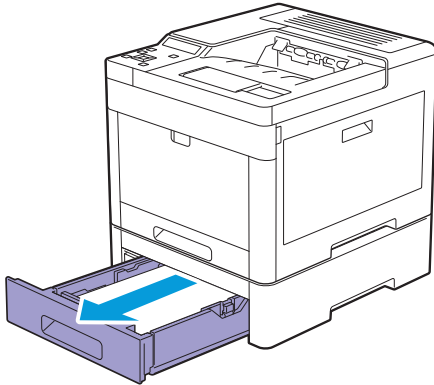
- Để khắc phục lỗi được hiển thị trên bảng vận hành, bạn phải lấy hết giấy in ra khỏi đường di chuyển của giấy in.

### 1. Kéo một nửa khay nạp 550 tờ tùy chọn ra khỏi máy in.

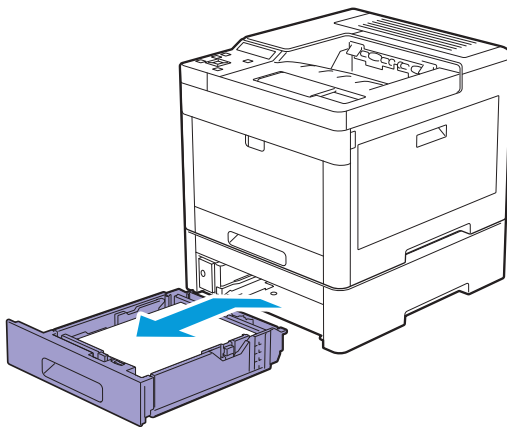


### CẢNH BÁO

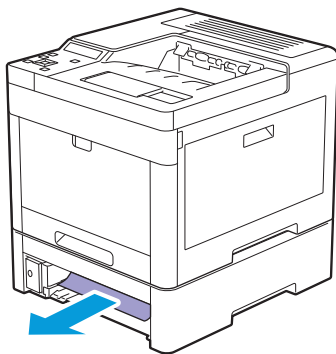
- Nếu bạn cần kéo khay ra hết để gỡ giấy bị kẹt, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn. Không kéo khay ra hết, nếu không, bạn có thể bị thương.



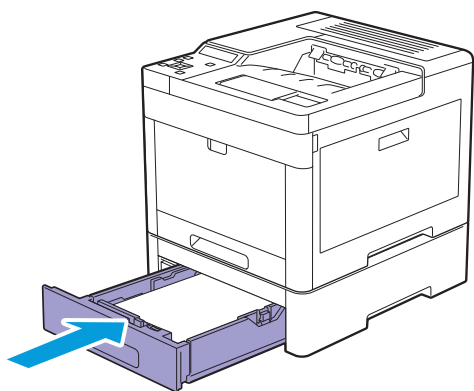
### 2. Giữ khay bằng cả hai tay, hơi nâng mặt trước của khay lên trên, rồi kéo khay ra hết.



### 3. Lấy giấy bị kẹt ra.



**4. Lắp khay nạp 550 tờ tùy chọn vào máy in, rồi ấn cho đến khi khay dừng lại.**



# 7.2 Sự cố có thể xảy ra và giải pháp

## 7.2.1 Sự cố cơ bản của máy in

Một số sự cố của máy in rất dễ giải quyết. Nếu có sự cố xảy ra với máy in, hãy kiểm tra từng mục sau.

- Dây nguồn được cắm vào máy in và vào một ổ cắm điện được tiếp mát thích hợp.
- Máy in được bật.
- Ổ cắm điện không bị tắt tại bất kỳ công tắc hoặc bộ ngắt nào.
- Thiết bị điện khác vẫn hoạt động khi được cắm vào ổ cắm.
- Tất cả các phụ kiện tùy chọn đều được lắp đúng cách.

Nếu bạn đã kiểm tra tất cả các vấn đề nêu trên mà sự cố vẫn xảy ra, hãy tắt máy in, đợi 10 giây rồi bật máy in. Cách này thường khắc phục được sự cố.





**Lưu ý**

- Nếu thông báo lỗi hiện ra trên bảng vận hành hoặc trên màn hình máy tính, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình để giải quyết sự cố với máy in. Xem "Tìm hiểu thông báo của máy in (Tr.105)".

## 7.2.2 Sự cố hiển thị

Sự cố	Hành động
Cài đặt trình đơn được thay đổi từ bảng vận hành không có hiệu lực.	Các cài đặt trong chương trình phần mềm, trình điều khiển in hoặc các tiện ích máy in sẽ được ưu tiên hơn các cài đặt được thiết lập trên bảng vận hành.

## 7.2.3 Sự cố in

Sự cố	Hành động
Không thể in hoặc bản in có ký tự không đúng.	<p>Đảm bảo rằng trình đơn trên cùng xuất hiện trên bảng vận hành trước khi bạn gửi lệnh in. Bấm nút  &lt;Menu&gt; (Trình đơn) để quay lại trình đơn trên cùng.</p> <p>Đảm bảo rằng giấy in được nạp vào máy in. Bấm nút  &lt;Menu&gt; (Trình đơn) để quay lại trình đơn trên cùng.</p> <p>Xác minh rằng bạn sử dụng đúng Ngôn ngữ mô tả trang.</p> <p>Xác minh rằng bạn sử dụng đúng trình điều khiển in.</p> <p>Đảm bảo rằng cáp USB hoặc Ethernet đúng được kết nối chắc chắn với máy in.</p> <p>Xác minh rằng khổ giấy in đúng được chọn.</p> <p>Nếu bạn sử dụng một bộ đệm in, hãy xác minh rằng bộ đệm in đó chưa ngừng hoạt động.</p> <p>Kiểm tra giao diện của máy in từ [Báo cáo / Danh sách]. Xác định giao diện máy chủ hiện tại. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Thiết đặt bảng điều khiển] nhằm xác minh rằng các cài đặt hiện tại của giao diện là đúng.</p>



**Tham khảo**

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Báo cáo / Danh sách] (Tr.43)".

## Sự cố

## Hành động

Sự cố nạp nhầm hoặc nạp nhiều giấy in xảy ra.

Đảm bảo rằng giấy in đáp ứng các thông số dành cho máy in đó.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".

Không dùng lẫn các loại giấy in.

Không dùng lẫn các ram giấy in.

Đảm bảo rằng giấy in không bị quăn.

Loại bỏ các tờ bị quăn ở đầu và cuối ram giấy trước khi nạp giấy in.

Gập, tãi và làm phẳng giấy in trước khi nạp.

Lật mặt hoặc đảo chiều giấy in và in lại.

Đảm bảo rằng giấy in được nạp đúng cách.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp giấy in (Tr.71)".

Không nạp quá nhiều vào khay 1, Khay nạp 550 tờ tùy chọn hoặc khay nạp tay.

Không dùng lực mạnh để nạp giấy in vào khay nạp tay, nếu không, giấy in có thể bị lệch hoặc cong.

Đảm bảo rằng mặt in được đề xuất hướng lên trên.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp giấy in (Tr.71)".

Đảm bảo các thanh dẫn hướng chiều rộng và chiều dài được điều chỉnh đúng.

Đảm bảo rằng khay 1, Khay nạp 550 tờ tùy chọn hoặc bộ phận khay nạp tay được lắp chắc chắn.

Nạp phong bì vào khay nạp tay thay vì khay 1.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp phong bì (Tr.77)".

Khi bạn chọn [Giấy bìa dày] làm loại giấy, hãy thực hiện như sau.

1 Nạp giấy in vào khay nạp tay.

2 Chọn [Giấy có bề mặt thô] trong [Loại giấy].



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp giấy in vào khay nạp tay (Tr.74)".

Lau sạch con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay 1, Khay nạp 550 tờ tùy chọn hoặc khay nạp tay bằng miếng vải mềm, không có xơ.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh các con lăn hãm và con lăn nạp giấy (Tr.128)".

Phong bì bị gấp nếp sau khi in.

Đảm bảo rằng phong bì được nạp như hướng dẫn trong "Nạp phong bì (Tr.77)".

Trang ngắt không đúng chỗ.

Tăng giá trị cho thời gian chờ trên bảng vận hành hoặc CentreWare Internet Services.

Giấy in không xếp chồng gọn ghẽ trong khay ra.

Lật ngược chồng giấy in trong khay 1, Khay nạp 550 tờ tùy chọn hoặc khay nạp tay.

Sự cố	Hành động
Không thể in từ khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn vì giấy in trong khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn bị quăn.	Nạp giấy in vào khay nạp tay.

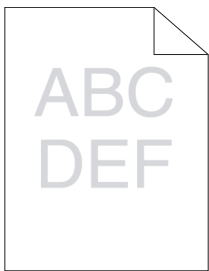
## 7.2.4 Sự cố về chất lượng in










### Lưu ý

- Bạn có thể thực hiện một số quy trình sau bằng bảng vận hành hoặc CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem "Tìm hiểu các trình đơn của máy in (Tr.43)" và phần trợ giúp của CentreWare Internet Services.

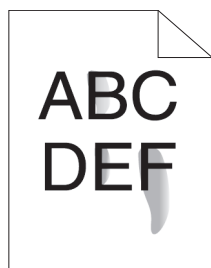
### Bản in nhạt mực





Sự cố	Hành động
Kết quả in ra quá nhạt mực.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra lượng mực in còn lại trong từng hộp mực in và thay hộp mực in nếu cần. <ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Lưu ý</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bạn cũng có thể kiểm tra mức mực in bằng CentreWare Internet Services hoặc Cổng in &amp; quét. Để biết chi tiết về CentreWare Internet Services, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về Print &amp; Scan Hub, hãy xem "Print &amp; Scan Hub (Windows®) (Tr.86)".</li> </ul> </li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</p> </li> <li>Nếu bạn đang sử dụng hộp mực in không phải là Fuji Xerox, hãy bật tùy chọn mực in không chính hãng. <ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Để biết chi tiết, hãy xem "Chế độ không chính hãng (Tr.186)".</li> </ul> </li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p> </li> <li>Tắt chế độ tiết kiệm mực in trong trình điều khiển in. <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a</b> Trên tab [Tùy chọn hình ảnh], đảm bảo rằng [Tắt] được chọn trong trình đơn thả xuống [Chế độ bản thảo].</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.</p> </li> <li>Bề mặt giấy in có thể không nhẵn. Hãy thay đổi loại giấy trong trình điều khiển in. Chẳng hạn, đổi giấy trơn thành giấy dày. <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a</b> Trên tab [Giấy/Đầu ra], thay đổi cài đặt loại giấy.</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 5.</p> </li> <li>Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đúng giấy in. <ul style="list-style-type: none"> <li> <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".</li> </ul> </li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 6.</p> </li> </ol>

Sự cố	Hành động
	<p>6 Lau sạch thuốc hiện và in Trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "[Vệ sinh bộ đánh dấu] (Tr.59)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 7.</p>
	<p>7 Đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa mực in và bột thuốc hiện rồi in Trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "[Thay mới mực] (Tr.59)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p> <b>Lưu ý</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tính năng này sử dụng mực in và làm giảm tuổi thọ của hộp mực in và hộp trống.</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 8.</p>
	<p>8 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Mực in nhòe/Mực in lỏng



Sự cố	Hành động
Mực in vấy ra hoặc xuất hiện.	<p>1 Bề mặt giấy in có thể không nhẵn. Hãy thay đổi loại giấy trong trình điều khiển in. Chẳng hạn, đổi giấy trơn thành giấy dày.</p> <p><b>a</b> Trên tab [Giấy/Đầu ra], thay đổi cài đặt loại giấy.</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</p>
	<p>2 Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đúng giấy in.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p>
	<p>3 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.</p>

Sự cố	Hành động
-------	-----------

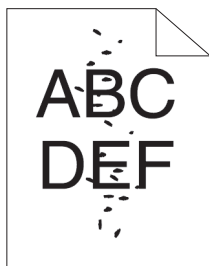
4 Lau sạch thuốc hiện và in Trang demo để xác minh.

 **Tham khảo**

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Vệ sinh bộ đánh dấu] (Tr.59)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Các đốm ngẫu nhiên/Hình ảnh mờ



Sự cố	Hành động
-------	-----------

Bản in bị mờ hoặc có các đốm ngẫu nhiên.

1 Đảm bảo rằng hộp mực in được lắp đúng.

 **Tham khảo**

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.

2 Đảm bảo rằng hộp trống được lắp đúng.

 **Tham khảo**

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.

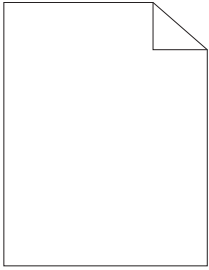
3 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.





 **Tham khảo**

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

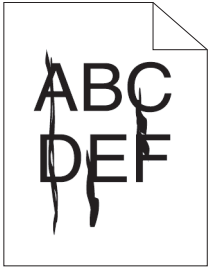
Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

# Bản in trống



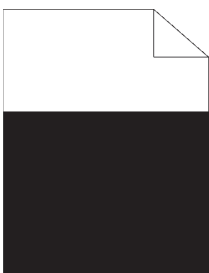
Sự cố	Hành động
Bản in hoàn toàn trống.	<p>1 Kiểm tra lượng mực in còn lại trong từng hộp mực in và thay hộp mực in nếu cần.</p> <p> <b>Lưu ý</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Bạn cũng có thể kiểm tra mức mực in bằng CentreWare Internet Services hoặc Print &amp; Scan Hub. Để biết chi tiết về CentreWare Internet Services, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về Print &amp; Scan Hub, hãy xem "Print &amp; Scan Hub (Windows®) (Tr.86)".</li></ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</p> <hr/>
	<p>2 Nếu bạn đang sử dụng hộp mực in không phải là Fuji Xerox, hãy bật tùy chọn mực in không chính hãng.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Chế độ không chính hãng (Tr.186)".</li></ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p> <hr/>
	<p>3 Tắt chế độ tiết kiệm mực in trong trình điều khiển in.</p> <p><b>a</b> Trên tab [Tùy chọn hình ảnh], hãy kiểm tra xem [Tắt] có được chọn trong trình đơn thả xuống [Chế độ bản thảo] không.</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.</p> <hr/>
	<p>4 Bề mặt giấy in có thể không nhẵn. Hãy thay đổi loại giấy trong trình điều khiển in. Chẳng hạn, đổi giấy trơn thành giấy dày.</p> <p><b>a</b> Trên tab [Giấy/Đầu ra], thay đổi cài đặt loại giấy.</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 5.</p> <hr/>
	<p>5 Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đúng giấy in.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".</li></ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 6.</p> <hr/>
	<p>6 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li></ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p> <hr/>

## Vệt




Sự cố	Hành động
Vệt xuất hiện trên bản in.	<ol style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra lượng mực in còn lại trong từng hộp mực in và thay hộp mực in nếu cần. <b>Lưu ý</b><ul style="list-style-type: none"><li>Bạn cũng có thể kiểm tra mức mực in bằng CentreWare Internet Services hoặc Print &amp; Scan Hub. Để biết chi tiết về CentreWare Internet Services, hãy xem phần trợ giúp của CentreWare Internet Services. Để biết chi tiết về Print &amp; Scan Hub, hãy xem "Print &amp; Scan Hub (Windows®) (Tr.86)".</li></ul>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</li><li>Nếu bạn đang sử dụng hộp mực in không phải là Fuji Xerox, hãy bật tùy chọn mực in không chính hãng. <b>Tham khảo</b><ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Chế độ không chính hãng (Tr.186)".</li></ul>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</li><li>Thay hộp trống và in trang demo để xác minh. <b>Tham khảo</b><ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li></ul>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</li></ol>

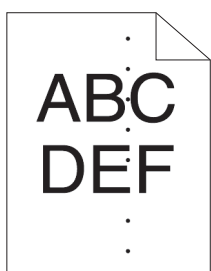
## Bản in bị đen (một phần hoặc toàn bộ trang)




Sự cố	Hành động
Một phần hoặc toàn bộ bản in bị đen.	<ol style="list-style-type: none"><li>Đảm bảo rằng hộp trống được lắp đúng. <b>Tham khảo</b><ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li></ul>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</li></ol>

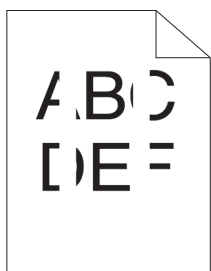
Sự cố	Hành động
	<p>2 Kiểm tra xem [Màu giấy ra] có được đặt thành [Màu] trong trình điều khiển in không.</p> <p>a Trên tab [Tùy chọn màu], đảm bảo rằng [Màu giấy ra] được đặt thành [Màu].</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p>
	<p>3 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>


## Các chấm màu giãn cách đều nhau



Sự cố	Hành động
Bản in có các chấm màu giãn cách đều nhau	<p>1 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Ô trống dọc



Sự cố	Hành động
Bản in có các ô trống dọc.	<p>1 Lau sạch bên trong máy in bằng que lau và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh đầu in LED (Tr.125)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</p>

## Sự cố

## Hành động

- Đảm bảo rằng hộp trống được lắp đúng.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.

- Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.

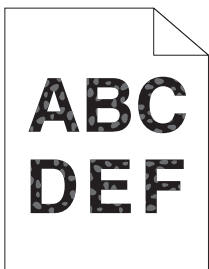


### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Vấn



## Sự cố

## Hành động

Bản in bị vằn.

- Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đúng giấy in.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.

- Tăng điện áp của bộ phận truyền.



### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Điều chỉnh BTR thứ 2] (Tr.58)".

- Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.

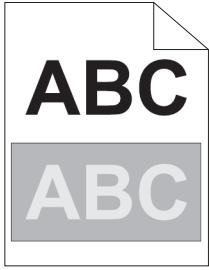


### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Bóng mờ



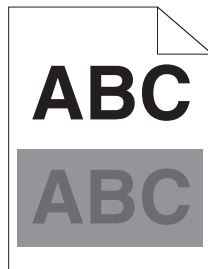
### Sự cố

### Hành động

Bản in bị bóng mờ.

1 Xác định loại bóng mờ.

Bóng mờ dương



Bóng mờ âm



Nếu loại bóng mờ là bóng mờ dương, hãy chuyển đến bước 2a.


Nếu loại bóng mờ là bóng mờ âm, hãy chuyển đến bước 2b.


Nếu không xác định được loại bóng mờ, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

2a Điều chỉnh độ chênh khi truyền.

**a** Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).

**b** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .

**c** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ bảo trì], rồi bấm nút .

**d** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Điều chỉnh bộ băng tải], rồi bấm nút .


**e** Chọn [In offset K] hoặc [In offset YMC], rồi giảm giá trị.


Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.

2b Điều chỉnh độ chênh khi truyền.

**a** Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).

**b** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .

**c** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ bảo trì], rồi bấm nút .

**d** Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Điều chỉnh bộ băng tải], rồi bấm nút .

**e** Chọn [In offset K] hoặc [In offset YMC], rồi tăng giá trị.


Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.

3 Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đúng giấy in.

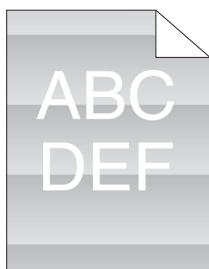
#### Tham khảo


- Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.

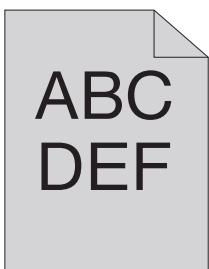
Sự cố	Hành động
	<p>4 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>


## Mỏi do ánh sáng



Sự cố	Hành động
Bản in có kiểu mỏi do ánh sáng.	<p>1 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Mờ



Sự cố	Hành động
Kết quả in ra bị mờ.	<p>1 Nếu toàn bộ trang của bản in ra bị nhạt mực, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền. Nếu không, hãy chuyển đến bước 2.</p> <p>2 Lau sạch thuốc hiện và in Trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "[Vệ sinh bộ đánh dấu] (Tr.59)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p>

## Sự cố

## Hành động

- 3 Đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa mực in và bột thuốc hiện rồi in Trang demo để xác minh.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Thay mới mực] (Tr.59)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

### Lưu ý

- Tính năng này sử dụng mực in và làm giảm tuổi thọ của hộp mực in và hộp trống.

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4a hoặc 4b.

- 4a Nếu bạn đang sử dụng hộp mực in không phải là Fuji Xerox, hãy bật tùy chọn mực in không chính hãng.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Chế độ không chính hãng (Tr.186)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 5.

- 4b Nếu bạn sử dụng mực in Fuji Xerox, hãy thay hộp trống và in trang demo để xác minh.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

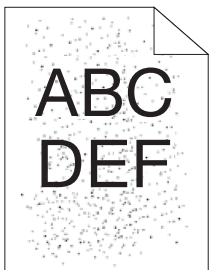
- 5 Thay hộp mực in có mực in Fuji Xerox và in trang demo để xác minh.

### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Hiện tượng chuỗi hạt (BCO)



## Sự cố

## Hành động


Hiện tượng chuỗi hạt (BCO) xảy ra.

- 1 Nếu máy in được lắp đặt ở nơi có độ cao lớn, hãy đặt độ cao của vị trí đó và in trang demo để xác minh.

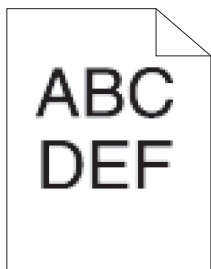
### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Điều chỉnh độ cao] (Tr.59)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.

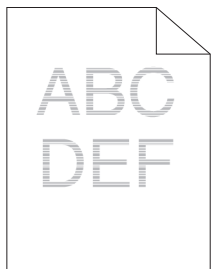
Sự cố	Hành động
	<p>2 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Ký tự có hình răng cưa



Sự cố	Hành động
Bản in ra có ký tự hình răng cưa.	<p>Quy trình sau sử dụng trình điều khiển Ngôn ngữ điều khiển máy in (PCL) làm ví dụ.</p> <p>1 Đặt [Màn hình] thành [Độ mịn] trong trình điều khiển in.</p> <p><b>a</b> Trên tab [Nâng cao], đặt [Màn hình] trong [Tùy chọn hình ảnh] thành [Độ mịn].</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</p>
	<p>2 Đặt [Chất lượng hình ảnh] thành [Chất lượng cao] trong trình điều khiển in.</p> <p><b>a</b> Trên tab [Tùy chọn màu], đảm bảo rằng [Màu giấy ra] được đặt thành [Màu].</p> <p><b>b</b> Chọn [Chất lượng cao] từ [Chất lượng hình ảnh].</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p>
	<p>3 Bật [Chế độ in trang] trong trình điều khiển in.</p> <p><b>a</b> Trên tab [Nâng cao], đặt [Chế độ in trang] trong [Tùy chọn hình ảnh] thành [Bật].</p> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.</p>
	<p>4 Nếu bạn sử dụng phông chữ được tải xuống, hãy đảm bảo phông chữ đó tương thích với máy in, hệ điều hành và chương trình đang sử dụng.</p> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Dải ngang



### Sự cố

### Hành động

Máy in có các dải ngang.

1 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.



#### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Đường chéo



### Sự cố

### Hành động

Bản in có các đường chéo.

1 Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.

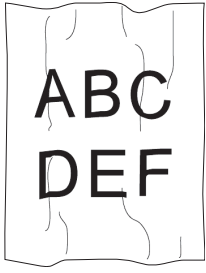


#### Tham khảo

- Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".

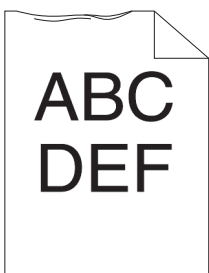
Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Bản in bị nhăn/vấy bẩn



Sự cố	Hành động
Bản in bị nhăn. Bản in bị vấy bẩn.	<ol style="list-style-type: none"><li>Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng đúng giấy in. <b>Tham khảo</b><ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Giấy in được hỗ trợ (Tr.66)".</li></ul>Nếu sự cố vẫn xảy ra trên phong bì, hãy chuyển đến bước 2. Nếu sự cố vẫn xảy ra trên giấy in không phải là phong bì, hãy chuyển đến bước 4.</li></ol> <hr/> <ol style="list-style-type: none"><li>Bảo đảm các cạnh phong bì được gấp vào khoảng 30 mm. Nếu sự cố vẫn xảy ra trên phong bì, hãy chuyển đến bước 3.</li></ol> <hr/> <ol style="list-style-type: none"><li>Nạp phong bì đúng cách. <b>Tham khảo</b><ul style="list-style-type: none"><li>Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp phong bì (Tr.77)".</li></ul>Nếu sự cố vẫn xảy ra trên phong bì, hãy chuyển đến bước 4.</li></ol> <hr/> <ol style="list-style-type: none"><li>Điều chỉnh các thanh dẫn giấy đúng cách. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 5.</li></ol> <hr/> <ol style="list-style-type: none"><li>Thay giấy in bằng giấy mới bóc, không bị hỏng. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</li></ol>

## Hồng mép trước của bản in ra



Sự cố	Hành động
Bản in ra bị hồng mép trước.	<ol style="list-style-type: none"><li>Điều chỉnh các thanh dẫn giấy đúng cách. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</li></ol> <hr/> <ol style="list-style-type: none"><li>Khi sử dụng khay giấy tay, hãy đảo giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3a. Khi sử dụng bất kỳ khay nào không phải là khay giấy tay, hãy thay giấy in. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</li></ol>

Sự cố	Hành động
	3 Thay giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3b.
	4 Sử dụng bất kỳ khay nào thay cho khay nạp tay. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

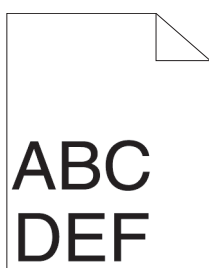
## 7.2.5 Sự cố kẹt giấy/cản chỉnh



### Lưu ý

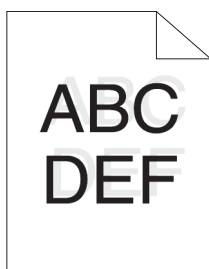
- Bạn có thể thực hiện một số quy trình sau bằng bảng vận hành hoặc. Để biết chi tiết về cài đặt, hãy xem "Tìm hiểu các trình đơn của máy in (Tr.43)".

### Lề trên và lề bên không đúng



Sự cố	Hành động
Lề trên và lề bên không đúng.	1 Điều chỉnh các thanh dẫn giấy đúng cách. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.
	2 Sử dụng bất kỳ khay nào thay cho khay nạp tay. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.
	3 Đảm bảo rằng các lề được đặt đúng trên chương trình đang sử dụng. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

### Định màu không theo trật tự



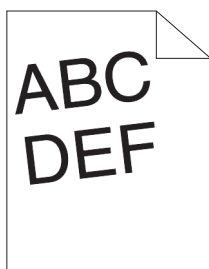
Sự cố	Hành động
Định màu không theo căn chỉnh.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hãy thay đổi loại giấy trong trình điều khiển in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</li> <li>Tiến hành điều chỉnh định màu tự động.</li> </ol>

**Tham khảo**

- Để biết chi tiết, hãy xem "[Điều chỉnh đăng ký màu] (Tr.58)".

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.



## Hình ảnh bị lệch




Sự cố	Hành động
Bản in bị lệch.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Điều chỉnh các thanh dẫn giấy đúng cách. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</li> <li>Sử dụng bất kỳ khay nào thay cho khay nạp tay. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</li> <li>Thay giấy in bằng giấy mới bóc, không bị hỏng. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</li> </ol>


## Kẹt giấy do nạp sai giấy vào khay 1/Khay nạp 550 tờ tùy chọn

Sự cố	Hành động
Sự cố nạp sai giấy in xảy ra ở khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn.	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo rằng khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn được lắp đúng cách. Nếu loại giấy in đang dùng là giấy dày, hãy chuyển đến 2a. Nếu loại giấy in đang dùng là giấy mỏng, hãy chuyển đến 2b. Nếu loại giấy in đang dùng là giấy tráng bóng, hãy chuyển đến 2c. Nếu bạn sử dụng giấy không thuộc các loại nêu trên, hãy chuyển đến các bước 2d và 2e.</li> <li> <ol style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng giấy in nặng 216 gsm trở xuống. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3a.</li> <li>Sử dụng giấy in nặng 60 gsm trở lên. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3a.</li> <li>Nạp giấy tráng bóng một tờ mỗi lần. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3b.</li> <li>Đảm bảo rằng giấy in không bị quấn. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3b.</li> </ol> </li> </ol>


Sự cố	Hành động
	<p>2e Đảm bảo rằng giấy in không bị ẩm. Nếu giấy in không ẩm, hãy chuyển đến bước 3a. Nếu giấy in bị ẩm, hãy chuyển đến bước 3c.</p>
	<p>3a Gập, tải và làm phẳng giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3b.</p>
	<p>3b Lau sạch con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn bằng vải ẩm.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay 1 (Tr.130)".</li> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp 550 tờ tùy chọn (Tr.132)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4b.</p>
	<p>3c Lật giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4a.</p>
	<p>4a Sử dụng giấy in không ẩm. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3a.</p>
	<p>4b Thay hộp trống.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Kẹt giấy do nạp sai giấy vào khay nạp tay

Sự cố	Hành động
Sự cố nạp sai giấy in xảy ra trong khay nạp tay.	<p>1 Đảm bảo rằng khay nạp tay được lắp đúng. Nếu loại giấy in đang dùng là giấy dày, hãy chuyển đến 2a. Nếu loại giấy in đang dùng là giấy mỏng, hãy chuyển đến 2b. Nếu loại giấy in đang dùng là giấy tráng bóng, hãy chuyển đến 2c. Nếu loại giấy in đang dùng là phong bì, hãy chuyển đến 2d. Nếu bạn sử dụng giấy không thuộc các loại nêu trên, hãy chuyển đến bước 2e.</p>
	<p>2a Sử dụng giấy dày có trọng lượng 216 gsm trở xuống. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3a.</p>
	<p>2b Sử dụng giấy mỏng có trọng lượng 60 gsm trở lên. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3d.</p>
	<p>2c Nạp giấy tráng bóng một tờ mỗi lần. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3b.</p>
	<p>2d Đảm bảo rằng phong bì được nạp đúng cách vào khay nạp tay như hướng dẫn.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp phong bì (Tr.77)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3c.</p>
	<p>2e Đảm bảo rằng giấy in không bị ẩm. Nếu giấy in không ẩm, hãy chuyển đến bước 3a. Nếu giấy in bị ẩm, hãy chuyển đến bước 3c.</p>


Sự cố	Hành động
	3a Gập, tải và làm phẳng giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3b.
	3b Lau sạch con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp tay bằng vải ẩm.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp tay (Tr.128)".</li> </ul> Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4a.
	3c Nếu phong bì bị biến dạng, hãy chỉnh lại hoặc sử dụng một phong bì khác. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3a.
	3d Lật giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4a.
	4a Sử dụng giấy in không ẩm. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4b.
	4b Thay hộp trống.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul> Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Kẹt giấy ở trục đồng bộ (Kẹt giấy khi cảm biến ra bột)


Sự cố	Hành động
Hiện tượng kẹt giấy ở trục đồng bộ (Kẹt giấy khi cảm biến ra bột) xảy ra.	1 Đảm bảo rằng hộp trống được lắp đúng. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.
	2 Thay hộp trống.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)".</li> </ul> Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

## Kẹt giấy do nạp nhiều giấy vào khay 1/Khay nạp 550 tờ tùy chọn



Sự cố	Hành động
Sự cố nạp nhiều giấy in xảy ra ở khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn.	1 Đảm bảo rằng khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn được lắp đúng cách. Nếu sử dụng giấy tráng bóng, hãy chuyển đến bước 2a. Nếu sử dụng giấy in loại khác, hãy chuyển đến bước 2b.
	2a Nạp giấy tráng bóng một tờ mỗi lần. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.
	2b Sử dụng giấy in không ẩm. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.
	3 Gập, tải và làm phẳng giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.






Sự cố	Hành động
	<p>4 Lau sạch con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay 1 hoặc Khay nạp 550 tờ tùy chọn bằng vải ẩm.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay 1 (Tr.130)".</li> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp 550 tờ tùy chọn (Tr.132)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## Kẹt giấy do nạp nhiều giấy vào khay giấy tay

Sự cố	Hành động
Sự cố nạp nhiều giấy in xảy ra ở khay nạp tay.	<p>1 Kiểm tra loại giấy in. Nếu sử dụng giấy tráng bóng, hãy chuyển đến bước 2a. Nếu sử dụng giấy in loại khác, hãy chuyển đến bước 2b.</p> <hr/> <p>2a Nạp giấy tráng bóng một tờ mỗi lần. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p> <hr/> <p>2b Sử dụng giấy in không ẩm. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p> <hr/> <p>3 Gập, tãi và làm phẳng giấy in. Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.</p> <hr/> <p>4 Lau sạch con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp tay bằng vải ẩm.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Vệ sinh con lăn hãm và con lăn nạp giấy của khay nạp tay (Tr.128)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 5.</p> <hr/> <p>5 Giảm số lượng giấy in nạp vào khay nạp tay. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## 7.2.6 Nhiều

Sự cố	Hành động
Bản in có nhiều.	<p>1 Để chỉ định nguyên nhân gây nhiều, hãy tiến hành điều chỉnh định màu.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "[Điều chỉnh đăng ký màu] (Tr.58)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 2.</p> <hr/> <p>2 Thay hộp đựng mực thải.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp đựng mực thải (Tr.122)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 3.</p>


Sự cố	Hành động
3	<p>Thay hộp trống và in trang demo để xác minh.</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp trống (Tr.117)" và "[Trang kiểm thử] (Tr.44)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 4.</p>
4	<p>Thay hộp mực in (K).</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 5.</p>
5	<p>Thay hộp mực in (Y).</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 6.</p>
6	<p>Thay hộp mực in (M).</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn xảy ra, hãy chuyển đến bước 7.</p>
7	<p>Thay hộp mực in (C).</p> <p> <b>Tham khảo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Thay hộp mực in (Tr.115)".</li> </ul> <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</p>

## 7.2.7 Sự cố với chứng chỉ kỹ thuật số


Sự cố	Hành động
<p>Các nút sau bị tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• [Yêu cầu ký chứng chỉ (CSR)]</li> <li>• [Tải lên chứng chỉ đã ký]</li> </ul>	<p>Tính năng giao tiếp SSL/TLS có thể bị tắt. Tạo chứng chỉ tự ký và bật giao tiếp SSL/TLS.</p>
<p>Không thể nhập chứng chỉ.</p>	<p>Cài đặt thời gian có thể không đúng. Hãy kiểm tra thời hạn hiệu lực của chứng chỉ cũng như cài đặt thời gian của máy in.</p> <p>Tệp chứng chỉ có thể không đúng. Hãy đảm bảo rằng mật khẩu đúng.</p> <p>Đảm bảo rằng loại tệp là PKCS#7/#12 hoặc x509CACert.</p> <p>Đảm bảo rằng thông tin thuộc tính, như Mục đích sử dụng chính hoặc Mục đích sử dụng chính mở rộng, của chứng chỉ cần nhập được đặt đúng cách.</p> <p>Trình duyệt có thể không đúng. Sử dụng Internet Explorer®.</p>
<p>016-404 hiện ra khi bạn cố gắng sử dụng các cài đặt bảo mật yêu cầu có chứng chỉ.</p>	<p>Dữ liệu chứng chỉ được lưu trữ trong bộ nhớ trong có thể bị xóa, bị hỏng hoặc không thể đọc được. Nhập chứng chỉ và bật lại các cài đặt bảo mật đó.</p>



Sự cố	Hành động
Không thể đặt [Chi tiết chứng chỉ] cho một chứng chỉ.	Giai đoạn có hiệu lực của chứng chỉ đó có thể đã hết. Hãy đảm bảo rằng cài đặt thời gian của máy in là đúng và kiểm tra xem giai đoạn có hiệu lực của chứng chỉ đó đã hết hay chưa.
	Đường dẫn đến chứng chỉ không hợp lệ. Chuỗi chứng chỉ (xác thực đường dẫn) của chứng chỉ được nhập có thể không được xác thực đúng. Hãy đảm bảo rằng tất cả các chứng chỉ mức cao (Tin cậy/Trung gian) đã được nhập và không bị xóa, đồng thời kiểm tra xem giai đoạn có hiệu lực đã hết hay chưa.
Mặc dù đã được nhập, nhưng chứng chỉ không được hiển thị khi bạn chọn với [Thiết bị cục bộ].	Loại chứng chỉ không đúng. Để nhập một chứng chỉ nhằm sử dụng với thiết bị (thiết bị riêng), hãy nhập khóa bí mật và một chứng chỉ có định dạng PKCS#12 (p12/pfx) làm một cặp.
Xác thực máy chủ không hoạt động đúng.	Dù nhập một chứng chỉ gốc (Tin cậy) dùng để xác thực máy chủ, có thể bạn vẫn cần một chứng chỉ Trung gian khi xác thực đường dẫn. Khi thực thi một tệp chứng chỉ với cơ quan chứng nhận, hãy tạo chứng chỉ có một định dạng bao gồm tất cả các đường dẫn, rồi nhập chứng chỉ đó.

## 7.2.8 Sự cố với kết nối không dây

Sự cố	Hành động
Không thể thiết lập kết nối không dây.	Đảm bảo rằng cáp Ethernet được rút ra khỏi máy in. Đảm bảo rằng [Wi-Fi] đã bật.
	 <b>Tham khảo</b> • Để biết chi tiết, hãy xem "[Wi-Fi] (Tr.48)".
	Tường lửa trên máy tính của bạn có thể đang chặn quá trình giao tiếp với máy in. Hãy tắt tường lửa trên máy tính của bạn.
	Đảm bảo rằng mạng không dây cục bộ của bạn hỗ trợ 802.11b/g/n ở 2,4 GHz.
Không thể thiết lập kết nối không dây với WPS.	Đảm bảo rằng cài đặt bảo mật của điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây là WPA hoặc WPA2. (WEP không được hỗ trợ trên WPS.)
Không thể thiết lập kết nối không dây bằng WPS (phương thức nút ấn).	Bấm nút WPS trên bộ định tuyến không dây hoặc điểm truy cập trong vòng 2 phút sau khi bắt đầu thao tác với WPS trên máy in. Để biết chi tiết về điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây, hãy xem sách hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập hoặc bộ định tuyến không dây.
Không thể thiết lập kết nối không dây bằng WPS (phương thức mã PIN).	Kiểm tra xem PIN bạn đã nhập trên máy tính có đúng không.

## 7.2.9 Sự cố với Wi-Fi Direct

Sự cố	Hành động
Thiết bị di động không thể tìm thấy máy in.	Máy in có thể được kết nối với một thiết bị di động khác qua Wi-Fi Direct. Hãy ngắt kết nối máy in và thiết bị di động đó.
	 <b>Tham khảo</b> • Để biết chi tiết, hãy xem "Ngắt kết nối các thiết bị di động khỏi mạng Wi-Fi Direct (Tr.31)".



Sự cố	Hành động
Thiết bị di động không thể kết nối với máy in.	Khi kết nối thiết bị Android với máy in bằng chức năng Wi-Fi Direct, đặt [Vai trò nhóm] thành [Tự động] từ bảng vận hành.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "[Wi-Fi Direct] (Tr.49)".</li> </ul>
Bạn không thể ngắt kết nối thiết bị di động khỏi máy in kể cả khi quy trình trong "Ngắt kết nối các thiết bị di động khỏi mạng Wi-Fi Direct (Tr.31)" đã được thực hiện.	Thiết bị di động có thể đang tự động kết nối lại với máy in. Đặt lại cụm mật khẩu cho Wi-Fi Direct và ngắt kết nối thiết bị di động.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Đặt lại cụm mật khẩu (Tr.31)".</li> </ul>
Không thể đặt chế độ mạng của máy in thành chế độ Phi thể thức.	Đảm bảo rằng [Wi-Fi Direct] đã tắt.
Không thể bật [Wi-Fi Direct].	Đảm bảo rằng chế độ mạng được đặt thành chế độ cơ sở hạ tầng. Đảm bảo rằng [Chế độ IP] được đặt ở chế độ khác với [IPv6].

## 7.2.10 Sự cố với Khay nạp 550 tờ tùy chọn đã lắp đặt

Nếu một Khay nạp 550 tờ tùy chọn không hoạt động đúng sau khi lắp đặt hoặc dừng hoạt động, hãy thực hiện các thao tác sau.

- Tắt máy in, đợi 10 giây rồi bật lại. Nếu cách này không khắc phục được sự cố, hãy rút phích máy in ra khỏi ổ cắm, rồi kiểm tra kết nối giữa Khay nạp 550 tờ tùy chọn và máy in.
- In báo cáo Cài đặt máy in để xem Khay nạp 550 tờ tùy chọn có nằm trong danh sách Tùy chọn máy in hay không. Nếu Khay nạp 550 tờ tùy chọn không nằm trong danh sách đó, hãy lắp lại khay đó. Xem "[Báo cáo / Danh sách] (Tr.43)".
- Đảm bảo rằng Khay nạp 550 tờ tùy chọn được chọn trong trình điều khiển in mà bạn đang sử dụng.

Bảng sau đây nêu các hành động khắc phục cho những sự cố liên quan. Nếu hành động khắc phục được đề xuất không khắc phục được sự cố, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.

Sự cố	Hành động
Khay nạp 550 tờ tùy chọn không hoạt động đúng cách.	Đảm bảo Khay nạp 550 tờ tùy chọn được lắp đặt đúng cách trên máy in. Lắp lại khay nạp.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Tháo Khay nạp 550 tờ tùy chọn (Tr.135)" và xem hướng dẫn lắp đặt đi kèm với Khay nạp 550 tờ tùy chọn.</li> </ul>
	Đảm bảo rằng giấy in được nạp đúng cách.   <b>Tham khảo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết chi tiết, hãy xem "Nạp giấy in trong khay 1 và Khay nạp 550 tờ tùy chọn (Tr.71)".</li> </ul>

## 7.2.11 Sự cố khác

Sự cố	Hành động
Nước ngưng tụ trong máy in.	Điều này thường xảy ra trong vòng vài giờ sau khi bạn làm ấm phòng trong mùa đông. Tình trạng này cũng xảy ra khi máy in hoạt động ở nơi có độ ẩm tương đối đạt 85% trở lên. Hãy điều chỉnh độ ẩm hoặc chuyển máy in đến nơi có môi trường thích hợp.

## 7.3 Liên hệ với dịch vụ

Khi bạn gọi điện cho dịch vụ máy in, hãy chuẩn bị mô tả sự cố bạn gặp phải hoặc thông báo lỗi xuất hiện. Bạn cần biết loại kiểu và số sê-ri (SER#) của máy in. Hãy xem bảng thông số ở phía sau máy in và viết số sê-ri ra.

## 7.4 Nhận trợ giúp

### 7.4.1 Thông báo trên bảng vận hành

Bảng vận hành cung cấp cho bạn thông tin và trợ giúp khắc phục sự cố. Khi xảy ra điều kiện cảnh báo hoặc lỗi, bảng vận hành sẽ hiển thị một thông báo cho bạn biết về sự cố. Xem "Tìm hiểu thông báo của máy in (Tr.105)".

### 7.4.2 Lấy thông tin sản phẩm

#### Nhận phần mềm mới nhất

Bạn có thể lấy phần mềm mới nhất bằng cách tải xuống trình điều khiển đó từ trang web của chúng tôi. Quy trình sau đây sử dụng Windows® 7 và Windows® 10 làm ví dụ.



#### Lưu ý

- Người dùng sẽ phải trả phí kết nối.

#### 1. Bấm vào [Start] > [Devices and Printers].

Đối với Windows® 10, bấm chuột phải vào nút Bắt đầu, rồi bấm vào [Control Panel] > [Hardware and Sound] > [Devices and Printers].

#### 2. Bấm chuột phải vào máy in, rồi chọn [Printer properties].

#### 3. Chọn tab [Cấu hình], rồi bấm vào [Giới thiệu].

#### 4. Bấm vào [Trang web Fuji Xerox].

Trình duyệt web của bạn sẽ khởi chạy và trang web của chúng tôi sẽ được hiển thị.

#### 5. Làm theo hướng dẫn trên trang web và tải xuống phần mềm mong muốn.



#### Lưu ý

- URL của trang dịch vụ tải xuống trình là như sau: <http://www.fujixeroxprinters.com/>
- Để biết thông tin mới nhất về các tính năng của phần mềm, hãy xem phần trợ giúp của phần mềm.

#### Cập nhật chương trình cơ sở của máy in

Trang web của chúng tôi cung cấp chương trình cho phép bạn cập nhật chương trình cơ sở của máy in (phần mềm được nhúng trong máy in) từ máy tính. Bạn có thể tải xuống chương trình cập nhật và chương trình cơ sở mới nhất từ URL sau đây:

<http://www.fujixeroxprinters.com/>

Làm theo hướng dẫn trên trang web và tải xuống chương trình cập nhật hoặc chương trình cơ sở mong muốn.






#### Lưu ý





- Người dùng sẽ phải trả phí kết nối.


# Phụ lục



Các thông số kỹ thuật.....	182
Chế độ không chính hãng.....	186
Liên hệ với Fuji Xerox.....	187

# Các thông số kỹ thuật


Mã Sản Phẩm	DocuPrint CP315 dw 220 V: TL500442 DocuPrint CP315 dw 110 V: TL500440
Kiểu	Máy tính để bàn
Phương thức in	In chụp khô LED  <b>Quan trọng</b> • LED + hệ thống ảnh điện LED
Thời gian khởi động	20 giây trở xuống (khi máy in bật và nhiệt độ phòng là 23°C)
Tốc độ In Liên tục	1 mặt Màu: 28,6 tờ/phút, Đơn sắc: 28,6 tờ/phút* <sup>1</sup>  2 mặt Màu: 18,8 tờ/phút, Đơn sắc: 18,8 tờ/phút* <sup>2</sup> * <sup>1</sup> Khi các tài liệu giống nhau được in liên tục trên giấy A4 (giấy trơn) * <sup>2</sup> Khi in liên tục trên giấy A4   <b>Quan trọng</b> • Tốc độ có thể bị giảm do điều chỉnh chất lượng hình ảnh. • Hiệu suất có thể giảm tùy thuộc vào loại giấy, khổ giấy và các điều kiện in.
Thời gian cho ra bản in đầu tiên	A4: Màu: 9,2 giây, Đơn sắc: 8,2 giây  <b>Quan trọng</b> • Khi nạp giấy từ khay 1 • Giá trị có thể thay đổi tùy theo môi trường đầu ra.
Độ phân giải In	1200 x 2400 dpi
Đơn sắc	256 tông/màu (16,7 triệu màu)
Khổ giấy	Khay nạp 250 tờ thông thường (Khay 1): A4/B5/A5/A6/16K/Legal/Folio/Letter/Executive/Phong bì/Bưu thiếp Khổ tùy chỉnh (Rộng: 76,2 đến 215,9 mm, Dài: 148 đến 355,6 mm)  Khay nạp 550 tờ tùy chọn (Khay 2): A4/B5/A5/Legal/Folio/Letter/Executive Khổ tùy chỉnh (Rộng: 76,2 đến 215,9 mm, Dài: 190,5 đến 355,6 mm)  Khay nạp tay: A4/B5/A5/A6/16K/Legal/Folio/Letter/Executive/Phong bì/Bưu thiếp Khổ tùy chỉnh (Rộng: 76,2 đến 215,9 mm, Dài: 127 đến 355,6 mm)  In 2 mặt: A4/B5/A5/16K/Legal/Folio/Letter/Executive Khổ tùy chỉnh (Rộng: 139,7 đến 215,9 mm, Dài: 210 đến 355,6 mm)
Khổ giấy	Chiều rộng mác hình: Cạnh trên, 4 mm trở xuống; cạnh dưới, 4 mm trở xuống; cạnh phải và trái, 4 mm trở xuống

Trọng lượng giấy	<p>Khay nạp 250 tờ thông thường (Khay 1): 60 – 220 gsm          Khay nạp tay: 60 – 220 gsm          In 2 mặt: 60 – 176 gsm          Khay nạp 550 tờ tùy chọn (Tray2): 60 – 220 gsm</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Bạn nên sử dụng giấy được Fuji Xerox khuyến dùng. Thao tác in có thể được thực hiện không chính xác tùy thuộc vào loại giấy, chất lượng giấy hoặc khổ giấy. Khi sử dụng giấy có khổ tùy chỉnh, hãy kiểm tra trước hiệu quả nạp giấy. Không sử dụng giấy in phun đặc biệt. Đôi khi có thể không sử dụng được bìa thiệp làm từ giấy tái chế. Chất lượng in có thể giảm nếu in trên giấy được in sẵn hoặc mặt sau của giấy đã được in hoặc nếu môi trường sử dụng có khí hậu khô, lạnh hoặc nóng và ẩm ướt. Để biết chi tiết, hãy liên hệ với văn phòng đại diện của Fuji Xerox ở địa phương hoặc đại lý được ủy quyền.</li> </ul>
Dung lượng khay giấy	<p>Chuẩn: Khay 1: 250 tờ, Khay nạp tay: 50 tờ          Tùy chọn: Khay nạp 550 tờ tùy chọn: 550 tờ (x 1 khay)          Tối đa: 850 tờ (Chuẩn + Khay nạp 550 tờ tùy chọn)</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi sử dụng giấy 80 gsm</li> </ul>
Sức chứa của Khay Giấy ra	<p>Chuẩn: 150 tờ (lật úp)</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi sử dụng giấy 80 gsm</li> </ul>
Tính Năng 2 Mặt	Chuẩn
Dung lượng bộ nhớ	<p>Chuẩn: 512 MB (gắn trong)          Tùy chọn: —</p>
Dung lượng ổ cứng	—
Kiểu Chữ Được Cài Đặt	<p>Chuẩn: PCL: 81 phông chữ và 36 bộ ký hiệu, PostScript 3 Compatible: 80 phông chữ</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác minh bằng OCR-B hoặc máy quét mã vạch là bắt buộc để đọc OCR hoặc mã vạch. Chúng tôi khuyên bạn nên kiểm tra trước tính khả dụng.</li> </ul>
Ngôn ngữ in	PCL6, PCL5e, PostScript 3 Compatible

HĐH	<p>Chuẩn:Trình điều khiển PCL6  Windows® 10 (32 bit)  Windows® 10 (64 bit)  Windows® 8.1 (32 bit)  Windows® 8.1 (64 bit)  Windows® 7 (32 bit)  Windows® 7 (64 bit)  Windows Vista® (32 bit)  Windows Vista® (64 bit)  Windows Server® 2012 R2 (64 bit)  Windows Server® 2012 (64 bit)  Windows Server® 2008 R2 (64 bit)  Windows Server® 2008 (32 bit)  Windows Server® 2008 (64 bit)</p> <p>Chuẩn: PostScript 3 Compatible  Windows® 10 (32 bit)  Windows® 10 (64 bit)  Windows® 8.1 (32 bit)  Windows® 8.1 (64 bit)  Windows® 7 (32 bit)  Windows® 7 (64 bit)  Windows Vista® (32 bit)  Windows Vista® (64 bit)  Windows Server® 2012 R2 (64 bit)  Windows Server® 2012 (64 bit)  Windows Server® 2008 R2 (64 bit)  Windows Server® 2008 (32 bit)  Windows Server® 2008 (64 bit)  OS X 10.11 El Capitan  OS X 10.10 Yosemite  OS X 10.9 Mavericks  OS X 10.8 Mountain Lion  Mac OS X 10.7 Lion</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Để biết thông tin về hệ điều hành mới nhất được hỗ trợ, hãy truy cập trang web của Fuji Xerox.</li> </ul>
Giao diện	Chuẩn: Ethernet (1000BASE-T/100BASE-TX/10BASE-T), USB 2.0 (Tốc độ cao), IEEE 802.11b/802.11g/802.11n
Giao thức mạng	TCP/IP (IPv4/IPv6, LPD, IPP, IPPS, SMB, Port9100, WSD*, HTTP, HTTPS, RARP, AutoIP, WINS, Telnet, LDAP, LDAPS, Kerberos, DNS, SNMP, FTP), DHCP, BOOTP, Bonjour (mDNS) * WSD là chữ viết tắt của Web Services on Devices (Các dịch vụ web trên thiết bị).
Nguồn điện	AC 110 – 127 V ± 10%; 11 A; cả hai đều là 50/60 Hz ± 3 Hz AC 220 – 240 V ± 10%; 6 A; cả hai đều là 50/60 Hz ± 3 Hz

Tiếng ồn	<p>Trong khi hoạt động (chỉ thiết bị chính): 6,8 B; 51,5 dB (A)          Trong khi chờ (chỉ thiết bị chính): 4,1 B</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đo lường được tiến hành dựa trên ISO7779.</li> <li>• Đơn vị B: Mức công suất âm thanh (<math>L_{WA}</math>)              Đơn vị dB (A): Áp suất âm thanh tỏa ra (vị trí người đứng bên cạnh)</li> </ul>
Mức tiêu thụ điện	<p>AC 110 – 127 V:          Mức tiêu thụ điện: 1210 W trở xuống (110 V)          Chế độ ngủ: 1,2 W trở xuống</p> <p>AC 220 – 240 V:          Mức tiêu thụ điện: 1320 W trở xuống (220 V)          Chế độ ngủ: 1,2 W trở xuống</p>
Kích thước	<p>Chiều rộng 420 x Chiều dày 466 x Chiều cao 347 mm<sup>*</sup>  <sup>*</sup> Không có phần nhô ra và các phụ kiện tùy chọn</p>
Trọng lượng	Khoảng 24,1 Kg (khi có hộp mực in), khoảng 23,7 Kg (khi không có hộp mực in)
Môi trường sử dụng	<p>Trong khi sử dụng          Nhiệt độ: 10 – 32°C          Độ ẩm: 10 – 85% (trừ trường hợp hư hỏng do động sương)</p> <p>Không sử dụng          Nhiệt độ: -20 – 40°C          Độ ẩm: 5 – 85% (trừ trường hợp hư hỏng do động sương)</p> <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu các điều kiện (nhiệt độ và độ ẩm) trong máy in không thích ứng với môi trường lắp đặt, thì chất lượng in có thể giảm, tùy theo chất lượng giấy.</li> </ul>

## Khay nạp 550 tờ tùy chọn

Khổ giấy	Tối đa: Legal, Tối thiểu: A5 Khổ tùy chỉnh: 76,2 x 190,5 mm – 215,9 x 355,6 mm
Trọng lượng giấy	60 – 220 (gsm)
Công suất nạp / Số khay	550 tờ x Một khay <p> <b>Quan trọng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi sử dụng giấy 80 gsm</li> </ul>
Trọng lượng	Chiều rộng 420 x Chiều dày 465 x Chiều cao 123 mm
Trọng lượng	7 kg
Yêu cầu về không gian (Khi kết nối thiết bị chính)	Chiều rộng 870 x Chiều dày 1264 mm (Khi khay 1 được mở rộng.)






# Chế độ không chính hãng

Khi bạn muốn sử dụng máy in ở chế độ Không chính hãng, hãy bật chế độ Không chính hãng và thay hộp mực in.



## Lưu ý

- Nếu bạn sử dụng máy in ở chế độ Không chính hãng, hiệu suất của máy in có thể không được ở mức tối ưu. Mọi sự cố có thể nảy sinh do sử dụng chế độ Không chính hãng sẽ đều không được bao trả theo bảo đảm chất lượng của chúng tôi. Việc liên tục sử dụng chế độ Không chính hãng còn có thể khiến máy in bị hỏng và người dùng gây ra hư hỏng đó sẽ phải chịu toàn bộ phí sửa chữa.
- Để tắt chế độ Không chính hãng, hãy chọn [Tắt] cho mục in Không chính hãng trên bảng vận hành.

1. Bấm nút  <Menu> (Trình đơn).
  2. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Menu người quản trị], rồi bấm nút .
  3. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Chế độ bảo trì], rồi bấm nút .
  4. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Không chính hãng], rồi bấm nút  hai lần.
  5. Bấm nút ▲ hoặc ▼ để chọn [Bật], rồi bấm nút .
- Máy in sẽ chuyển sang chế độ Không chính hãng.

# Liên hệ với Fuji Xerox

## Chính sách hỗ trợ kỹ thuật

Fuji Xerox khuyên Khách hàng trước tiên nên sử dụng tài liệu hỗ trợ đi kèm sản phẩm, thông tin chẩn đoán sản phẩm, thông tin có trên web và hỗ trợ qua email. Nếu không thành công, để nhận dịch vụ theo bảo hành sản phẩm, Khách hàng phải thông báo cho bộ phận Hỗ trợ qua điện thoại của Fuji Xerox hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của hãng về lỗi trước khi hết thời hạn bảo hành. Khách hàng sẽ có những hỗ trợ phù hợp cho nhân viên bộ phận Hỗ trợ qua điện thoại để khắc phục sự cố, như: khôi phục hệ điều hành, chương trình phần mềm và trình điều khiển về cài đặt và cấu hình mặc định, xác minh chức năng của các sản phẩm được Fuji Xerox cung cấp, thay thế các bộ phận mà khách hàng có thể thay thế, xử lý tình trạng nạp sai giấy, vệ sinh thiết bị và thực hiện các hoạt động bảo dưỡng phòng ngừa, cũng như các công việc thường trình khác được quy định.

Nếu sản phẩm của Khách hàng có các tính năng cho phép Fuji Xerox hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của hãng chẩn đoán và khắc phục sự cố với sản phẩm từ xa, thì Fuji Xerox có thể yêu cầu Khách hàng cho phép những hoạt động truy cập từ xa như vậy vào sản phẩm.

## Dịch vụ trực tuyến

Bạn có thể tìm thấy thông tin chi tiết về bảo hành Sản phẩm và Ống mực trên trang web của chúng tôi tại <http://www.fujixeroxprinters.com/>

Nhân viên hỗ trợ trực tuyến của Fuji Xerox sẽ cung cấp các chỉ dẫn và hướng dẫn khắc phục sự cố để giải quyết vấn đề với máy in của bạn. Đây là phần trợ giúp trực tuyến để sử dụng và có thể tìm kiếm. Để tìm hiểu thêm, hãy truy cập phần hỗ trợ trực tuyến của chúng tôi tại <http://www.fujixeroxprinters.com/>

DocuPrint CP315 dw  
Hướng dẫn Sử dụng

Fuji Xerox Co., Ltd.

ME7748VI0-3 (Ấn bản 1)

Tháng 3 năm 2017

Bản quyền© 2017 của Fuji Xerox Co., Ltd.